

IA

MAGNIFICA HUMANITAS

VINH QUANG THIÊN CHÚA
VÀ HẠNH PHÚC CON NGƯỜI

“

Ồi phẩm giá cao quý
của con người. Đấng Tạo Hoá
đã ban cho con sự hiểu biết về Ngài
và chăm sóc con, cùng mọi sự
dưới bầu trời này.”

— CICERO



ĐỨC THÁNH CHA LÊ XIV
HIỂU BIẾT. YÊU THƯƠNG. PHỤC VỤ.

Người dịch: Phaolô Phạm Xuân Khôi



HÌNH ẢNH THIÊN CHÚA

Chúng ta được dựng nên
theo hình ảnh của
Thiên Chúa và giống Ngài.



LÝ TRÍ

Chúng ta được mời gọi
tìm kiếm và nhận biết
sự thật.



TRÁCH NHIỆM

Chúng ta là những người
quản lý công trình sáng tạo,
được mời gọi chăm sóc
và gìn giữ.



TỰ DO

Chúng ta được tự do
để chọn điều thiện
và yêu thương.



THÔNG ĐIỆP MAGNIFICA HUMANITAS
CỦA ĐỨC THÁNH CHA LÊ Ô XIV
VỀ VIỆC GÌN GIỮ PHẨM GIÁ CON NGƯỜI
TRONG THỜI ĐẠI TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

Phaolô Phạm Xuân Khôi chuyển ngữ từ bản Tiếng Anh

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	1
Những sự mới mẻ (res novae) của thời đại chúng ta	2
Hai hình ảnh trong Thánh Kinh	3
Xây dựng vì công ích	5
Vẫn luôn là con người.....	6
CHƯƠNG I - MỘT TIẾP CẬN NĂNG ĐỘNG TRUNG THÀNH VỚI TIN MỪNG	8
Một Hội Thánh đang lữ hành trong lịch sử nhân loại	8
Sự khôn ngoan của Lời Chúa trong cuộc đối thoại với các khoa học nhân văn.....	10
Học thuyết Xã hội như một tiến trình phân định chung	11
Sự phát triển của Học thuyết Xã hội từ Đức Lêô XIII đến hiện tại	13
Những giai đoạn đầu của Học thuyết Xã hội của Hội Thánh	13
Những năm của Công đồng Chung Vaticanô II	15
Huấn quyền gần đây.....	18
Giải thích lịch sử dưới ánh sáng đức tin	21
CHƯƠNG II - NỀN TẢNG VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA HỘI THÁNH.....	22
Những nền tảng của Học thuyết Xã hội.....	22
Con người: hình ảnh của Thiên Chúa Ba Ngôi.....	22
Phẩm giá bình đẳng của mọi con người.....	23
Giá trị tối thượng của nhân quyền	24
Những nguyên tắc của Học thuyết Xã hội	26
Nguyên tắc công ích.....	26
Nguyên tắc về mục tiêu phổ quát của của cải.....	28
Nguyên tắc bổ trợ.....	29
Nguyên tắc liên đới	31
Nguyên tắc công bằng xã hội.....	32

Phát triển con người toàn diện	34
Một xét mình dành cho Hội Thánh	35
CHƯƠNG III _CÔNG NGHỆ VÀ SỰ THỐNG TRỊ_ SỰ CAO CẢ CỦA NHÂN LOẠI DƯỚI ÁNH SÁNG NHỮNG LỜI HỨA CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	38
Mô thức kỹ trị và quyền lực kỹ thuật số	38
Trí tuệ nhân tạo	40
Một công cụ hữu ích đòi hỏi sự cảnh giác	41
Trách nhiệm, tính minh bạch và việc quản trị AI.....	42
Điều không được đánh mất.....	45
Những câu chuyện nền tảng: chủ nghĩa siêu nhân bản và hậu nhân bản.....	46
Giới hạn, trái tim và sự cao cả của con người.....	47
“Hơn cả con người” đích thực: ân sủng và nền nhân bản Kitô giáo.....	50
Hai thành phố và hai tình yêu	51
CHƯƠNG IV- BẢO VỆ NHÂN LOẠI TRONG THỜI KỲ BIẾN ĐỔI_ SỰ THẬT, VIỆC LÀM, TỰ DO.....	52
Sự thật như một công ích	52
Sự thật và nền dân chủ	52
Truyền thông và trí tưởng tượng tập thể	53
Hướng tới một nền sinh thái học về truyền thông	54
Một liên minh giáo dục cho thời đại kỹ thuật số	55
Vai trò trung tâm của nhà trường	56
Phẩm giá của việc làm trong thời đại chuyển đổi kỹ thuật số	57
Giá trị của việc làm	57
Vấn đề thất nghiệp	58
Một nền kinh tế tôn trọng phẩm giá.....	61
Gia đình và giới trẻ: những điều kiện xã hội của niềm hy vọng.....	63
Bảo vệ tự do trước những lệ thuộc và thương mại hóa.....	65
Những sự lệ thuộc và kiểm soát xã hội.....	65
Phá vỡ xiềng xích của những hình thức nô lệ mới.....	66
Trách nhiệm chung.....	69

CHƯƠNG V - NỀN VĂN HÓA QUYỀN LỰC VÀ NỀN VĂN MINH TÌNH THƯƠNG	70
Nền văn minh tình thương trong kỷ nguyên kỹ thuật số	71
Nền văn hóa quyền lực	72
Sự bình thường hóa chiến tranh	72
Sức mạnh không giới hạn	73
Vũ khí và trí tuệ nhân tạo.....	74
Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa đa phương.....	76
Một chủ nghĩa hiện thực chính trị giả định.....	77
Xây dựng nền văn minh tình thương	78
Tất cả chúng ta đều có thể góp phần.....	79
Nhu cầu giải giới ngôn từ	80
Xây dựng hòa bình qua công lý	80
Nhìn bằng quan điểm của các nạn nhân.....	81
Nuôi dưỡng một chủ nghĩa hiện thực lành mạnh.....	81
Hội sinh đối thoại.....	82
Sự cần thiết của ngoại giao và chủ nghĩa đa phương.....	83
Cầu nguyện và hy vọng.....	84
KẾT LUẬN.....	85
Ngôi Lời đã làm người.....	85
Một thân thể trong Đức Kitô.....	87
Công trường của thời đại chúng ta.....	87
Bài ca hy vọng: Kinh Magnificat.....	90

DẪN NHẬP

1. Nhân loại, được Thiên Chúa tạo dựng trong tất cả sự cao cả của mình, hôm nay đang đối diện với một chọn lựa mang tính quyết định hoặc kiến tạo một Tháp Babel mới, hoặc xây dựng thành đô nơi Thiên Chúa và nhân loại cùng cư ngụ. Mỗi thế hệ đều lãnh nhận trách nhiệm định hình thời đại của chính mình, hướng dẫn lịch sử trở thành nơi mà phẩm giá của mỗi con người được bảo vệ, công lý được cổ võ, và tình huynh đệ được trở nên khả thi. Tuy nhiên, mỗi thời đại cũng luôn mang trong mình nguy cơ tạo ra một thế giới càng ngày càng phi nhân và bất công hơn. Mỗi khi nhân loại đứng trước nguy cơ làm hoen ố căn tính đích thực của mình, chúng ta là những Kitô hữu hướng mắt lên Thiên Chúa Nhập Thể, bởi chúng ta biết rằng: “chỉ trong màu nhiệm Ngôi Lời nhập thể, màu nhiệm về con người mới thực sự được sáng tỏ.”¹ Nơi Đức Chúa Giêsu Kitô, nhân tính ấy trong tất cả sự cao cả của mình trở thành Đường, Sự Thật và Sự Sống, mở ra con đường để mỗi người chúng ta tiến tới sự viên mãn.
2. Được xây dựng trên Đức Kitô, tảng đá sống động, chúng ta cảm nghiệm hoạt động quyền năng và huyền nhiệm của Chúa Thánh Thần; đồng thời chúng ta tin rằng mọi nỗ lực chân chính của con người nhằm cộng tác với Ngài để thực hiện điều thiện đều sẽ được Cha trên trời chúc lành, trong Ngài chúng ta đặt trọn niềm hy vọng. Vì lý do ấy, chúng ta có thể chuyên cần góp phần vào mọi sáng kiến nhằm xây dựng một thế giới công chính hơn, đồng thời mời gọi những người khác cộng tác trong việc cổ võ cho sự phát triển toàn diện của mỗi con người. Chúng ta mong muốn bước vào cuộc đối thoại với tất cả những người nam và nữ của thời đại hôm nay, là những người cùng chia sẻ với chúng ta các biến cố, những thao thức và những khát vọng của nhân loại.² Cùng với họ, chúng ta tìm kiếm những con đường mới nhằm phục vụ công ích và thăng tiến một đời sống xứng hợp với phẩm giá con người cho tất cả mọi người. Thật vậy, sự cởi mở đối với đối thoại là một phần thiết yếu trong ơn gọi của Hội Thánh, bởi vì Hội Thánh, được thiết lập trong Đức Kitô như “*bí tích... của sự hiệp thông với Thiên Chúa và của sự hợp nhất toàn thể nhân loại*”³, nhận biết lịch sử là nơi mà Tin Mừng chất vấn và định hướng kinh nghiệm nhân sinh.
3. Trong tinh thần ấy, Đức Giáo hoàng Lêô XIII đã công bố Thông điệp *Rerum Novarum* (Tân Sự) vào năm 1891; năm nay, chúng ta cử hành kỷ niệm 135 năm văn kiện ấy với lòng tri ân sâu xa. Qua văn kiện này, vị tiên nhiệm khả kính của tôi đã khơi lên một dòng suy tư về xã hội, kinh tế và chính trị, điều mà ngày nay được biết đến như “Học thuyết Xã hội của Hội Thánh”. Khi có những người phản đối rằng Hội Thánh không nên phung phí năng lực vào những vấn đề trần thế, nhưng chỉ nên tập trung vào việc loan báo sứ điệp sự sống đời đời, Đức Lêô XIII đã đáp lại bằng sự thực tế và khôn ngoan rằng việc loan báo Tin Mừng không

¹ Công đồng chung Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 22: AAS 58 (1966), 1042.

² Cf. *ibid.*, 11: AAS 58 (1966), 1033-1034.

³ Công đồng chung Vaticanô II, Hiến chế Tín lý *Lumen Gentium*, 1: AAS 57 (1965), 5.

thể làm gương trước đời sống cụ thể của con người.⁴ Nhiều thập niên đã trôi qua kể từ đó, và Huấn quyền, các mục tử, các nhà thần học cùng các tín hữu vẫn tiếp tục suy tư về những vấn đề xã hội dưới ánh sáng của Tin Mừng. Ngày nay, Học thuyết Xã hội của Hội Thánh là một gia sản khôn ngoan, trong đó chúng ta tìm thấy những nguyên lý để suy tư, những tiêu chuẩn để phân định và phán đoán, những định hướng cụ thể cho hành động. Được đặt nền trên Thánh Kinh và Thánh Truyền, đồng thời đối thoại với các ngành khoa học, học thuyết này giúp chúng ta giải thích cách sáng tỏ những thách đố của hiện tại và nhận ra những con đường thích hợp để sống chứng tá Kitô giáo một cách minh bạch, trong niềm vui và tinh thần phục vụ thế giới. Đây không phải là một tập hợp bất động của các khái niệm, nhưng là một kho tàng chân lý sống động, gìn giữ và diễn giải ơn gọi của nhân loại hướng tới một đời sống viên mãn và công chính. Vì thế, tôi cũng mong muốn góp tiếng nói của mình vào truyền thống sống động ấy, khi khẩn cầu sự trợ giúp của Thần Khí Khôn Ngoan, Đấng đã hiện diện trong thế gian ngay từ thuở ban đầu (x. Cn 8,22–31).

Những sự mới mẻ (res novae) của thời đại chúng ta

4. Trong khi Đức Lêô XIII, vào thời của ngài, đã nói đến “*những sự mới mẻ hay tân sự*” (*rerum novarum*), thì ngày nay, chúng ta không thể chỉ đơn thuần lặp lại những giáo huấn đầy minh triết ấy. Trái lại, chúng ta phải cầu xin Thiên Chúa ban cho sự khôn ngoan để có thể diễn giải những xu hướng lớn của thời đại chúng ta, đặc biệt là các tiến bộ về công nghệ. Trong những năm gần đây, càng ngày càng trở nên hiển nhiên rằng tiến trình số hóa, trí tuệ nhân tạo (AI) và robot học đang biến đổi thế giới của chúng ta một cách nhanh chóng và sâu rộng như thế nào. Tự bản chất, công nghệ không nên bị xem như một sức mạnh đối nghịch với con người. Trái lại, ngay từ khởi nguyên của lịch sử, công nghệ đã là một phần trong hành trình phát triển của nhân loại, như “*một thực tại mang tính nhân bản sâu sắc, gắn liền với quyền tự chủ và tự do của con người.*”⁵ Qua nhiều thế kỷ, sự phát triển công nghệ đã góp phần đáng kể vào việc cải thiện điều kiện sống của nhân loại. Tuy nhiên, đồng thời, mỗi giai đoạn tiến bộ cũng cho thấy tính mơ hồ của các công cụ ấy, bởi khi không được hướng về điều thiện, chúng có thể trở thành căn cứ gây tổn hại. Tuy nhiên, ngày nay, chúng ta đang phải đối diện với một hoàn cảnh mới. Sức mạnh và mức độ hiện diện khắp nơi của các công nghệ mới phát triển đã đan xen vào chính kết cấu của đời sống thường nhật, định hình các tiến trình ra quyết định và tác động sâu xa đến trí tưởng tượng tập thể của nhân loại: Chưa bao giờ nhân loại lại có quyền năng lớn lao đến thế trên chính mình.”⁶ Những công nghệ mới mở ra một chân trời trải rộng theo những hướng mà chúng ta có thể hình dung, nhưng vẫn chưa thể tiên liệu cách trọn vẹn. Điều này khiến cho việc lượng định những tác động tiềm tàng của chúng, cũng như những hệ quả lâu dài mà chúng có thể gây ra đối với phẩm giá con người và công ích, trở nên phức tạp hơn nhiều.

⁴ X. Lêô XIII, *Thông điệp Rerum Novarum* (15 tháng 5, 1891), 22: ASS 23 (1890-1891), 653.

⁵ Bênêđictô XVI, *Thông điệp Caritas in Veritate* (29 tháng 6, 2009), 69: AAS 101 (2009), 702.

⁶ Phanxicô, *Thông điệp Laudato Si'* (24 tháng 5, 2015), 104: AAS 107 (2015), 888.

5. Giờ đây, trách nhiệm của chúng ta là phải đối diện với những thách đố của thời đại mình bằng sự rõ ràng trong tư tưởng và tinh thần trách nhiệm. Điều cần thiết là phải thiết lập những công cụ pháp lý thích hợp, có khả năng bảo vệ công lý và kiềm chế những tác động bóp méo do quyền lực của công nghệ gây ra. Tuy nhiên, vấn đề không chỉ giới hạn ở bình diện pháp lý. Như Đức Phanxicô đã cảnh báo, chúng ta phải thành thật tự hỏi: ai đang nắm giữ quyền lực ấy hôm nay, và họ sử dụng nó như thế nào: “*Cũng phải nhìn nhận rằng năng lượng hạt nhân, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, hiểu biết về chính DNA của chúng ta, cùng nhiều khả năng khác mà chúng ta đã đạt được... đã trao cho những người sở hữu tri thức, và đặc biệt là các nguồn lực kinh tế để vận dụng chúng, một quyền thống trị đáng kinh ngạc trên toàn thể nhân loại và trên cả thế giới.*”⁷ Trong quá khứ, vai trò định hướng và điều phối đối mới phần lớn thuộc về Quốc gia. Thế nhưng ngày nay, những tác nhân chính thúc đẩy phát triển lại là các chủ thể tư nhân, thường có tính xuyên quốc gia, được trang bị nguồn lực và khả năng can thiệp vượt xa nhiều chính phủ. Vì thế, quyền lực công nghệ ngày nay có một chiều kích chưa từng có tiền lệ, chủ yếu có tính “*tư nhân*”, và chính điều này làm cho việc nhận định, quản trị và hướng quyền lực ấy về công ích trở nên khó khăn hơn bao giờ hết.
6. Vì lý do ấy, điều cần thiết là phải khởi sự một tiến trình phân định chung nhằm nhận diện những cội rễ thiêng liêng và văn hóa của các biến đổi đang diễn ra. Nếu chỉ chú tâm đến những tình huống trước mắt, chúng ta có nguy cơ để cho chuỗi những khủng hoảng liên tiếp quyết định hướng đi của mình. Chúng ta đang sống trong một giai đoạn chuyển tiếp nhanh chóng, một “*sự thay đổi của cả một thời đại*”, trong đó, khi một số người đang tranh giành quyền định hình tương lai của các công nghệ mới, và những người khác chuyên tâm suy tư về vấn đề này, thì phần lớn nhân loại chỉ đứng nhìn và chờ đợi, quan sát từ xa và đơn thuần hy vọng rằng mọi sự sẽ diễn tiến tốt đẹp. Chính vì thế, những câu hỏi hệ trọng đang chất vấn lương tâm chúng ta và không thể tiếp tục bị né tránh: Chúng ta đang đi về đâu? Chúng ta mong muốn hướng mình đến mục tiêu nào? Là một dân tộc và như một cộng đồng nhân loại, chúng ta phải chọn hướng đi nào?

Hai hình ảnh trong Thánh Kinh

7. Để trả lời những câu hỏi ấy và phân định phương thức định hướng một cách có trách nhiệm trong thời đại trí tuệ nhân tạo, tôi muốn gọi lại hai khung cảnh trong Thánh Kinh: việc xây dựng Tháp Babel (x. *St 11,1–9*) và việc tái thiết các bức tường của Thành Giêrusalem (x. *Nkm 2–6*). Trình thuật về Babel xuất hiện trong sách Sáng Thế, ngay từ buổi đầu lịch sử nhân loại, liền sau các gia phả của con cháu ông Nôê. Sau khi định cư tại một đồng bằng thuộc miền Sinar, dân chúng quyết định xây dựng một thành phố và một ngọn tháp “*có đỉnh chạm tới trời*” (*St 11,4*). Vì sợ bị phân tán khắp mặt đất, họ tìm cách bảo đảm cho mình sự ổn định và quyền lực, và trên hết, để “*làm cho mình nổi danh.*” Đó quả là một công trình đầy ẩn tượng: một ngôn ngữ duy nhất, một công nghệ duy nhất, một định hướng duy nhất.

⁷ Ibid.

Tuy nhiên, dự án ấy che giấu một hiểm họa sâu xa. Đó là một công trình được hình thành mà không quy chiếu về Thiên Chúa, được nâng đỡ bởi một sự đồng nhất hóa loại trừ tính đa dạng, và lựa chọn sự đồng nhất thay vì hiệp thông. Khi một thành phố được xây dựng trên lòng kiêu ngạo và ảo tưởng tự mãn, sự truyền thông sẽ đổ vỡ, ngôn ngữ trở nên hỗn loạn, và con người không còn hiểu nhau nữa. Kết quả không phải là hiệp nhất, nhưng là phân tán. Tháp Babel, vì thế, cho thấy giới hạn của mọi nỗ lực, dù có vẻ huy hoàng đến đâu đi nữa, nếu phát xuất từ tham vọng đề cao chính mình, hy sinh phẩm giá con người vì hiệu quả, và mong chạm tới trời cao mà không có phúc lành của Thiên Chúa.

8. Ngược lại, sách Nêhêmia mở ra trong một thời khắc đầy mong manh của lịch sử Israel cổ đại. Sau cuộc lưu đày Babylon, một phần dân Chúa đã trở về Giêrusalem, nhưng thành vẫn còn đổ nát, tường thành sụp đổ và các công thành bị thiêu rụi (x. *Nkm 1-2*). Nêhêmia, một người Do Thái đang phục vụ triều đình vua Ba Tư Artaxerxes, nhận được tin về tình trạng thảm khốc của thành phố tổ tiên mình. Trước khi hành động, ông ăn chay, cầu nguyện và cầu thay cho dân. Sau đó, ông xin nhà vua cho phép trở về Giêrusalem, và khi đến nơi, ông âm thầm khảo sát những khu vực bị tàn phá. Ông không áp đặt giải pháp từ trên xuống. Trái lại, ông quy tụ các gia đình, giao cho mỗi gia đình một phần tường thành để tái thiết, lắng nghe những mối quan tâm của họ, phối hợp các nỗ lực chung và đối diện với mọi chống đối phát sinh. Trình thuật cho thấy thành phố được hồi sinh không phải nhờ sáng kiến của riêng một cá nhân, nhưng nhờ trách nhiệm chung của tất cả mọi người: nam giới và nữ giới, tư tế, thợ thủ công, các trưởng gia đình, người trẻ. Đó là một công trình đặt Thiên Chúa ở trung tâm, tái thiết các mối tương quan trước khi tái thiết bằng gạch đá. Nhờ đó, Giêrusalem xưa khám phá lại một ngôn ngữ chung, không phải ngôn ngữ của sự đồng nhất, nhưng là ngôn ngữ của sự hiệp thông; nghĩa là sự hòa hợp nảy sinh khi mỗi người đảm nhận vai trò riêng của mình và nhận biết rằng sức mạnh của họ đến từ Chúa.
9. Dưới ánh sáng của hai hình ảnh ấy, Chúa Thánh Thần hôm nay đang chất vấn chúng ta về mối tương quan của mình với công nghệ và với cuộc cách mạng kỹ thuật số đang diễn ra. Các khám phá khoa học là những nén bạc được trao phó cho nhân loại để sinh hoa kết quả (x. *Mt 25,14-30*). Công nghệ có khả năng chữa lành, kết nối, giáo dục, bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta; nhưng nó cũng có thể chia rẽ, loại trừ, tạo ra những hình thức bất công mới. Xét trên bình diện trừu tượng, công nghệ tự nó không phải là giải pháp cho các vấn đề của nhân loại, cũng như tự nó không phải là điều xấu xa. Tuy nhiên, trong thực tế, công nghệ không bao giờ hoàn toàn trung lập, bởi nó luôn mang dấu ấn của những người sáng tạo ra nó, tài trợ cho nó, kiểm soát nó và sử dụng nó. Vì thế, chọn lựa nền tảng không phải là nói “có” hay “không” với công nghệ, nhưng là chọn giữa xây dựng Tháp Babel, hay tái thiết Thành Giêrusalem; giữa một quyền lực muốn thống trị cả trời cao, hay một dân tộc cùng nhau làm việc trước nhan Thiên Chúa để tái thiết những bức tường của sự chung sống huynh đệ.
10. Do đó, chúng ta phải tránh “hội chứng Babel”, tức là sự tôn thờ lợi nhuận đến mức hy sinh những người yếu thế, một sự đồng nhất hóa làm triệt tiêu khác biệt, và ảo tưởng rằng chỉ cần

một ngôn ngữ duy nhất, kể cả ngôn ngữ kỹ thuật số, là có thể chuyển dịch mọi sự, kể cả màu nhiệm con người, thành dữ liệu và hiệu suất. Nguy cơ phi nhân hóa, tức xây dựng một tương lai loại trừ Thiên Chúa và biến tha nhân thành phương tiện, là một cám dỗ vừa cổ xưa vừa luôn mới mẻ, nhưng hôm nay khoác lên mình diện mạo công nghệ. Thay vào đó, chúng ta hãy chọn “con đường của Nêhêmia”, con đường nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cộng tác để làm cho Thành của Thiên Chúa trở thành nơi an toàn cho những người lưu đày trở về. Tái thiết hôm nay có nghĩa là nhìn nhận rằng chính từ sự đa dạng của những tiếng nói và viễn tượng, dù đôi khi gọi lại sự hỗn loạn của nhiều ngôn ngữ, vẫn có thể xuất hiện một sự khả thi rạng ngời. Thực ra, đó là việc có thể cùng nhau xây dựng, biến khác biệt thành nguồn lực, và lắng nghe cùng đối thoại làm nền tảng chung để vun trồng công lý và tình huynh đệ. Trong sứ mạng chung ấy, các Kitô hữu khám phá vai trò đặc thù của mình là hướng mọi hành động về Thiên Chúa, để dưới ánh sáng của Ngài, tính đa nguyên không tan biến thành hỗn loạn, nhưng nhờ thực hành tính hiệp hành, trở thành không gian trong đó nhân loại tái khám phá ra nền tảng vững chắc và cùng đích tối hậu của mình. Trong sách Khải Huyền, thánh Gioan chiêm ngắm Thành Giêrusalem mới “từ trời, từ nơi Thiên Chúa mà xuống” (Kh 21,2) như một hồng ân dành cho toàn thể nhân loại. Và thị kiến đầy ân sủng ấy là lời mời gọi chúng ta, những Kitô hữu, cùng cộng tác để kiến tạo một đời sống cộng đồng bình an, công chính và xứng hợp với phẩm giá con người trong những “thành phố” của thế giới hôm nay.

Xây dựng vì công ích

11. Xây dựng một thành đô được đặt nền trên công ích, trước hết và trên hết, đòi hỏi phải xây dựng trên một mối tương quan vững chắc với Thiên Chúa. Điều đó có nghĩa là nhìn nhận rằng chân lý về tình yêu của Ngài mời gọi chúng ta bước vào sự sống “dồi dào” (Ga 10,10) và sự hiệp thông với chính Ngài. Cùng với Thánh Augustinô, chúng ta cũng có thể thưa: “Lạy Chúa, Chúa đã dựng nên chúng con cho Chúa, và tâm hồn chúng con khắc khoải cho đến khi được nghỉ yên trong Ngài.”⁸ Quả thật, Thiên Chúa đã ghi khắc trong tâm hồn con người một khát vọng hạnh phúc bao trùm mọi chiều kích của đời sống. Trong cuộc đối thoại với những người nam nữ của thời đại hôm nay, Hội Thánh nhận thấy nhu cầu cấp thiết phải bảo vệ và hướng dẫn khát vọng ấy tới chân lý sâu xa nhất của nó.
12. Thứ đến, xây dựng vì công ích có nghĩa là chấp nhận những giới hạn và sự mong manh của con người, mà không xem đó như một lỗi lầm cần phải sửa chữa. Ngày nay, khát vọng đạt tới sự viên mãn của đời sống con người đang đứng trước nguy cơ bị dẫn dắt lệch hướng bởi những mục tiêu đầy mê hoặc nhưng sai lạc, chẳng hạn như viễn tượng về một công nghệ hứa hẹn giải phóng chúng ta khỏi mọi yếu đuối, hay những mô hình an sinh chỉ dành chỗ cho một số ít, trong khi bỏ lại phía sau cả những cộng đồng dân cư rộng lớn. Quá thường xuyên, chúng ta đặt hy vọng vào những hình thức “nâng cấp” không giới hạn, vào những kiểu tiến bộ làm trầm trọng thêm sự bất bình đẳng, và vào những giải pháp tức thì vốn không

⁸ Thánh Augustinô, *Tự Thú*, I, 1, 1: CCSL 27, Turnhout 1981, 1.

đủ sức chữa lành những thương tích sâu xa của con người. Kết quả là, trong khi một số người theo đuổi ảo tưởng về sự tự khẳng định chính mình vô hạn, thì nhiều người khác lại bị tước mất cả những nhu cầu căn bản nhất. Hội Thánh, với một tiếng nói vừa khiêm tốn vừa kiên định, nhắc nhở chúng ta rằng sự viên mãn đích thực không đạt được bằng cách loại bỏ sự yếu đuối, nhưng bằng sự tăng trưởng hài hòa của con người. Sự viên mãn ấy được tìm thấy ở nơi mà tự do gắn liền với trách nhiệm; sự chăm sóc lẫn nhau; tình liên đới chân chính. Ở đó, tiến bộ được đo lường không phải bằng hiệu suất hay quyền lực, nhưng bằng phẩm giá của từng con người và thiện ích của mọi dân tộc.

13. Thứ ba, xây dựng một thế giới trong đó mọi người đều có thể phát triển viên mãn đòi hỏi trách nhiệm chung và lòng can đảm. Không ai có thể một mình gánh vác toàn thể sức nặng của những thách đố mà thế giới đang phải đối diện, cũng như không ai quá yếu đến mức không thể góp phần của mình, bởi vì: “Quyền năng được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối.” (2 Cr 12,9) Mỗi người đều được trao một phần việc riêng trên bức tường chung ấy: các nhà khoa học và giới nghiên cứu, các doanh nhân và người làm công, các nhà giáo dục và các nhà lập pháp, xã hội dân sự, các phong trào quần chúng, các cộng đồng đức tin. Đó chính là logic của nguyên tắc bổ trợ (subsidiarity), nguyên tắc đề cao sự cộng tác giữa các thể hệ, các dân tộc, các ngành tri thức và các nền văn hóa như con đường tốt nhất để xây dựng sự ổn định, thịnh vượng và hòa bình. Chúng ta không nên sợ hãi trước những căng thẳng hay khác biệt, bởi khi được dẫn dắt bởi tinh thần trách nhiệm chung, chúng có thể trở thành những nguồn lực sáng tạo.
14. Sau cùng, xây dựng vì công ích đòi hỏi một ngôn ngữ mang tinh thần Tin Mừng. Chúng ta phải tránh những lời nói có tính hạ nhục hay đối kháng, nhưng thay vào đó chọn sự minh bạch có khả năng soi sáng, và sự thẳng thắn có thể mở ra những khả thi mới. Chúng ta không thể dung túng cho những nhiệt tình ngây thơ, cũng không thể nuôi dưỡng những nỗi sợ hãi vô căn cứ. Trái lại, chúng ta phải thiết lập những tiêu chuẩn để phân định, bao gồm phẩm giá con người, mục tiêu phổ quát của của cải, sự ưu tiên dành cho người nghèo, việc chăm sóc ngôi nhà chung và hòa bình. Đồng thời, chúng ta phải chuyển hóa những tiêu chuẩn ấy thành các thực hành cụ thể, như hoạch định có trách nhiệm, lượng giá các tác động nhân bản và xã hội, bao gồm những người dễ bị tổn thương nhất, cổ võ khả năng hiểu biết kỹ thuật số và định hướng nghiên cứu và công nghiệp về phía công lý và hòa bình.

Vẫn luôn là con người

15. Trong Năm Thánh Thông thường 2025 vừa qua, chúng ta đã cùng nhau bước đi như những người hành hương của hy vọng, và đã lãnh nhận biết bao ân sủng. Được củng cố bởi những hồng ân ấy, chúng ta có thể tiến bước với lòng tin thác để đối diện với những công việc nặng nề và những thách đố đòi hỏi nhiều hy sinh đang ở phía trước. Trong thời đại của trí tuệ nhân tạo, khi phẩm giá con người đang bị đe dọa bởi những hình thức phi nhân hóa mới, thì bổn phận cấp thiết của chúng ta là vẫn luôn giữ mình cách sâu xa như là con người. Chúng ta phải yêu mến gìn giữ sự cao cả của nhân tính đã được trao ban cho chúng ta, một sự cao cả được mặc khải cách viên mãn trong Đức Kitô, về huy hoàng mà không một cỗ máy nào có

thể thay thế. Sự tiến bộ đích thực luôn phát xuất từ một tâm hồn rộng mở với tha nhân, một trí tuệ biết lắng nghe và một ý chí tìm kiếm điều giúp chúng ta hợp nhất thay vì điều chia rẽ chúng ta.

16. Tôi ngõ lời kêu gọi chân thành này đến toàn thể các tín hữu Công giáo, mọi Kitô hữu và tất cả những người nam nữ thiện chí. Chúng ta đừng sợ làm cho đôi tay mình vấy bẩn tại “công trường xây dựng” của thời đại mình. Như ông Nêhêmia, chúng ta hãy cầu nguyện, hoạch định cách khôn ngoan, kiên trì làm việc, đặt Thiên Chúa ở vị trí hàng đầu trong mọi hành động của mình, và đặt con người ở trung tâm của mọi chọn lựa. Như thế, những “viên đá bị loại bỏ”, là những người nghèo, người đau yếu, người di cư, những người bé mọn nhất giữa chúng ta, sẽ trở nên viên đá góc tường, và một ngôi nhà chung vững chắc, rộng mở và đầy đón tiếp sẽ được hình thành trên mặt đất, ở đó “tình thương và lòng thành tín giao hòa, công lý và bình an hôn nhau.” (x. Tv 85,10) Đó là phúc lành mà chúng ta khẩn cầu Thiên Chúa ban xuống. Và nhiệm vụ trước mắt chúng ta là trở nên những người xây dựng sự hiệp thông, chứ không phải những kiến trúc sư của Tháp Babel. Chúng ta là những người phục vụ Nước Thiên Chúa đang đến, thay vì làm chủ những ngọn tháp vốn chỉ được định sẵn để sụp đổ. Với tâm tình của một mục tử và người cha, tôi kêu gọi mọi người hãy từ bỏ việc xây dựng thêm một Tháp Babel khác nữa, và cùng nhau hợp sức để kiến tạo công ích, ngõ hầu nhân loại không bao giờ đánh mất vẻ đẹp của mình, và để thế giới một lần nữa nhận ra rằng trái tim con người chính là nơi Thiên Chúa mong muốn ngự trị.

CHƯƠNG I

MỘT TIẾP CẬN NĂNG ĐỘNG TRUNG THÀNH VỚI TIN MỪNG

17. Trong chương thứ nhất này, tôi muốn trình bày một cách tổng hợp cách thức mà Học thuyết Xã hội của Hội Thánh đã được hình thành trong Huấn quyền Giáo hoàng gần đây và trong [Công đồng Chung Vaticanô II](#), nhằm cho thấy đặc tính năng động của học thuyết ấy. Thật vậy, trong mỗi thời đại, những *res novae* (*những sự mới mẻ*) đòi buộc giáo huấn này phải đối diện với các vấn đề lịch sử dưới ánh sáng của Chân lý được mạc khải. Về điểm này, cũng không nên đơn thuần coi trí tuệ nhân tạo như chỉ là một đề tài khác để nghiên cứu hay một cuộc khủng hoảng cần được quản lý, nhưng đúng hơn như một bước phát triển đang thách thức chính từ bên trong các phạm trù của Học thuyết Xã hội, và kêu gọi sự phát triển sâu xa hơn của chúng trong sự trung thành với Tin Mừng.
18. Tuy nhiên, cái nhìn tổng quan này sẽ khó có thể được hiểu thấu đáo nếu, trước khi suy tư về đóng góp của từng Giáo hoàng và những văn kiện quan trọng nhất của các ngài, chúng ta không làm sáng tỏ trước một số nguyên tắc nền tảng liên quan đến cách thức Hội Thánh hiện diện trong lịch sử và tương quan với thế giới. Nếu không làm như thế, Học thuyết Xã hội có nguy cơ bị ngộ nhận như một sự can thiệp không thích đáng vào những vấn đề “thuộc về trần thế”, hoặc như một bộ quy tắc đạo đức từ bên ngoài được áp đặt từ trên xuống. Thực ra, học thuyết ấy phát xuất từ một Hội Thánh đồng hành với nhân loại, nhìn nhận tính tự trị của các thực tại trần thế, cũng như sự phân biệt giữa cộng đồng Hội Thánh và cộng đồng chính trị. Chính vì lý do ấy mà Hội Thánh nỗ lực phục vụ công ích.

Một Hội Thánh đang lữ hành trong lịch sử nhân loại

19. Hội Thánh hiện diện trong thế giới như dấu chỉ của sự hiệp nhất cho toàn thể gia đình nhân loại. Hội Thánh nhìn nhận những vấn đề và thách đố của thời đại hôm nay như bối cảnh hiện tại để thực thi ơn gọi đặc thù của mình là lắng nghe, đối thoại, phục vụ và đáp lại tất cả những gì liên quan đến đời sống của những con người nam nữ đương thời. Sự dấn thân vào đời sống con người ấy giúp Hội Thánh càng ngày càng hiểu rõ hơn rằng sứ mạng của mình có một chiều kích lịch sử và bao hàm trách nhiệm đối với cách thức mà các tương quan xã hội được kiến tạo. Vì lý do đó, Hội Thánh không thể xem mình như một kẻ xa lạ đối với những sức mạnh đang định hình xã hội. Trái lại, Hội Thánh tích cực tham gia vào các tiến trình mà qua đó xã hội phát triển và được tổ chức, đồng thời cống hiến phần đóng góp riêng của mình vào việc kiến tạo một xã hội công bình và huynh đệ hơn. Đức Phanxicô đã nhấn mạnh chiều kích lịch sử này của sứ vụ Hội Thánh: “Không ai có thể đòi hỏi tôn giáo phải bị giam hãm trong phạm vi riêng tư của đời sống cá nhân, không được ảnh hưởng đến đời sống

xã hội và quốc gia, không được quan tâm đến sự lành mạnh của các định chế dân sự, và không có quyền lên tiếng về những biến cố tác động đến xã hội.”⁹

20. Ôn gọi và bổn phận của Hội Thánh trong việc đồng hành với nhân loại giữa những thực tại cụ thể của lịch sử dân Hội Thánh tới chỗ nhìn nhận rằng các thực tại trần thế có đặc tính và trật tự riêng của chúng. Công đồng Chung Vaticanô II đã diễn tả nguyên tắc này với sự chuẩn xác đặc biệt trong Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, văn kiện mà chúng ta đã tưởng niệm và cử hành cách tri ân nhân dịp kỷ niệm sáu mươi năm vào ngày 7 tháng 12 năm 2025: “Nếu bởi tính tự trị của các thực tại trần thế mà người ta hiểu rằng các tạo vật và chính các xã hội được hưởng những quy luật và giá trị riêng của mình... thì đòi hỏi ấy hoàn toàn chính đáng.”¹⁰ Khẳng định này cho thấy công trình tạo dựng mang dấu ấn của một sự thiện hảo nguyên thủy mà cái nhìn nhân loại của chúng ta phải gìn giữ, vun trồng và đưa tới sự viên mãn. Về điểm này, Hội Thánh hiện diện như một sự trợ giúp để diễn giải thực tại trong toàn bộ chiều sâu của nó. Với sự khiêm tốn nhưng kiên định, Hội Thánh nâng đỡ những chọn lựa cổ võ phẩm giá của từng con người, sự liên kết của các cộng đồng và thiện ích của mọi người. Như thế, Hội Thánh đứng bên cạnh thế giới mà không áp đảo nó, để lời hứa về công lý và hòa bình mà Chúa Thánh Thần vẫn tiếp tục nâng đỡ trong trái tim nhân loại có thể sinh hoa kết quả trong mọi nỗ lực của con người.
21. Khi nhìn nhận rằng Thiên Chúa nâng đỡ sự tự do của những người nam nữ trong được thấy rõ trong lịch sử, Công đồng Chung Vaticanô II đã khẳng định sự phân biệt giữa cộng đồng Hội Thánh và cộng đồng chính trị, đồng thời nhấn mạnh rằng mỗi bên phải hoạt động với sự tự trị trọn vẹn. Sự hiện diện của Hội Thánh trong thế giới cũng được biểu lộ qua mối tương quan của mình với xã hội dân sự và các định chế công quyền. Khi dần thân đối thoại với các thực thể ấy, Hội Thánh nhìn nhận giá trị của các thực tại xã hội và chính trị, đồng thời tôn trọng những trách nhiệm đặc thù của chúng, nâng đỡ mọi điều góp phần vào thiện ích của cá nhân và củng cố kết cấu của xã hội. Hội Thánh không đòi đảm nhận những chức năng vốn thuộc về Quốc gia. Trái lại, Hội Thánh trân trọng những ai phục vụ công ích, và mạnh mẽ nhìn nhận trách nhiệm mà các định chế dân sự đang mang trong lòng xã hội. Đồng thời, sứ vụ được trao phó cho Hội Thánh thúc đẩy Hội Thánh hướng đến những đau khổ thực sự của những con người nam nữ của thời đại chúng ta. Sự gần gũi này không phát xuất từ ý định thay thế các định chế dân sự, càng không phải từ một sự phê phán ngấm ngấm đối với công việc của họ. Trái lại, nó phát xuất từ đức ái theo Tin Mừng, là động lực thúc đẩy Hội Thánh đến gần những thương tích của nhân loại mỗi khi chúng xuất hiện với mức độ nghiêm trọng hơn. Khi can thiệp, Hội Thánh hành động theo gương Người Samaritanô nhân hậu, với sự kín đáo và gần gũi, ý thức rằng điều phát sinh từ nhu cầu khẩn thiết không thể trở thành chuẩn mực thường xuyên, cũng không thể thay thế những trách nhiệm có tính định chế vốn thuộc về cộng đồng dân sự.

⁹ Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11. 2013), 183: AAS 105 (2013), 1097.

¹⁰ Công đồng Chung Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 36: AAS 58 (1966), 1054; x. Sắc lệnh về Tông đồ Giáo dân *Apostolicam Actuositatem*, 7: AAS 58 (1966), 843-844.

22. Khởi đi từ sự nhìn nhận kép này — tức tính tự trị của các thực tại trần thế và sự phân biệt giữa các lãnh vực thẩm quyền của Hội Thánh và chính trị — chúng ta có thể hiểu rõ hơn định hướng mà Công đồng Chung Vaticanô II đã vạch ra cho Hội Thánh trong tương quan với thế giới. *Gaudium et Spes* nhắc nhở chúng ta rằng: “Bổn phận của toàn thể Dân Thiên Chúa, đặc biệt là các mục tử và các nhà thần học, là lắng nghe và phân định nhiều tiếng nói của thời đại, rồi giải thích chúng dưới ánh sáng lời Thiên Chúa, để Chân lý mạc khải được thâm nhập sâu xa hơn, được hiểu rõ hơn và được trình bày cách thích hợp hơn.”¹¹ Việc lắng nghe “*nhiều tiếng nói*” ấy không chỉ đơn thuần là một thao tác xã hội học, nhưng đòi hỏi sự phân định thiêng liêng. Được Chúa Thánh Thần hướng dẫn, Dân Thiên Chúa nhận ra nơi các biến chuyển văn hóa và xã hội cả những dấu chỉ về sự hiện diện của Đức Kitô — Đấng đang đến và dẫn đưa lịch sử tới sự viên mãn — cả những sự lệch lạc làm lu mờ dung nhan của Người. Bằng cách này, cốt lõi thiết yếu của Chân lý được mạc khải không bị thay đổi, nhưng được làm sáng tỏ và được tiếp nhận như một chuẩn mực sống động để định hướng những chọn lựa cụ thể, khơi dậy những con đường hoán cải cá nhân và cộng đoàn, cổ võ những cải cách cơ cấu và nâng đỡ những hình thức mới của việc làm chứng cho Tin Mừng trong đời sống công cộng. Như thế, lịch sử được hiểu như một trong những nơi mà Hội Thánh để cho mình được Chúa Thánh Thần dạy dỗ về quyền năng nhân bản hóa của Tin Mừng; và từ đó, Hội Thánh học biết cách phát triển giáo huấn của mình để phục vụ phẩm giá của từng con người và thiện ích của mọi dân tộc.

Sự khôn ngoan của Lời Chúa trong cuộc đối thoại với các khoa học nhân văn

23. Hội Thánh nhìn nhận tất cả những ai chân thành tìm kiếm “chân, thiện, mỹ” như những người bạn đồng hành trên cuộc hành trình, và coi họ như “những đồng minh quý giá”¹² trong việc bảo vệ phẩm giá của mỗi con người và chăm sóc công trình tạo dựng. Tiếp nhận cách tiếp cận mục vụ của *Công đồng Chung Vaticanô II*, vốn mời gọi chúng ta lắng nghe, phân định và giải thích các dấu chỉ thời đại, đồng thời được soi sáng bởi sự khôn ngoan của Lời Chúa, Hội Thánh không ngại gặp gỡ tri thức nhân loại. Thật vậy, Lời Chúa cung cấp những tiêu chuẩn đáng tin cậy để thiết lập các con đường công lý và mở ra những lối đi dẫn đến hòa giải và hòa bình giữa các dân tộc. Khi áp dụng những tiêu chuẩn ấy vào những hoàn cảnh phức tạp của thời đại chúng ta, sự đóng góp của triết học cũng như của các khoa học nhân văn và khoa học xã hội là điều thiết yếu. Những ngành học này giúp chúng ta hiểu và phân tích sâu sắc hơn các động lực văn hóa, kinh tế và chính trị. Thánh Gioan Phaolô II đã nhắc lại rằng Hội Thánh đón nhận những đóng góp của các khoa học xã hội để “rút ra từ đó những hiểu biết cụ thể giúp Hội Thánh thi hành sứ vụ huấn quyền của mình.”¹³ Việc đối thoại với các hình thức tri thức ấy không làm suy giảm sức mạnh của Tin Mừng. Trái lại, điều đó giúp nhận diện rõ ràng hơn những gì thực sự cổ võ đời sống của các cá nhân và cộng

¹¹ Công đồng Chung Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 44: AAS 58 (1966), 1065.

¹² Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11. 2013), 257; AAS 105 (2013), 1123.

¹³ Thánh Gioan Phaolô II, Tông thư được phát hành như “Tự Sắc” *Socialium Scientiarum* (1 tháng 1, 1994): AAS 86 (1994), 209.

đồng. Theo cùng viễn tượng ấy, Đức Phanxicô nhấn mạnh rằng khi đối diện với nhiều vấn đề chuyên biệt, Hội Thánh không tự cho mình quyền đưa ra “một ý kiến chung quyết,”¹⁴ nhưng nhìn nhận tầm quan trọng của việc lắng nghe nghiên cứu khoa học và khuyến khích một cuộc tranh luận nghiêm túc, trung thực giữa các chuyên gia, đồng thời đón nhận sự đa dạng trong các quan điểm.

24. Được nuôi dưỡng bởi cuộc đối thoại phong phú giữa Tin Mừng và tri thức nhân loại, Hội Thánh đã dần dần phát triển Học thuyết Xã hội của mình, vun trồng trong dòng lịch sử một gia sản khôn ngoan có tính nhất quán về thần học và nhân học, được bén rễ trong sự hiểu biết của Kitô giáo về con người. Chính vì gia sản này phát xuất từ đức tin và từ một cái nhìn tương ứng về thực tại, nên nó không phải là một bộ sưu tập các giải pháp kỹ thuật hay một mô hình kinh tế hoặc chính trị được đặt ra để đối lập với các mô hình khác. Trái lại, nó thuộc về một trật tự khác,¹⁵ tức là trật tự của những nguyên tắc hướng dẫn việc giải thích các biến cố và nâng đỡ một cách hiểu biết theo Tin Mừng về các tiến trình lịch sử cũng như những chọn lựa mà các tiến trình ấy đòi hỏi. Chính ở đây mà chức năng đặc thù của Học thuyết Xã hội được xác định: học thuyết này không nhằm thay thế trách nhiệm của chính trị hay các định chế, nhưng tự hiến mình như một nền tảng cho sự phân định tập thể, giúp nhận ra và cổ vũ tất cả những gì phục vụ phẩm giá con người, sức sống của các cộng đồng và công ích.

Học thuyết Xã hội như một tiến trình phân định chung

25. Việc hiểu rằng chân lý là một hồng ân để được chia sẻ, chứ không phải là một sở hữu để bị độc chiếm, giúp giải thoát Hội Thánh khỏi cám dỗ tìm kiếm những hình thức hiện diện dựa trên quyền lực. Để tái khám phá cách tiếp cận theo Tin Mừng của việc công bố chân lý cách hiền hòa mà không áp đặt, Thánh Gioan Phaolô II đã mời gọi chúng ta thành thật nhìn lại những thời kỳ mà người ta đã dung thứ cho “sự bất khoan dung, thậm chí cả việc sử dụng bạo lực để phục vụ chân lý.”¹⁶ Theo cùng chiều hướng ấy, chính tôi cũng đã tái khẳng định rằng Hội Thánh “không cho rằng mình có một sự độc quyền về chân lý,”¹⁷ bởi vì chân lý không phải là một lãnh thổ cần được bảo vệ, nhưng là một thiện ích cần được chia sẻ. Về phần mình, Đức Phanxicô đã diễn tả cùng một viễn tượng ấy qua câu nói đầy sức gợi: “thời gian lớn hơn không gian.”¹⁸ Điều quan trọng nhất không phải là chiếm giữ các vị trí quyền lực hay bảo vệ những pháo đài văn hóa, nhưng là khởi xướng những tiến trình tốt đẹp và tạo điều kiện cho chúng trưởng thành. Theo cách đó, chân lý của Tin Mừng không bị áp đặt từ trên xuống, nhưng lớn lên theo thời gian trong chính sự đan xen cụ thể của đời sống, cộng đồng và các nền văn hóa. Đây không phải là một chân lý sợ sự đa dạng, nhưng đón nhận và hướng dẫn sự đa dạng ấy. Nó không loại trừ xung đột, nhưng biến đổi xung đột, tái hợp

¹⁴ Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24 tháng 5, 2015), 61: AAS 107 (2015), 871.

¹⁵ X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30 tháng 12, 1987), 41: AAS 80 (1988), 570-572.

¹⁶ Thánh Gioan Phaolô II, Tông thư *Tertio Millennio Adveniente* (10 tháng 11, 1994), 35: AAS 87 (1995), 27.

¹⁷ Diễn từ dành cho Thành viên của Quỹ “*Centesimus Annus Pro Pontifice*” (17 tháng 5, 2025): AAS 117 (2025), 696.

¹⁸ Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11, 2013), 222: AAS 105 (2013), 1111.

những gì lịch sử có khuynh hướng phân tán. Ý niệm này cũng có thể được minh họa bằng hình ảnh một khối đa diện,¹⁹ trong đó chân lý duy nhất của Tin Mừng được phản chiếu từ nhiều góc độ khác nhau.

26. Thái độ cởi mở trước chân lý, vốn vừa duy nhất vừa đa dạng, diễn tả cách sâu xa tính công giáo của Hội Thánh, bởi Hội Thánh ôm trọn toàn thể gia đình nhân loại nhưng đồng thời cũng hiện diện trong những hoàn cảnh cụ thể của các dân tộc và nền văn hóa. [Công đồng Chung Vaticanô II](#) nhắc nhở chúng ta rằng, chính nhờ tính công giáo ấy, “mỗi thành phần đem những ân huệ riêng của mình để đóng góp cho các thành phần khác và cho toàn thể Hội Thánh.”²⁰ Theo cách đó, Hội Thánh lớn lên như một toàn thể, cũng như trong từng cộng đoàn riêng lẻ, nhờ sự trao đổi hỗ tương và những nỗ lực chung, hướng đến sự hiệp thông càng ngày càng viên mãn hơn. Bởi vậy, Dân Thiên Chúa không chỉ được quy tụ từ nhiều dân tộc khác nhau, nhưng còn được dệt nên bởi những chức năng, ơn gọi, nền văn hóa và truyền thống khác nhau, trong đó mỗi thành phần đều được mời gọi nâng đỡ và phong phú hoá lẫn nhau. Từ viễn tượng này, Thánh Phaolô VI nhìn nhận rằng, trước sự đa dạng to lớn của các hoàn cảnh lịch sử, nếu nghĩ rằng Học thuyết Xã hội của Hội Thánh có thể đề nghị một câu trả lời duy nhất có giá trị trong mọi bối cảnh sẽ là điều không thực tế.²¹ Chính vì vậy, ngài mời gọi mỗi cộng đồng Kitô hữu giải thích thực tại của đất nước mình với sự sáng suốt và tinh thần trách nhiệm. Sự căng thẳng phong phú giữa tính phổ quát của sứ vụ Hội Thánh và sự bén rễ địa phương của mình là một chiều kích nội tại trong chính đời sống Hội Thánh, bởi Hội Thánh bao trùm toàn thể giới, nhưng đồng thời cũng hướng đến những vấn đề cụ thể của từng bối cảnh như chính nơi chốn thực sự mà Tin Mừng được hình thành.
27. Dưới ánh sáng của những điều đã được trình bày cho đến đây, Học thuyết Xã hội của Hội Thánh có thể được hiểu cách xác thực hơn. Học thuyết này không phải là một cẩm nang gồm các nguyên tắc và quy tắc để áp dụng một cách máy móc, nhưng là một tiến trình phân định chung. Nó phát sinh từ cuộc gặp gỡ giữa chân lý vĩnh cửu của Tin Mừng và những vấn nạn của lịch sử. Nó đề cho mình bị chất vấn bởi các dấu chỉ của thời đại, đồng thời kín múc dưỡng chất từ những đóng góp của khoa học, văn hóa và kinh nghiệm nhân loại. Vì thế, khi phẩm giá của anh chị em chúng ta bị xâm phạm, khi chính trị thất bại trong việc đối diện với những bi kịch của nhân loại, khi nền kinh tế quay lưng lại với con người hoặc khi khoa học vượt quá những giới hạn thuộc thẩm quyền của nó,²² thì Hội Thánh, cùng với các hệ phái Kitô giáo khác và các tín hữu thuộc những tôn giáo khác, phải cất lên tiếng nói của mình, không phải để thống trị, nhưng để cổ võ sự hiệp thông. Được hiểu theo cách ấy, Học thuyết Xã hội trở thành một thần học về sự hiệp thông trong lịch sử, một lịch sử trong đó Ngôi Lời nhập thể tiếp tục hiện diện qua đối thoại, ký ức và ngôn sứ.

¹⁹ X. *ibid.*, 236: AAS 105 (2013), 1115; Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 215: AAS 112 (2020), 1045-1046.

²⁰ Công đồng Chung Vaticanô II, Hiến chế Tin Lý *Lumen Gentium*, 13: AAS 57 (1965), 17.

²¹ X. Thánh Phaolô VI, Tông thư *Octogesima Adveniens* (14 tháng 5, 1971), 4: AAS 63 (1971), 403.

²² X. Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11, 2013), 243: AAS 105 (2013), 1118.

Sự phát triển của Học thuyết Xã hội từ Đức Lêô XIII đến hiện tại

28. Sau khi đã phác họa cách thức Hội Thánh hiện diện trong lịch sử và đối thoại với thế giới, giờ đây tôi muốn xem xét sự phát triển của Học thuyết Xã hội trong Huấn quyền, vốn đã là câu trả lời những biến chuyển xã hội lớn lao từ thế kỷ XIX cho đến ngày nay. Dĩ nhiên, tôi không thể trình bày đầy đủ toàn thể sự phong phú của giáo huấn này, những nguyên tắc nền tảng của nó vốn đã được trình bày trong [*Toát yếu Học thuyết Xã hội của Hội Thánh*](#) và tiếp tục được đào sâu trong các giáo huấn huấn quyền gần đây. Tôi cũng không thể khảo sát một cách hệ thống tất cả những gì đã được phát triển trong các Thông điệp của các vị tiền nhiệm đáng kính quá cố của tôi, đặc biệt trong [*Laudato Si'*](#) và [*Fratelli Tutti*](#). Tuy nhiên, tôi sẽ nhấn mạnh một số điểm cốt yếu nhằm cho thấy bản văn hiện tại này đứng trong sự liên tục với truyền thống ấy như thế nào. Tôi cũng muốn nhấn mạnh rằng, trong chính truyền thống ấy, cốt lõi bất biến của các chân lý được mạc khải liên quan đến con người và xã hội luôn đan quện với một khả năng mới mẻ trong việc lắng nghe các hoàn cảnh lịch sử và đáp lại những vấn đề của thời đại. Giờ đây, tôi sẽ điểm lại một số giai đoạn quan trọng của tiến trình phát triển này, bắt đầu từ thời kỳ được khai mở bởi Thông điệp [*Rerum Novarum*](#).

Những giai đoạn đầu của Học thuyết Xã hội của Hội Thánh

29. Điều mà ngày nay chúng ta gọi là “Học thuyết Xã hội của Hội Thánh” không phải là một sản phẩm tự phát của thời hiện đại. Trái lại, đó là hoa trái của việc tiếp nhận và hệ thống hóa một truyền thống lâu dài của suy tư trong Hội Thánh về đời sống xã hội, được bén rễ trong Thánh Kinh, nơi các Giáo phụ, cũng như trong những phát triển thần học và pháp lý của thời Trung cổ và cận đại. Mặc dù cụm từ “Học thuyết Xã hội của Hội Thánh” được Đức Piô XII sử dụng lần đầu vào năm 1950,²³ nhưng nội dung của nó đã bắt đầu định hình như một tổng thể giáo huấn xã hội có hệ thống với Thông điệp [*Rerum Novarum*](#) của Đức Lêô XIII. Khi đối diện với “những sự mới mẻ” của thời đại mình, sự xung đột giữa tư bản và lao động, vấn đề người lao động, cùng những biến chuyển kinh tế và xã hội, Đức Lêô XIII không chỉ dừng lại ở việc ghi nhận những bất ổn ấy, nhưng còn nhìn chúng như một lãnh vực cho sứ mạng mục vụ của Hội Thánh. Ngài đã đặt những thực tại ấy dưới sự phân định nghiêm túc, soi sáng nguyên nhân và những giải pháp khả dĩ dưới ánh sáng Tin Mừng và một cái nhìn toàn diện về con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa. Thánh Gioan Phaolô II xem cách tiếp cận này như một “mô hình trường tồn”²⁴ của Học thuyết Xã hội: một thực hành mẫu mực qua đó Hội Thánh, khi đối diện với những biến chuyển lịch sử, thi hành quyền hành và bổn phận của mình trong việc khảo sát các thực tại xã hội, đưa ra nhận định về chúng và vạch ra những con đường để tìm kiếm các giải pháp công bình. Theo cách ấy, những nội dung trường tồn của đức tin và sự khôn ngoan cổ truyền của Hội Thánh được diễn tả trong một học thuyết sống động, vừa trung thành với Tin Mừng vừa tăng trưởng để đáp lại “những sự mới mẻ” của từng thời đại.

²³ X. Piô XII, Tông huấn *Menti Nostrae* (23 tháng 9, 1950): AAS 42 (1950), 657-702.

²⁴ Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 tháng 5, 1991), 5: AAS 83 (1991), 799.

30. Thông điệp [Rerum Novarum](#) của Đức Lêô XIII là một cột mốc trong sự phát triển giáo huấn xã hội của Hội Thánh. Văn kiện này đặt phẩm giá của lao động và của công nhân vào vị trí trung tâm của suy tư; khẳng định quyền được hưởng mức lương công bằng đủ cho bản thân và gia đình; nhìn nhận rằng con người có một giá trị nền tảng vượt trên tư bản và lợi nhuận; bảo vệ quyền sở hữu tư nhân cùng vai trò xã hội thiết yếu của nó; trân trọng các hiệp hội của người làm việc; và đề xuất những hình thức hợp tác giữa các thành phần khác nhau của xã hội như một giải pháp thay thế cho náo loạn đấu tranh giai cấp. Vì thế, không có gì đáng ngạc nhiên khi Đức Piô XI gọi văn kiện này là “*Magna Carta*”²⁵ của hành động xã hội Kitô giáo. Trong [Rerum Novarum](#), sự khôn ngoan cổ truyền của Hội Thánh về con người và đời sống xã hội đã mang lấy một hình thức mới, có khả năng đáp ứng thời đại công nghiệp và cung cấp một khuôn khổ có hệ thống lớn đầu tiên cho Học thuyết Xã hội, là học thuyết sẽ tiếp tục được phát triển trong những thập niên tiếp theo. Dù nhiều điều kiện lịch sử được Đức Lêô XIII mô tả đã thay đổi, ít nhất vẫn còn hai thực giác vẫn còn đặc biệt thích hợp với ngày nay: sự ưu tiên của lao động con người trên mọi náo loạn chỉ tập trung vào tài chính hoặc năng suất, kéo theo sự quan tâm đến những con người và gia đình dễ bị bóc lột nhất, và mối liên kết bất khả phân ly giữa việc loan báo Tin Mừng với việc theo đuổi một trật tự xã hội công bằng hơn. [Rerum Novarum](#), vì thế, vẫn tiếp tục nhắc nhở chúng ta rằng không có sự loan báo Tin Mừng đích thực nào lại không đồng thời tác động đến các cơ cấu của xã hội loài người.
31. Thông điệp [Quadragesimo Anno](#) của Đức Piô XI được công bố năm 1931, nhân dịp kỷ niệm bốn mươi năm [Rerum Novarum](#), vào cao điểm của một cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lớn, đánh dấu một bước tiến xa hơn trong giáo huấn xã hội của Hội Thánh. Thay vì chỉ giới hạn trong “vấn đề lao động,” văn kiện này mở rộng trọng tâm của mình sang toàn thể cơ cấu của trật tự kinh tế và chính trị. Thông điệp lên án sự tập trung quyền lực kinh tế trong tay một số ít người; phê phán cả sự cạnh tranh không giới hạn, lẫn các dự án tập thể chủ nghĩa, làm suy yếu sự tự do và trách nhiệm của cá nhân; mạnh mẽ khẳng định quyền lập hội của người lao động; và tái khẳng định rằng tiền lương phải tương xứng, không chỉ với công việc đã thực hiện, nhưng còn với nhu cầu của người lao động và gia đình họ. Trong khuôn khổ ấy, Đức Piô XI đã trình bày một cách có hệ thống nguyên tắc hỗ trợ, vốn sẽ trở thành một trong những nền tảng cốt lõi của Học thuyết Xã hội. Theo nguyên tắc này, những gì cá nhân, gia đình, các tổ chức trung gian và cộng đồng địa phương có thể thực hiện, thì không thể bị các thẩm quyền cấp cao hơn đảm nhận thay. Bên cạnh những đóng góp ấy, trong nhiều can thiệp khác của Huấn quyền, từ các Thông điệp [Non Abbiamo Bisogno](#) và [Mit Brennender Sorge](#) đến [Divini Redemptoris](#), Đức Piô XI cũng đã nhắc lại một cách rõ ràng vai trò xã hội của quyền sở hữu của tư nhân, và lên án các hình thức chuyên chế chà đạp phẩm giá con người, bóp nghẹt đời sống xã hội, đề cao Nhà nước vượt quá giá trị chính đáng của nó, và phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc. Ít nhất ba hiểu biết trong giáo huấn xã hội của ngài vẫn

²⁵ Piô XI, Thông điệp [Quadragesimo Anno](#) (15 tháng 5, 1931), 39: AAS 23 (1931), 189; X. Piô XII, [Sứ điệp trên Đài Phát thanh vào dịp Kỷ niệm 50 năm “Rerum Novarum”](#): AAS 33 (1941), 198.

đặc biệt thích hợp với thời đại chúng ta: ý thức rằng bất công không chỉ liên quan đến hành vi cá nhân, mà còn đến các cơ cấu kinh tế và thể chế; tầm quan trọng của nguyên tắc hỗ trợ, vốn mời gọi củng cố mạng lưới các hiệp hội và cộng đồng, đồng thời tránh việc tập trung quyền lực hơn nữa; và mối liên hệ giữa phẩm giá lao động, thù lao công bằng và khả thể thực sự để các gia đình sống một đời sống xứng hợp với phẩm giá của mình.

32. Trong bối cảnh bi thảm của Thế chiến Thứ Hai và những năm tái thiết sau đó, giáo huấn của Đức Piô XII đã góp phần đáng kể vào sự phát triển của Học thuyết Xã hội. Điều này đặc biệt đúng trong các sứ điệp phát thanh Giáng Sinh của ngài, trong đó ngài phác họa khuôn khổ của một trật tự quốc tế được đặt nền trên công lý, hòa bình và sự nhìn nhận phẩm giá con người. Trong những sứ điệp ấy, Đức Thánh Cha đã đề ra một cuộc đối thoại với xã hội dựa trên lời mời gọi hướng về luật tự nhiên, được hiểu như một tập hợp những nguyên tắc khách quan có trước lợi ích của các cá nhân và quốc gia, và phải điều chỉnh cả đời sống nội tại của các dân tộc, lẫn các mối tương quan giữa họ với nhau. Đức Piô XII cũng trao cho các hiệp hội nghề nghiệp, công đoàn lao động và những tổ chức trung gian khác một vai trò quyết định trong trật tự kinh tế và xã hội. Ngài nhìn nhận những hình thức tổ chức xã hội ấy như một sự bảo đảm thiết yếu cho sự quân bình dân sự, và cho việc bảo vệ công ích. Ngài khẳng định sự cần thiết của một nền pháp quyền lành mạnh để bảo vệ chống lại sự lạm dụng quyền lực, và nhìn nhận chế độ dân chủ như một phương thế bảo đảm việc thực thi quyền bính cách chính đáng. Đồng thời, ngài cảnh báo chống lại mọi nỗ lực đặt nền tảng luật pháp trên lợi ích hoặc sức mạnh, nhắc rằng một trật tự quốc tế bị chi phối bởi lợi thế của kẻ mạnh, sẽ gây áp lực cho các dân tộc yếu thế trước sự áp bức, và làm xói mòn tận nền tảng niềm tin giữa các quốc gia. Sau cùng, Đức Piô XII xác định những sự mất cân đối về kinh tế sâu sắc giữa các quốc gia như một trong những yếu tố nuôi dưỡng xung đột.²⁶ Ba định hướng của ngài vẫn đặc biệt quan trọng cho thời đại chúng ta, vốn đang bị đánh dấu bởi những hình thức quyền lực toàn cầu mới và những sự bất bình đẳng càng ngày càng gia tăng: sự cần thiết để luật pháp đứng trên lợi ích; ý thức rằng bất bình đẳng kinh tế là mảnh đất nuôi dưỡng những căng thẳng và bạo lực; và nhu cầu về một mạng lưới các hiệp hội có khả năng làm trung gian giữa cá nhân và Nhà nước. Những định hướng ấy tiếp tục cung cấp những tiêu chuẩn quan trọng, giúp Học thuyết Xã hội giải thích các động lực của việc toàn cầu hóa và cổ võ một trật tự quốc tế công bằng và hòa bình hơn.

Những năm của Công đồng Chung Vaticanô II

33. Một giai đoạn mới trong giáo huấn xã hội của Hội Thánh được khởi đầu với Thánh Gioan XXIII, đáng đã nhấn mạnh một nhiều hơn đến chiều kích toàn cầu của các vấn đề xã hội và ngôn ngữ về các quyền lợi. Trong *Mater et Magistra*, ngài trình bày đức tin Kitô giáo như một ánh sáng có khả năng kết hợp trời và đất. Ngài nhắc lại rằng, mặc dù sứ mạng tiên vãn của Hội Thánh là thánh hóa và loan báo những thiện ích vĩnh cửu, Hội Thánh không sao

²⁶ X. Piô XII, *Diễn từ gửi Hồng y Đoàn và hàng giáo phẩm của Giáo triều Rôma* (24 tháng 12, 1940): AAS 33 (1941), 13.

lãng những nhu cầu cụ thể của đời sống hằng ngày của con người, nhưng quan tâm đến mọi thiện ích nhân bản đích thực.²⁷ Dựa trên cái nhìn thống nhất ấy về nhân loại, Đức Gioan XXIII nhấn mạnh rằng đời sống xã hội đòi hỏi một sự quân bình giữa sáng kiến của các công dân và các nhóm — những người được mời gọi tự tổ chức và cộng tác với nhau — với hoạt động của quốc gia, vốn phải điều phối và nâng đỡ mà không bóp nghẹt tự do và trách nhiệm của các cá nhân. Vì thế, ngài lưu tâm đến việc trả lương công bằng cho lao công, sự tham gia của người lao động, và những chênh lệch càng ngày càng gia tăng giữa các quốc gia. Vài năm sau đó, trong *Pacem in Terris*, Đức Gioan XXIII lần đầu tiên không những chỉ ngỏ lời với các tín hữu, nhưng với tất cả những người thiện chí, bằng cách liên kết cách cách có tổ chức phẩm giá con người với việc nhìn nhận các quyền lợi và bổn phận căn bản, đồng thời đề nghị một định hướng cho xã hội — kể cả trong bình diện quốc tế — được đặt nền tảng trên chân lý, công lý, tình yêu và tự do.²⁸ Trong thời đại hôm nay, vốn bị đánh dấu bởi những xung đột lan rộng và những hình thức mới của sự lệ thuộc lẫn nhau toàn cầu, những khía cạnh sau đây trong tư tưởng của ngài vẫn đặc biệt quan trọng: viễn tượng phổ quát trong lời mời gọi của ngài; việc ngài quy chiếu đến các quyền con người như một khuôn khổ chung; và xác tín của ngài rằng hòa bình bền vững đòi hỏi những định chế và những tương quan giữa các dân tộc được linh hứng bởi phẩm giá của từng con người.

34. [Công đồng Chung Vaticanô II](#) đánh dấu một bước ngoặt trong cách Hội Thánh hiểu về chính mình giữa thế giới đương đại. Trong Hiến chế mục vụ *Gaudium et Spes*, Công đồng trình bày hình ảnh một Hội Thánh gần gũi với nhân loại, dân thân với thế giới và cam kết suy tư trên thực tại cụ thể của các hoàn cảnh lịch sử hơn là trên những khái niệm trừu tượng. Bản văn đề cập đến những vấn đề lớn như hôn nhân và gia đình, đời sống kinh tế và xã hội, cộng đồng chính trị, chiến tranh và hòa bình. Văn kiện nhấn mạnh rằng, các cơ cấu kinh tế và thể chế chỉ công bình trong mức độ chúng phục vụ sự phát triển toàn diện của con người, và cỗ vũ sự tham gia có trách nhiệm của tất cả mọi người.²⁹ Tâm quan trọng của văn kiện công đồng này đối với Học thuyết Xã hội của Hội Thánh không chỉ nằm ở chỗ nó mở ra những chân trời mới cho suy tư theo chủ đề, nhưng còn ở phương pháp phân định của nó, vốn mời gọi chúng ta diễn giải những biến chuyển lịch sử dưới sự hướng dẫn của Tin Mừng và tri thức nhân loại. Cách tiếp cận này cho thấy rằng đối thoại với thế giới không phải là một chọn lựa mang tính chiến thuật của Hội Thánh, nhưng là một biểu hiện cụ thể của chính sứ mạng Hội Thánh, bởi Tin Mừng, như men trong bột, có khả năng biến đổi các cơ cấu xã hội từ bên trong và khai mở những con đường dẫn tới một nhân tính cao cả hơn. Tuyên ngôn *Dignitatis Humanae* cũng cần được đặt trong cùng bối cảnh này. Tại đây, Công đồng nhìn nhận rằng tự do tôn giáo là một quyền căn bản đặt nền trên phẩm giá con người, phải được pháp luật bảo đảm, để con người không bị ép buộc hành động trái với lương tâm của mình hoặc bị ngăn cản trong việc tìm kiếm và tuyên xưng chân lý cả trong đời tư lẫn nơi công

²⁷ X. Thánh Gioan XXIII, Thông điệp *Mater et Magistra* (15 tháng 5, 1961), 2-3: AAS 53 (1961), 402.

²⁸ X. Thánh Gioan XXIII, Thông điệp *Pacem in Terris* (11 tháng 4, 1963), 87: AAS 55 (1963), 301.

²⁹ X. Công đồng Chung Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 26: AAS 58 (1966), 1046-1047.

- cộng.³⁰ Nguyên tắc này có ý nghĩa hết sức quan trọng cho ngày nay và tiếp tục cung cấp cho Học thuyết Xã hội những tiêu chuẩn mang tính quyết định để bảo vệ con người và xây dựng những xã hội đa nguyên và hòa bình.
35. Trong triều đại giáo hoàng của Thánh Phaolô VI, một cách hiểu về hòa bình đã xuất hiện, không bị giản lược thành sự vắng bóng đơn thuần của chiến tranh, nhưng được định hình trong phạm vi của sự phát triển toàn diện con người. Trong *Populorum Progressio*, ngài mô tả sự phát triển như một cuộc chuyển dịch từ những điều kiện sống kém nhân bản sang những điều kiện sống nhân bản hơn. Hơn nữa, ngài hiểu đó như một tiến trình liên quan đến “mỗi con người và toàn thể con người,”³¹ nghĩa là mọi bình diện của con người và tất cả mọi người không trừ ai. Chính vì vậy, Đức Phaolô VI có thể khẳng định rằng sự phát triển, được hiểu theo nghĩa ấy, thực sự là “tên gọi mới của hòa bình,”³² bởi vì nó nhắm đến việc loại bỏ tận gốc những nguyên nhân của bất công và xung đột, đồng thời tạo ra những cơ hội cho một đời sống xứng hợp với phẩm giá hơn cho tất cả mọi người. Việc thành lập Ủy ban Giáo hoàng *Iustitia et Pax* cũng phải được nhìn dưới ánh sáng này như một nỗ lực nhằm mang lại hình thức bền vững cho hiểu biết này ở cấp độ Hội Thánh và quốc tế, đồng thời lưu tâm đến khoảng cách càng ngày càng lớn giữa các quốc gia giàu và nghèo, cũng như nhu cầu về những chính sách thực sự cổ vũ những điều kiện sống nhân bản hơn cho mọi người
36. Trong *Octogesima Adveniens*, được viết nhân dịp kỷ niệm tám mươi năm *Rerum Novarum*, Đức Phaolô VI đã áp dụng viễn tượng ấy vào xã hội hậu công nghiệp, vốn bị đánh dấu bởi quá trình đô thị hóa, những hình thức nghèo đói mới và những biến chuyển văn hóa nhanh chóng đặt lại vấn đề về tương lai của các cá nhân và cộng đồng. Đức Phaolô VI xác tín rằng, mặc dù Tin Mừng đã được công bố, được viết ra và được sống trong một bối cảnh lịch sử và văn hóa rất khác với bối cảnh của chúng ta, sứ điệp của Tin Mừng không phải là điều “lỗi thời.”³³ Trái lại, Tin Mừng vẫn công hiến một cái nhìn về con người, các tương quan, quyền bính và công ích, vẫn còn khả năng định hướng những chọn lựa kinh tế, chính trị và văn hóa ngày nay. Nói cách khác, Tin Mừng vẫn luôn có tính thời sự bởi vì nó cung cấp những tiêu chuẩn để nhận ra điều gì nhân bản hóa hoặc phi nhân hóa, điều gì giải phóng hoặc áp bức trong những hoàn cảnh luôn thay đổi. Đối với Học thuyết Xã hội của Hội Thánh, di sản đòi hỏi nhất của Đức Phaolô VI chính là điều này: chừng nào trên thế giới vẫn còn những con người bị loại trừ khỏi sự phát triển xứng hợp với nhân giá, thì cộng đồng Kitô hữu không thể hài lòng với một sự loan báo hòa bình chỉ trên lý thuyết. Trái lại, khởi đi từ chính những nơi mà con người bị gạt ra bên lề, cộng đồng ấy phải để cho Tin Mừng phán xét những cơ cấu kinh tế và chính trị vốn — như Đức Gioan Phaolô II sau này sẽ nhắc lại — có thể trở

³⁰ X. Công đồng Chung Vaticanô II, Tuyên ngôn *Dignitatis Humanae*, 2: AAS 58 (1966), 930-931.

³¹ Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26 tháng 3, 1967), 14: AAS 59 (1967), 264.

³² *Ibid.*, 76: AAS 59 (1967), 299.

³³ X. Thánh Phaolô VI, Tông thư *Octogesima Adveniens* (14 tháng 5, 1971), 4-7: AAS 63 (1971); 404-406.

thành những “cơ cấu tội lỗi” thực sự.³⁴ Kết quả là, không một con người hay dân tộc nào sẽ bị coi như có thể bị loại bỏ trong các tiến trình phát triển.

Huấn quyền gần đây

37. Kho tàng giáo huấn xã hội phong phú của Thánh Gioan Phaolô II nằm ở giao điểm giữa cuộc khủng hoảng của các hệ tư tưởng lớn trong thế kỷ XX và sự khởi đầu của toàn cầu hóa kinh tế. Thông điệp *Laborem Exercens* của ngài, được viết chín mươi năm sau khi *Rerum Novarum* được công bố, đã mở ra một hướng suy tư mới về lao động. Văn kiện này trình bày mức lương công bằng như một phương thể cụ thể để kiểm chứng tính công bình của toàn thể hệ thống kinh tế-xã hội, bởi vì mức lương ấy cho thấy, liệu người lao động có được đối xử như một nhân vị hay chỉ đơn thuần như một chi phí sản xuất.³⁵ Lao động không được chỉ như một vấn đề cần được giải quyết hay như một phương tiện tạo ra thu nhập, nhưng là một thiện ích nền tảng cho con người, một nguyên lý của hoạt động kinh tế và chiếc chìa khóa cho toàn bộ vấn đề xã hội. Qua lao động, con người đưa tự do, tính sáng tạo và khả năng cộng tác của mình ra thực hành, qua đó góp phần vào sự thăng tiến văn hóa và luân lý của xã hội.³⁶ Dưới ánh sáng ấy, các hình thức bấp bênh trong việc làm, những lộ trình nghề nghiệp bị phân mảnh và tiến trình tự động hóa không được đánh giá chỉ dựa trên hiệu quả, nhưng phải được xét trong tương quan với phẩm giá của người lao động, quyền được hưởng mức thù lao đủ sống, và việc có thể thực sự tham gia vào đời sống xã hội.
38. Với Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis*, được công bố nhân dịp kỷ niệm hai mươi năm *Populorum Progressio*, Thánh Gioan Phaolô II đã tái khảo sát tai họa của tình trạng chậm phát triển. Ngài nhìn nhận sự thất bại của nhiều nỗ lực nhằm đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của các dân tộc nghèo và hỗ trợ họ trong tiến trình kỹ nghệ hóa, đồng thời ghi nhận khoảng cách dai dẳng, thậm chí càng ngày càng mở rộng, giữa Bắc bán cầu và Nam bán cầu.³⁷ Ngài cũng lên án những cơ chế kinh tế, tài chính và thương mại vốn, dưới sự điều hành của các nền kinh tế mạnh nhất, về mặt cơ cấu, đã ưu tiên lợi ích riêng của họ, trong khi bóp nghẹt các nền kinh tế yếu hơn, và ngài yêu cầu những cơ chế ấy phải được đặt dưới sự xem xét nghiêm túc về mặt đạo đức, chứ không chỉ thuần túy kỹ thuật.³⁸ Trong bối cảnh này, tình liên đới được hiểu như một trách nhiệm cụ thể và được chia sẻ giữa các cá nhân, các dân tộc và các quốc gia — một hình thức bằng hữu xã hội hay đức ái chính trị hướng đến “nền văn minh tình thương” mà Đức Phaolô VI đã đề xuất.³⁹
39. Nhân dịp kỷ niệm một trăm năm *Rerum Novarum*, Thông điệp *Centesimus Annus* đưa ra một suy tư về sự sụp đổ của hệ thống Xô viết cũng như sự trỗi dậy của nền dân chủ và kinh tế thị trường. Thánh Gioan Phaolô II lặp lại giáo huấn của Đức Piô XII rằng, Hội Thánh trân trọng

³⁴ Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30 tháng 12, 1987), 36: AAS 80 (1988), 561.

³⁵ X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens* (14 tháng 9, 1981), 19: AAS 73 (1981), 625-629.

³⁶ X. *ibid.*, 10: AAS 73 (1981), 600-602.

³⁷ X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30 tháng 12, 1987), 14: AAS 80 (1988), 526-528.

³⁸ X. *ibid.*, 16: AAS 80 (1988), 531.

³⁹ X. *ibid.*, 31-33: AAS 80 (1988), 555-559.

nền dân chủ trong mức độ nó bảo đảm sự tham gia thực sự của các công dân, cho phép họ bầu cử và thay thế các nhà lãnh đạo của mình một cách hòa bình, đồng thời ngăn chặn việc quyền lực bị độc chiếm bởi những nhóm tinh hoa nhỏ, được thúc đẩy bởi các lợi ích riêng hay ý thức hệ.⁴⁰ Tương tự, Hội Thánh chỉ nhìn nhận tiềm năng tích cực của thị trường và sáng kiến tư nhân, nếu chúng vẫn lệ thuộc vào luật luân lý, và được hướng dẫn bởi nguyên tắc liên đới, mà không hy sinh những người dễ bị tổn thương nhất cho luận lý của lợi nhuận.⁴¹ Điều này để lại một di sản đặc biệt quan trọng cho Học thuyết Xã hội của Hội Thánh. Việc khẳng định mối quan hệ giữa phẩm giá lao động, tình liên đới giữa các dân tộc, sự đánh giá cách có phê phán về nền dân chủ và kinh tế thị trường tiếp tục cung cấp những tiêu chuẩn để lượng định các hình thức bóc lột, loại trừ và khủng hoảng mới trong lãnh vực đại diện chính trị.

40. Trong Thông điệp xã hội *Caritas in Veritate*, Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI tìm cách tái lượng định và mở rộng khái niệm phát triển được trình bày trong *Populorum Progressio*, bằng cách giải thích nó dưới ánh sáng của việc toàn cầu hóa. Ngài nhận định rằng sự phát triển ấy phải được thể hiện thành “một sự tăng trưởng đích thực, mang lại lợi ích cho mọi người và thực sự bền vững.”⁴² Nghĩa là một sự tiến bộ kinh tế thực sự bao hàm tất cả mọi người, và tôn trọng những giới hạn của công trình tạo dựng. Tuy nhiên, ngài cũng tái khẳng định rằng, ngay tại các quốc gia giàu có, những hình thức nghèo đói mới cùng những kiểu loại trừ chưa từng có đang xuất hiện, trong khi tại các vùng nghèo hơn, những nhóm thiểu số nhỏ sống trong sự sung túc theo tiêu thụ chủ nghĩa, bên cạnh những hoàn cảnh nghèo đói phi nhân hóa.⁴³ Ngoài ra, ngài ghi nhận rằng, hệ thống kinh tế và tài chính toàn cầu mới, được đánh dấu bởi sự dịch chuyển rộng lớn của tư bản và các phương tiện sản xuất, đã làm suy giảm quyền lực chính trị của các quốc gia, và khả năng của họ trong việc tác động đến các tiến trình kinh tế.⁴⁴ Vì lý do đó, Đức Bênêđictô XVI tái khẳng định rằng, hoạt động kinh tế không thể tự cho mình khả năng giải quyết các vấn đề xã hội chỉ bằng cách mở rộng não trạng thương mại, nhưng phải được quy hướng về công ích, điều mà cộng đồng chính trị gánh lấy trách nhiệm riêng không thể thay thế được của mình.⁴⁵
41. Đức Bênêđictô XVI đặt đức ái ở trung tâm của phân tích của ngài, khi khẳng định rằng đức ái “nằm ở trung tâm của Học thuyết Xã hội của Hội Thánh,”⁴⁶ miễn là đức ái ấy luôn kết hợp với chân lý. Ngài cũng lưu ý với sự quan ngại rằng, đang có một khuynh hướng loại bỏ tầm quan trọng của luân lý ngay chính trong các lãnh vực xã hội, pháp lý, chính trị và kinh tế. Tính độc đáo trong đóng góp của ngài nằm ở chỗ cho thấy rằng phát triển, công lý, các định chế và thị trường không phải là những thực tại trung tính, nhưng là những không gian ở đó

⁴⁰ X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 tháng 5, 1991), 46: AAS 83 (1991), 850-851.

⁴¹ X. *ibid.*, 42: AAS 83 (1991), 844-846.

⁴² Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6, 2009), 21: AAS 101 (2009), 656.

⁴³ X. *ibid.*, 22: AAS 101 (2009), 657.

⁴⁴ X. *ibid.*, 24: AAS 101 (2009), 658-659.

⁴⁵ X. *ibid.*, 36: AAS 101 (2009), 671-672.

⁴⁶ *Ibid.*, 2: AAS 101 (2009), 642.

đức ái trong chân lý phải tìm được cách biểu lộ trong lịch sử. Giáo huấn này đặc biệt thích đáng cho ngày nay, trước những bất bình đẳng càng ngày càng gia tăng, những áp lực trong các thị trường tài chính, cuộc khủng hoảng môi trường, và sự suy giảm lòng tin nhiệm vào chính trị. Đây là một lời mời gọi lượng định mọi mô hình phát triển dựa trên khả năng bao hàm và tính bền vững của nó, tái thiết mối tương quan giữa kinh tế và chính trị trên nền tảng công ích, đồng thời nhìn nhận vai trò vừa phê phán vừa khai sinh của đức ái trong đời sống công cộng.

42. Giáo huấn xã hội của Đức Phanxicô phát triển theo đường hướng của *Gaudium et Spes*, văn kiện mời gọi chúng ta nhìn lịch sử qua lăng kính của những hy vọng và những mong manh của con người, đồng thời đưa những thực tại ấy vào cuộc đối thoại với Tin Mừng. Cách tiếp cận này được biểu lộ cách đặc biệt rõ nét trong *Evangelii Gaudium*, trong đó ngài khẳng định rằng việc rao giảng của Kitô giáo có một chiều kích xã hội nội tại và kêu gọi một Hội Thánh có khả năng lắng nghe tiếng kêu của người nghèo, người di cư và những nạn nhân của các hình thức nô lệ mới. Sự nhấn mạnh của Đức Phanxicô về một Hội Thánh hiệp hành, một Hội Thánh “cùng nhau bước đi,” biết tìm cách đọc các dấu chỉ thời đại dưới ánh sáng Tin Mừng và để cho chính mình được Phúc Âm hóa bởi người nghèo, là những người mà Hội Thánh cùng chia sẻ lịch sử, cũng hoàn toàn phù hợp với viễn tượng này.⁴⁷
43. Trong *Laudato Si'*, Đức Phanxicô đã đưa ra một khảo luận có hệ thống đầu tiên có tầm quan trọng về cuộc khủng hoảng môi trường trong một Thông điệp xã hội, qua đó cho thấy rằng đây không phải là một vấn đề biệt lập, nhưng đúng hơn là chiều kích sinh thái của cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội đương thời. Đề nghị của ngài về một nền sinh thái học toàn diện, kết hợp việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta, với sự chọn lựa ưu tiên dành cho người nghèo, đồng thời mạnh mẽ khẳng định rằng “tiếng kêu của trái đất và tiếng kêu của người nghèo”⁴⁸ không thể được tách rời nhau. Dưới ánh sáng ấy, nguyên tắc mục tiêu phổ quát của của cải được đưa lên hàng đầu, cùng với sự phê phán mô hình kỹ trị vốn tìm cách giản lược hoá mọi sự thành những đối tượng để thống trị; sự bảo vệ lao động của con người đang bị đe dọa bởi nã trạng loại bỏ; và sự cần thiết của một nền công lý liên thế hệ. Sau cùng, ngài cổ vũ một cuộc đối thoại đích thực giữa những người hoạt động trong lãnh vực chính trị và tài chính, để không bên nào trở nên dùng chính mình làm điểm quy chiếu.
44. Khi đối diện với sự tan rã của kết cấu xã hội, một “cuộc thế chiến từng mảnh đang diễn ra,” tiến trình toàn cầu hóa mang tính cá nhân chủ nghĩa, và tác động của đại dịch trên các mối dây liên kết cộng đồng, Đức Phanxicô, trong *Fratelli Tutti*, đã tìm cách khơi lại giấc mơ về một nhân loại biết chọn tình bằng hữu xã hội và tình huynh đệ phổ quát. Ngài đề nghị một nền văn hóa gặp gỡ, một “nền chính trị tốt đẹp hơn” có khả năng tìm kiếm công ích, những con đường hòa giải, và một thế giới bảo đảm “đất đai, nhà ở và việc làm cho tất cả mọi người.”⁴⁹ Sau cùng, trong *Dilexit Nos*, ngài cho thấy rằng những nỗ lực xã hội đầy ý nghĩa

⁴⁷ X. Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11. 2013), 198: AAS 105 (2013), 1103.

⁴⁸ Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24 tháng 5, 2015), 49: AAS 107 (2015), 866.

⁴⁹ Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 127: AAS 112 (2020), 1013.

ấy không thể tách rời khỏi mối tương quan cá vị với Đức Kitô. Khi hướng về Lời Chúa, ngài nhắc nhở chúng ta rằng câu trả lời chân thực nhất đối với tình yêu nơi Thánh Tâm Chúa Giêsu là tình yêu cụ thể dành cho anh chị em mình, và khẳng định rằng “không có cách nào lớn lao hơn để chúng ta đáp lại tình yêu bằng tình yêu.”⁵⁰

Giải thích lịch sử dưới ánh sáng đức tin

45. Khi nhìn lại toàn thể lược khảo lịch sử này, chúng ta có thể thấy rõ rằng Học thuyết Xã hội của Hội Thánh không phải là kết quả của một dự án được hoạch định tại bàn giấy, nhưng đúng hơn là thành quả của một tiến trình kiên nhẫn, trong đó mỗi vị giáo hoàng — cùng với [Công đồng Chung Vaticanô II](#) — đã thực hiện một đóng góp độc đáo dưới ánh sáng của “những sự mới mẻ” của từng thời đại cụ thể. Đáp lại những thách đố của thời mình, mỗi vị đã giải thích những biến chuyển lịch sử theo Tin Mừng, làm nổi bật những khía cạnh khác nhau của cùng một gia sản duy nhất: phẩm giá con người, giá trị của lao động, mục tiêu phổ quát của của cải, tình liên đới và nguyên tắc bổ trợ, việc chăm sóc công trình tạo dựng, cùng tính trung tâm của hòa bình và tình huynh đệ. Kết quả là một tiến trình phát triển hài hòa, dù không phải lúc nào cũng thẳng đường, được đánh dấu bởi những điểm nhấn khác nhau, những hiểu biết càng ngày càng sâu sắc hơn, và đôi khi là những thay đổi trong cách tiếp cận, nhưng không hề đoạn tuyệt với những gì đã có trước, trái lại cho phép những hệ luận của chúng được trưởng thành. Nếu ngày nay chúng ta có thể nói đến một tổng thể chung gồm những nguyên tắc và tiêu chuẩn, đó là bởi vì cách giải thích lịch sử dựa trên đức tin này chưa bao giờ bị gián đoạn, nhưng luôn rộng mở trước những thách đố do từng thế hệ đặt ra. Giờ đây, tôi muốn hướng sự chú ý của chúng ta đến những nguyên tắc lớn của Học thuyết Xã hội, những nguyên tắc định hướng sự phân định của các tín hữu trong đời sống cá nhân cũng như công cộng, để có thể nắm bắt cách hiệu quả hơn tính nhất quán nội tại và khả năng định hướng của chúng đối với thời đại chúng ta.

⁵⁰ Phanxicô, Thông điệp *Dilexit Nos* (24 tháng 10, 2024), 167: AAS 116 (2024), 1421.

CHƯƠNG II

NỀN TẢNG VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA HỘI THÁNH

46. Học thuyết Xã hội của Hội Thánh là một thực tại sống động, luôn đối thoại với lịch sử, các nền văn hóa và khoa học. Đồng thời, học thuyết này vẫn gìn giữ một cốt lõi gồm những chân lý bất biến. Vì thế, có thể coi đây là một hình thức khôn ngoan, có khả năng hướng dẫn đời sống cá nhân cũng như đời sống xã hội của các tín hữu, ngay cả trong thời đại hôm nay. Trong chương thứ hai này, tôi muốn tập trung vào một số nền tảng và nguyên tắc của Học thuyết Xã hội của Hội Thánh, nhằm giúp chúng ta giải thích những “điều mới mẻ” của thời đại, đặc biệt dưới ánh sáng phẩm giá cố hữu của con người. Để bảo vệ con người trong thời đại trí tuệ nhân tạo, tôi tin rằng hôm nay chúng ta, một lần nữa, cần suy tư về công ích, mục tiêu phổ quát của của cải, tính hỗ trợ, tình liên đới và công bằng xã hội. Tôi xác tín rằng mối tương quan hài hòa giữa các nguyên tắc này đòi hỏi phải được xem xét trong tính toàn vẹn của chúng, để thấy rõ cách chúng liên hệ và bổ túc cho nhau như thế nào.
47. Qua những suy tư này, trước hết tôi hy vọng giúp các giáo dân và mọi người có thiện chí tái khám phá bốn phạm thực thi các nguyên tắc nói trên trong đời sống hằng ngày, trong các mối quan hệ gia đình, công việc và dân thân xã hội. Nhờ đó, họ sẽ để cho mình được thúc đẩy bởi khát vọng thể hiện tình yêu của Thiên Chúa trong những biến cố cụ thể của cuộc sống. Đồng thời, tôi cũng muốn khích lệ các học viện và đại học mang lại sức sống mới cho những nguyên tắc ấy, và áp dụng chúng cách thích hợp và hữu hiệu, nhằm đối diện với cuộc cách mạng kỹ thuật số. Bằng cách ấy, việc nghiên cứu thần học và triết học sẽ có thể tiếp tục đào sâu và nâng đỡ hành trình mục vụ của Hội Thánh, đồng thời góp phần vào sứ mạng của Huân quyền trong việc soi sáng lương tâm các tín hữu, và hướng dẫn nỗ lực của họ, để làm cho đời sống xã hội trở nên công bằng và huynh đệ hơn.

Những nền tảng của Học thuyết Xã hội

Con người: hình ảnh của Thiên Chúa Ba Ngôi

48. Học thuyết Xã hội của Hội Thánh đưa chúng ta đến tận trung tâm đức tin của mình: mẫu nhiệm Thiên Chúa hằng sống, được mặc khải nơi Đức Chúa Giêsu Kitô. Người là Đấng, trong sự hiệp thông của Ba Ngôi — Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần — chính là Tình Yêu trong mối tương quan, được diễn tả qua sự trao tặng cho nhau và chia sẻ với thế giới.⁵¹ Như Công đồng đã nhắc lại, con người được mời gọi hiệp thông với Thiên Chúa và “chỉ có thể thực sự khám phá chính mình nhờ sự chân thành trao hiến chính mình.”⁵² Thật

⁵¹ X. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Hội Thánh Công giáo*, Vatican City 2004, 32.

⁵² Công đồng Chung Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 24: AAS 58 (1966), 1045.

vậy, ơn gọi sâu xa nhất của con người là bước vào động lực tình yêu Ba Ngôi: đón nhận và trao ban.

49. Nếu mầu nhiệm Thiên Chúa là Tình Yêu chính là nguồn mạch của Học thuyết Xã hội, thì biểu hiện cụ thể nhất của tình yêu ấy chính là dung nhan Đức Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời nhập thể. Khi trở nên người phàm, Con Thiên Chúa bước vào lịch sử nhân loại và mang lấy xác phàm con người, đem theo tình yêu kết hợp Người với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Nơi Người, “mầu nhiệm con người thật sự được trở nên sáng tỏ”⁵³, bởi nhân tính của Người hoàn toàn tự do, rộng mở với tha nhân, có khả năng xây dựng những tương quan lành mạnh và tốt đẹp, đồng thời dấn thân trong việc hiến trao trọn vẹn bản thân. Những ai tin vào Người đều tham dự vào công trình canh tân lớn lao khởi đi từ mầu nhiệm cuộc khổ nạn, cái chết và sự phục sinh của Người. Họ cộng tác vào việc xây dựng Nước Thiên Chúa bằng cách học biết đón nhận mọi người như anh chị em, con của cùng một Cha. Theo cách này, việc loan báo Tin Mừng cũng như đời sống Kitô hữu, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, có thể mang lại những hệ quả xã hội cụ thể cho thế giới.⁵⁴
50. Trọng tâm của cái nhìn Kitô giáo về con người nằm ở khẳng định lớn lao của Thánh Kinh rằng con người được tạo dựng theo hình ảnh và giống Thiên Chúa Ba Ngôi (x. St 1,26-27). Được tạo dựng cho mối tương quan, mỗi con người đều được Thiên Chúa dự định và mong muốn để bước vào sự hiệp thông với Ngài, với tha nhân và với công trình tạo dựng. Phẩm giá con người không tùy thuộc vào khả năng, của cải hay địa vị xã hội, cũng không dựa trên những lựa chọn đúng hay sai mà họ thực hiện. Trái lại, phẩm giá ấy là một hồng ân có trước và vượt trên mỗi con người, được Thiên Chúa ban tặng như biểu hiện của tình yêu trung tín không hề đổi thay của Ngài. Vì thế, con người luôn là “con đường của Hội Thánh”⁵⁵ và là trung tâm của mọi hành trình phát triển nhân bản toàn diện đích thực.⁵⁶

Phẩm giá bình đẳng của mọi con người

51. Thánh Gioan Phaolô II đã từng nói rằng: “Ý thức càng ngày càng sâu sắc về phẩm giá con người, về tính độc nhất của mỗi người và về sự tôn trọng đối với hành trình lương tâm, chắc chắn là một trong những thành tựu tích cực của nền văn hóa hiện đại.”⁵⁷ Khẳng định này tiếp nối đường hướng mà [Công đồng Vaticanô II](#) đã vạch ra khi ghi nhận rằng càng ngày con người càng ý thức hơn về phẩm giá cao quý của mọi người, về sự cao trọng của họ vượt trên vật chất, cũng như về các quyền lợi và bổn phận phổ quát và bất khả xâm phạm của họ.⁵⁸ Điều quan trọng là phải bảo đảm rằng sự gia tăng nhận thức này về phẩm giá con người không bị che khuất bởi áp lực của các ý thức hệ mới, hay những quyền lực đầy ảnh hưởng trong thế giới hôm nay. Trong số các ý thức hệ ấy, tôi đặc biệt coi là nguy hiểm quan điểm

⁵³ Ibid., 22: AAS 58 (1966), 1042.

⁵⁴ X. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Hội Thánh Công giáo*, 38.

⁵⁵ Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptor Hominis* (4 tháng 3, 1979), 14: AAS 71 (1979), 284.

⁵⁶ X. Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6, 2009), 11: AAS 101 (2009), 647-648.

⁵⁷ Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor* (6 tháng 8, 1993), 31: AAS 85 (1993), 1159.

⁵⁸ X. Công đồng Chung Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 26: AAS 58 (1966), 1046-1047.

cho rằng mỗi người phải tự kiểm lấy hoặc chứng minh giá trị của mình, đến mức những ai hiệu quả hơn hoặc thành công hơn thì được coi là có giá trị hơn. Theo cách nhìn này, con người bị giản lược thành phương tiện để đạt được kết quả, thành nguồn lực để khai thác và sử dụng, thay vì được nhìn nhận như những hữu thể là cùng đích nơi chính mình, chứ không bao giờ được sử dụng như công cụ. Thế nhưng giá trị của con người không phụ thuộc vào điều họ đạt được hay sản xuất ra. Có những quyền thuộc về mọi người đơn thuần chỉ vì họ là con người, và không một quyền lực nhân loại nào có thể hợp pháp phủ nhận hoặc tùy tiện giới hạn các quyền ấy.⁵⁹

52. Khi nói đến phẩm giá, chúng ta không phải lúc nào cũng dùng từ này theo cùng một nghĩa. Đôi khi chúng ta nói đến phẩm giá luân lý, nghĩa là cách một người định hướng các lựa chọn và hành động của mình. Lúc khác, chúng ta nghĩ đến phẩm giá xã hội, liên quan đến điều kiện sống và sự tôn trọng cụ thể mà xã hội dành cho một người. Trong những trường hợp khác, chúng ta nói về phẩm giá hiện sinh, tức là cách một người cảm nhận giá trị của bản thân và ý nghĩa của cuộc sống. Những khía cạnh phẩm giá này có thể được gia tăng hoặc suy giảm. Ngoài ra, còn có một cấp độ sâu xa và quan trọng hơn, đó là phẩm giá hữu thể. Đây là phẩm giá thuộc về mỗi con người chỉ vì họ hiện hữu, vì họ được Thiên Chúa muốn có, tạo dựng và yêu thương.⁶⁰ Không tội lỗi, thất bại, nhục nhã hay loại trừ nào có thể làm suy giảm giá trị sâu xa của một đời người mà Thiên Chúa đã muốn và kêu gọi hiện hữu.⁶¹
53. Do đó, phẩm giá căn bản của mỗi người không phải là điều có được nhờ công trạng, cũng không cần phải biện minh. Tuyên ngôn gần đây *Dignitas Infinita* đã tóm lược tư tưởng của Hội Thánh về vấn đề này như sau: “Mỗi con người đều sở hữu một phẩm giá vô hạn, bất nguồn cách bất khả chuyển nhượng từ chính hữu thể của họ; phẩm giá ấy vẫn tồn tại trong và vượt lên trên mọi hoàn cảnh, tình trạng hay điều kiện mà con người có thể gặp phải.”⁶² Nói cách khác, phẩm giá ấy luôn luôn hiện hữu và không có ngoại lệ. Phẩm giá của mỗi con người có thể được gọi là vô hạn, như Thánh Gioan Phaolô II đã khẳng định,⁶³ vì hai lý do: thứ nhất, vì tình yêu của Thiên Chúa, Đấng mời gọi chúng ta bước vào tình bạn với Ngài, là vô hạn; và thứ hai, vì tình yêu ấy hoàn toàn vô điều kiện, đến mức dù tìm kiếm mãi, chúng ta cũng sẽ không bao giờ thấy điều gì có thể xóa bỏ hay phủ nhận tình yêu ấy.

Giá trị tối thượng của nhân quyền

54. Hội Thánh trân trọng nhìn nhận rằng “Phong trào tiến tới chỗ xác định và công bố các quyền của con người là một trong những cố gắng quan trọng nhất nhằm đáp ứng cách hữu hiệu những đòi hỏi tất yếu của phẩm giá con người.”⁶⁴ Trong tinh thần đó, Thánh Gioan Phaolô

⁵⁹ X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 tháng 5, 1991), 11: AAS 83 (1991), 806-807.

⁶⁰ X. Bộ Giáo lý Đức tin, Tuyên ngôn *Dignitas Infinita* (2 tháng 4, 2024), 7: AAS 116 (2024), 592-593.

⁶¹ X. *ibid.*, 8: AAS 116 (2024), 593-594.

⁶² *Ibid.*, 1: AAS 116 (2024), 589-590.

⁶³ X. Thánh Gioan Phaolô II, *Kinh Truyền Tin với những người khuyết tật tại Nhà thờ Chính tòa Osnabrück* (16 tháng 11, 1980): *Insegnamenti di Giovanni Paolo II*, vol. III/2, Vatican City 1980, 1232.

⁶⁴ Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Hội Thánh Công giáo*, 152.

II khẳng định rằng *Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền* do Liên Hiệp Quốc công bố ngày 10 tháng 12 năm 1948 vẫn là một trong những biểu hiện cao đẹp nhất của lương tâm nhân loại trong thời đại chúng ta.⁶⁵ Đó là “một cột mốc trên cuộc hành trình dài và khó khăn của nhân loại.”⁶⁶ Vì thế, dưới cái nhìn Kitô giáo, nhân quyền không phải là điều được thêm vào từ bên ngoài cho con người, nhưng là biểu hiện của phẩm giá nội tại nơi con người, mà cộng đồng quốc tế được mời gọi bảo vệ và cổ võ.

55. Nhân quyền là điều bất khả xâm phạm, vì các quyền ấy “gắn liền với chính con người và phẩm giá con người.”⁶⁷ Do đó, các quyền ấy có tính phổ quát và không thể bị tước bỏ.⁶⁸ Chính vì được đặt nền tảng trên phẩm giá chung của mọi người nam nữ, nên chúng có những hệ quả thực tiễn và hiệu lực pháp lý. “Việc công bố các quyền con người sẽ trở nên vô nghĩa nếu đồng thời không làm mọi sự để bảo đảm rằng các quyền ấy được mọi người tôn trọng, ở mọi nơi và đối với mọi người.”⁶⁹ Trong số các quyền ấy, trước tiên là quyền được sống, từ lúc thụ thai cho đến khi chết tự nhiên,⁷⁰ bởi nếu không có quyền này thì không thể thực thi bất kỳ quyền nào khác. Khi quyền căn bản ấy bị chối bỏ — như trong các trường hợp phá thai có chủ ý, giết người vô tội hay trợ tử — chúng ta đứng trước những lựa chọn mà Hội Thánh coi là sai trái nghiêm trọng.⁷¹
56. Khi nhìn vào thời đại mình, chúng ta không thể không nhận thấy rằng việc bảo vệ nhân quyền đang phải đối diện với hai nguy cơ đặc biệt nghiêm trọng. Nguy cơ thứ nhất là các quyền ấy chỉ được công bố theo nghĩa hình thức, trong khi tiến bộ công nghệ vẫn song hành với những vi phạm công khai hoặc âm thầm đối với phẩm giá con người. Nguy cơ thứ hai, và thực ra là cội rễ của nguy cơ thứ nhất, chính là việc không còn khả năng nhận ra nền tảng phổ quát của các quyền ấy, bởi chúng ta đã từ bỏ “việc tìm kiếm những nền tảng vững chắc nâng đỡ các quyết định và luật pháp của mình.”⁷² Đức Thánh Cha Phanxicô mời gọi chúng ta đừng xem nhẹ vấn đề này. Ngài lưu ý rằng khi lý trí nghiêm túc khảo sát bản tính con người, nó có khả năng khám phá ra những giá trị áp dụng cho mọi người, vì chúng phát xuất từ chính bản tính con người. Nếu nhiệm vụ tìm kiếm ấy bị từ bỏ, rất có thể trong tương lai, những quyền ngày nay được coi là bất khả xâm phạm lại bị đặt lại vấn đề, hoặc bị phủ nhận bởi những người đang nắm quyền, có thể sau khi họ chỉ đạt được một sự đồng thuận bề ngoài

⁶⁵ X. Thánh Gioan Phaolô II, *Diễn văn tại Khóa họp Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc lần thứ 50* (5 tháng 10, 1995), 2: Insegnamenti di Giovanni Paolo II, vol. XVIII/2, Vatican City 1998, 731.

⁶⁶ Thánh Gioan Phaolô II, *Diễn văn tại Khóa họp Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc lần thứ 34* (2 tháng 10, 1979), 7: AAS 71 (1979), 1148.

⁶⁷ Thánh Gioan Phaolô II, *Sứ điệp nhân Ngày Thế giới Hòa bình lần thứ 32*, (1 tháng 1, 1999), 3: AAS 91 (1999), 379.

⁶⁸ X. Thánh Gioan XXIII, Thông điệp *Pacem in Terris* (11 tháng 4, 1963), 5: AAS 55 (1963), 259.

⁶⁹ Thánh Phaolô VI, *Sứ điệp gửi Hội nghị Quốc tế về Nhân quyền* (15 tháng 4, 1968): AAS 60 (1968), 285.

⁷⁰ X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Evangelium Vitae* (25 tháng 3, 1995), 2: AAS 87 (1995), 402.

⁷¹ X. Công đồng Chung Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 27: AAS 58 (1966), 1047-1048; X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor* (6 tháng 8, 1993), 80: AAS 85 (1993), 1197-1198; X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Evangelium Vitae* (25 tháng 3, 1995), 7-28: AAS 87 (1995), 408-427.

⁷² Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 208: AAS 112 (2020), 1043.

từ những quần chúng đang bị sợ hãi hoặc thao túng.⁷³

57. Cùng với sự gia tăng ý thức về giá trị của mỗi con người và các quyền của họ, việc nhìn nhận quyền của các nhóm thiểu số cũng càng ngày càng phát triển. Tuy nhiên, vẫn còn một chặng đường dài để bảo đảm rằng quyền lợi của rất nhiều người, đặc biệt là phụ nữ, được bảo vệ cách thực sự và bình đẳng trên toàn thế giới. Thực tế cho thấy “những người phụ nữ phải chịu cảnh bị loại trừ, ngược đãi và bạo lực là những người nghèo khổ gấp đôi, vì họ thường có ít khả năng bảo vệ quyền lợi của mình hơn.”⁷⁴ Vì thế, chỉ đơn thuần khẳng định rằng nam và nữ có phẩm giá và quyền bình đẳng là chưa đủ. Điều cần thiết là sự bình đẳng ấy phải được thể hiện qua các quyết định cụ thể, chẳng hạn trong luật pháp, cơ hội việc làm, giáo dục, trách nhiệm xã hội và chính trị, cũng như trong cách xã hội lắng nghe và trân trọng những đóng góp của phụ nữ. Bao lâu khoảng cách này còn tồn tại, chúng ta chưa thể nói rằng xã hội thực sự và trọn vẹn nhìn nhận phụ nữ có cùng phẩm giá như nam giới.
58. Điều quan trọng chính là từng con người cụ thể, mỗi người và mọi người, cùng với gia đình của họ. Các phong trào xã hội, các ý thức hệ cộng đồng hay những tuyên bố chính trị lớn lao nhân danh dân chúng đều trở nên vô nghĩa nếu chúng không dẫn tới sự phát triển đích thực của con người — nam cũng như nữ — cùng với các quyền bất khả chuyển nhượng của họ. Cũng như thế, việc đề cao tự do cá nhân hay sáng kiến kinh tế tư nhân sẽ trở nên vô ích nếu chúng ta vẫn để cho biết bao người tiếp tục sống mà không có công việc xứng đáng, không được bảo vệ hay không có khả năng tiếp cận các nhu cầu căn bản.

Những nguyên tắc của Học thuyết Xã hội

Nguyên tắc công ích

59. Việc nhìn nhận rằng mọi người nam nữ đều có phẩm giá bất khả chuyển nhượng, cùng với những quyền mà không quyền lực nhân loại nào có thể phản bội hay xóa bỏ, đòi hỏi chúng ta phải định hình cách sống chung với nhau, bao gồm cả những chọn lựa kinh tế, chính trị và cách tổ chức các thành phố. Từ đó phát sinh nguyên tắc lớn đầu tiên của Học thuyết Xã hội mà tôi muốn nhấn mạnh: công ích. Chúng ta có thể mô tả công ích như sự diễn tả có tính xã hội của phẩm giá được nhìn nhận nơi mỗi con người. Khi Đức Bênêđictô XVI nói đến những giá trị không thể thương lượng được mà Hội Thánh phải luôn bảo vệ, ngài đã bao gồm cả “việc thăng tiến công ích.”⁷⁵ Đối với người Kitô hữu, vượt lên trên những lợi ích hẹp hòi của riêng mình và dấn thân cho công ích trong khả năng của bản thân là một giá trị không thể thương lượng được, cũng như việc bảo vệ sự sống.
60. [Công đồng Vaticanô II](#) khẳng định rằng công ích bao gồm “tổng số những điều kiện xã hội cho phép các cá nhân cũng như các nhóm đạt tới sự hoàn thiện của mình cách đầy đủ và để

⁷³ X. *ibid.*, 209: AAS 112 (2020), 1043-1044.

⁷⁴ *Ibid.*, 23: AAS 112 (2020), 977. X. Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11, 2013), 212: AAS 105 (2013), 1108.

⁷⁵ Bênêđictô XVI, Tông huấn *Sacramentum Caritatis* (22 tháng 2, 2007), 83: AAS 99 (2007), 169.

dàng hơn.”⁷⁶ Định nghĩa này cung cấp cho chúng ta một điểm quy chiếu khởi đầu quan trọng. Công ích không thể bị giản lược thành một danh sách các điều kiện hay cơ chế. Nó không phải là tổng số các lợi ích cá nhân, cũng không phải là giao điểm của các lợi ích riêng tư. Đó là một thiện ích cao hơn, thuộc về mọi người, và chỉ có thể đạt được, nuôi dưỡng và bảo vệ nhờ nỗ lực chung của tất cả. Chúng ta có thể nói rằng hoạt động xã hội đạt tới sự viên mãn khi hướng đến thiện ích chung ấy, giống như hành vi luân lý của con người đạt tới sự hoàn thiện khi chọn điều thiện đích thực.⁷⁷

61. Theo nghĩa đó, chúng ta có thể nói rằng toàn thể “lớn hơn tổng số các phần”⁷⁸ và chính vì thế “việc đơn thuần theo đuổi các lợi ích cá nhân không đủ để tạo nên một thế giới tốt đẹp hơn cho toàn thể gia đình nhân loại.”⁷⁹ Thực ra, thật là ảo tưởng khi nghĩ rằng chỉ cần theo đuổi sự tiến bộ của riêng mình, mà không quan tâm đến người khác, thì đã đủ để góp phần vào công ích. Cách nhìn này bỏ qua giá trị nội tại và đặc thù của công ích, vốn là kết quả của sự “lệ thuộc lẫn nhau”⁸⁰ là điều tạo thành một mạng lưới thiện ích xã hội càng ngày càng lan rộng và ảnh hưởng đến con người. Công ích là một “giá trị gia tăng”, là kết quả của sự tương tác và ảnh hưởng hỗ tương nối kết nhiều hành động, sáng kiến, nỗ lực và quyết định khác nhau. Nếu chỉ cộng tất cả các thiện ích cá nhân lại, chúng ta sẽ không thể giải thích được sự hiện hữu của “giá trị gia tăng” vượt lên trên chúng, nhưng đồng thời cũng phong phú hoá chúng.
62. Chính việc theo đuổi công ích mang lại sức sống cho một dân tộc, không phải như một tập hợp đơn thuần của các cá nhân, nhưng như một thực tại sống động trong đó con người học biết rằng mình liên kết với nhau và cùng nhau có trách nhiệm đối với việc công cộng (*res publica*). Theo nghĩa này, mỗi người góp phần xây dựng dân tộc mình qua “một nỗ lực chậm chạp và gian khổ, đòi hỏi khát vọng hội nhập và ý chí đạt được điều ấy bằng việc phát triển một nền văn hóa gặp gỡ hòa bình và đa diện.”⁸¹ Làm việc chung cho công ích nghĩa là cùng chia sẻ một tầm nhìn. Rõ ràng giữa con người luôn tồn tại nhiều khác biệt về ý thức hệ và thực hành, nhiều lợi ích khác nhau và cả những bất đồng thường xuyên. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là đối thoại để đạt được một số đồng thuận căn bản nhằm xây dựng một tầm nhìn chung là điều bất khả thi. Chính trên nền tảng ấy, mọi người có thể cùng nhau tiến bước.
63. Chính quyền có trách nhiệm bảo đảm sự chặt chẽ, hợp nhất và tổ chức đúng đắn của xã hội dân sự, để công ích có thể được theo đuổi với sự đóng góp của mọi người. Trên bình diện thực tế, điều này có nghĩa là các cơ quan công quyền có bốn phận tế nhị trong việc “điều hòa những lợi ích riêng biệt với các đòi hỏi của công lý”⁸² bằng cách tìm kiếm sự quân bình giữa lợi ích cá nhân và công ích, mà không bỏ rơi những người yếu thế nhất. Khi chính trị

⁷⁶ Công đồng Chung Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 26, AAS 58 (1966), 1046-1047.

⁷⁷ X. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Hội Thánh Công giáo*, 164.

⁷⁸ Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11, 2013), 235: AAS 105 (2013), 1115.

⁷⁹ Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 105: AAS 112 (2020), 1005.

⁸⁰ Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30 tháng 12, 1987), 38: AAS 80 (1988), 564.

⁸¹ Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11, 2013), 220: AAS 105 (2013), 1110.

⁸² Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Hội Thánh Công giáo*, 169.

từ bỏ cái nhìn dài hạn và chỉ còn bị chi phối bởi những tính toán ngắn hạn, hay những đối đầu vô bổ, thì ngôn ngữ về công ích sẽ mất dần sức thuyết phục; đồng thời, sự bất bình đẳng và chia rẽ xã hội cũng gia tăng.

64. Điều này cũng đúng trong lãnh vực chính trị quốc tế. Khi khoảng cách giữa các quốc gia càng ngày càng lớn, tâm thức đối đầu và gây hấn bắt đầu chiếm ưu thế, và hành trình khó khăn hướng tới một thế giới hợp nhất và huynh đệ hơn lại phải chịu thêm những bước thụt lùi đau đớn. Trong bối cảnh ấy, nói đến một cuộc hành trình chung hướng tới sự phát triển công bằng hơn cho toàn thể gia đình nhân loại “nghe có vẻ điên rồ.”⁸³ Thế nhưng chúng ta không được đánh mất hy vọng. Tôi mời gọi mọi người hãy nghĩ đến những hình thức hợp tác và những cơ chế quốc tế hữu hiệu hơn, có khả năng bảo vệ công ích toàn cầu, mà không làm tổn hại đến sự đa dạng chính đáng của các dân tộc và quốc gia. Quả thật, việc thăng tiến công ích không bao giờ được tách rời khỏi sự tôn trọng quyền hiện hữu của các dân tộc, quyền gìn giữ căn tính riêng và đóng góp những nét độc đáo của mình cho gia đình các quốc gia.⁸⁴ Hơn nữa, mọi ý đồ hoặc kế hoạch nhằm tiêu diệt hay khuất phục một dân tộc, đều là điều vô luân nghiêm trọng và hoàn toàn không thể chấp nhận.

Nguyên tắc về mục tiêu phổ quát của của cải

65. “Trong số rất nhiều hệ lụy rút ra từ công ích, quan trọng nhất là nguyên tắc của của cải có mục tiêu phổ quát.”⁸⁵ Trước hết, nguyên tắc này nhắc nhở chúng ta rằng những của cải của trái đất — đất, nước, không khí và tài nguyên thiên nhiên — được Thiên Chúa ban cho toàn thể gia đình nhân loại để nâng đỡ sự sống của mọi người, và mỗi người đều có quyền tự nhiên được sử dụng các của cải ấy, cho hiện tại cũng như tương lai. Thánh Gioan Phaolô II nhắc lại rằng “Thiên Chúa đã ban trái đất cho toàn thể nhân loại để nuôi sống mọi thành viên của mình, không loại trừ hay ưu ái riêng ai.”⁸⁶ Do đó, “không phù hợp với kế hoạch của Thiên Chúa khi sử dụng quà tặng ấy theo cách mà lợi ích chỉ thuộc về một số ít người.”⁸⁷ Ngày nay, chúng ta được mời gọi nhận ra rằng mục tiêu phổ quát này không chỉ áp dụng cho các của cải vật chất mà còn cho cả những của cải phi vật chất và văn hóa.
66. Dĩ nhiên có quyền tư hữu, và quyền ấy có ý nghĩa cũng như mục đích riêng của nó. Tuy nhiên, quyền ấy luôn phải quy phục nguyên tắc mục tiêu phổ quát của của cải. Theo Thánh Gioan Phaolô II, sự lệ thuộc này là quy luật vàng của đời sống xã hội và là “nguyên tắc đầu tiên của toàn thể trật tự luân lý và xã hội.”⁸⁸ Trong truyền thống Hội Thánh, tài sản được coi như phương tiện để bảo vệ và quản lý các tài sản sao cho chúng phục vụ công ích một cách hữu hiệu hơn. Vì “truyền thống Kitô giáo chưa bao giờ nhìn nhận quyền tư hữu là quyền

⁸³ Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 16: AAS 112 (2020), 974.

⁸⁴ X. Thánh Gioan Phaolô II, *Diễn văn tại Khóa họp Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc lần thứ 50* (5 tháng 10, 1995), 8: Insegnamenti di Giovanni Paolo II, vol. XVIII/2, 735.

⁸⁵ Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Hội Thánh Công giáo*, 171.

⁸⁶ Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 tháng 5, 1991), 31: AAS 83 (1991), 831.

⁸⁷ Thánh Gioan Phaolô II, *Bài giảng trong Thánh lễ dành cho các nông dân tại Recife* (7 tháng 7, 1980), 4: AAS 72 (1980), 926.

⁸⁸ Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens* (14 tháng 9, 1981), 19: AAS 73 (1981), 626.

tuyệt đối hay bất khả xâm phạm”⁸⁹ cho nên chức năng xã hội của tài sản không thể bị coi chỉ như một ý kiến thần học, nhưng là giáo huấn của Hội Thánh đã hiện diện ngay trong Thánh Kinh và các tác phẩm của các Giáo phụ. Vì thế, Đức Phanxicô nhắc nhở chúng ta rằng tình liên đới, khi được sống cách trọn vẹn, cũng có nghĩa là “trả lại cho người nghèo những gì vốn thuộc về họ”.⁹⁰

67. Ngày nay, trong số những của cải được Thiên Chúa có ý dành cho mọi người, chúng ta cũng phải kể đến những hình thức sở hữu mới như bằng sáng chế, thuật toán, các nền tảng kỹ thuật số, hạ tầng công nghệ và dữ liệu. Trong bối cảnh mà sự giàu mạnh của các quốc gia càng ngày càng phụ thuộc vào tri thức và công nghệ, nếu những của cải ấy chỉ tập trung vào tay một số ít người mà không có những hình thức chia sẻ và tiếp cận thích hợp, thì sẽ hình thành một sự mất quân bình mới đi ngược lại nguyên tắc mục tiêu phổ quát của của cải. Điều này làm gia tăng khoảng cách giữa người được tham gia và người bị loại trừ, giữa những ai có thể tham dự vào cuộc cách mạng kỹ thuật số và những ai bị đẩy ra bên lề. Hơn nữa, việc chăm sóc ngôi nhà chung và trách nhiệm đối với người nghèo, cũng như các thế hệ tương lai, đòi buộc chúng ta phải điều tiết việc sử dụng các của cải của công trình tạo dựng, cũng như những khả năng mới do công nghệ đem lại, sao cho tôn trọng môi trường, tránh lãng phí và ngăn chặn những hình thức khai thác mới.

Nguyên tắc hỗ trợ

68. Nguyên tắc hỗ trợ phát sinh từ chính cách hiểu về con người đã hướng dẫn suy tư của chúng ta về phẩm giá và công ích. Nếu mọi người nam nữ đều được mời gọi làm chủ cuộc đời mình và góp phần xây dựng xã hội, thì các cơ chế xã hội cũng phải tôn trọng và nâng đỡ trách nhiệm ấy. Học thuyết Xã hội của Hội Thánh gọi hỗ trợ là nguyên tắc theo đó vai trò của cá nhân, gia đình, cộng đồng địa phương và các tổ chức trung gian không thể bị thay thế bởi những cấp quyền lực cao hơn. Hơn nữa, các cơ chế ở cấp cao hơn phải nhìn nhận, bảo vệ và thúc đẩy tự do cũng như sự sáng tạo của các thực thể ở cấp thấp hơn, đồng thời phối hợp các đóng góp của họ để họ có thể cộng tác hữu hiệu cho công ích.⁹¹
69. Ngay từ thời Đức Lêô XIII và những khởi đầu của học thuyết xã hội hiện đại, Hội Thánh đã nhấn mạnh rằng cá nhân và gia đình không thể bị Nhà nước nuốt chửng, nhưng phải được tự do hành động trong mức độ có thể, miễn là không gây tổn hại đến công ích.⁹² Thánh Gioan Phaolô II tiếp nối và triển khai quan điểm này khi nhấn mạnh rằng cộng đồng chính trị hiện hữu để phục vụ xã hội dân sự và Chính quyền phải bảo vệ công ích, can thiệp khi cần thiết nhưng không được thường xuyên thay thế trách nhiệm của các tổ chức trung gian và các cơ cấu xã hội.⁹³ Nguyên tắc hỗ trợ không biện minh cho việc Chính quyền thoái thác trách

⁸⁹ Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24 tháng 5, 2015), 93: AAS 107 (2015), 884; X. Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 120: AAS 112 (2020), 1010.

⁹⁰ Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11, 2013), 189: AAS 105 (2013), 1099.

⁹¹ X. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Hội Thánh Công giáo*, 187.

⁹² X. Lêô XIII, Thông điệp *Rerum Novarum* (15 tháng 5, 1891), 26: ASS 23 (1890-1891), 656.

⁹³ X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 tháng 5, 1991), 11: AAS 83 (1991), 806-807.

nhiệm, nhưng hướng dẫn cách thức hành động của Chính quyền. Quả thật, sự can thiệp của công quyền là điều cần thiết chính để giúp mọi thành phần xã hội có thể chu toàn sứ mạng của mình mà không bị bóp nghẹt. Cộng đồng chính trị có trách nhiệm tạo ra những điều kiện giúp cá nhân, gia đình, các hiệp hội và các tổ chức trung gian hoàn thành vai trò của mình trong xã hội mà không bị thay thế hay giảm xuống thành những công cụ hỗ trợ đơn thuần.⁹⁴

70. Nguyên tắc này khuyến khích chúng ta vượt qua mọi hình thức quản lý đời sống xã hội theo kiểu gia trưởng hoặc chỉ dựa trên trợ cấp phúc lợi. Thay vào đó, cần cổ vũ một nền văn hóa trách nhiệm chung trong một Quốc gia biết trân trọng sáng kiến của công dân và trong một xã hội dân sự có khả năng tạo lập các mối dây liên kết cũng như huy động năng lực để phục vụ công ích. Theo nguyên tắc hỗ trợ, các quyết định phải được thực hiện ở cấp gần với người liên hệ nhất có thể, nhờ đó đời sống cộng đồng được củng cố và con người tránh bị áp đặt những quyết định đã được định đoạt sẵn. Bằng cách ấy, mọi người có thể tham gia vào tiến trình đưa ra quyết định. Khi gia đình, các hiệp hội, cộng đồng địa phương, tổ chức thiện nguyện và những thành phần thuộc “khu vực thứ ba” được nhìn nhận và nâng đỡ, đời sống xã hội sẽ trở nên gần gũi hơn với con người, các dịch vụ cũng đáp ứng tốt hơn những nhu cầu thực tế, và các giải pháp sẽ sáng tạo cũng như tôn trọng phẩm giá mỗi con người hơn.⁹⁵
71. Nguyên tắc hỗ trợ đặc biệt áp dụng trong bối cảnh của cuộc cách mạng kỹ thuật số. Ở đây, cấp quyền lực cao nhất không còn là Chính quyền, nhưng là các tác nhân kinh tế và công nghệ lớn đang nắm giữ quyền lực thực tế trên các điều kiện của đời sống hằng ngày. Đó là cấp độ của các công ty và nền tảng độc quyền về chuyên môn, dữ liệu và quyền ra quyết định. Họ xác định các điều kiện tiếp cận, các quy tắc hiển thị, các hình thức tương tác, và thậm chí cả những cơ hội kinh tế. Nguyên tắc hỗ trợ đòi hỏi rằng, các tiến trình ấy không được áp đặt từ trên xuống một cách mờ ám và đơn phương, nhưng phải được hướng về công ích bằng sự minh bạch, có trách nhiệm và những hình thức tham gia thực sự có ý nghĩa (bao gồm việc kiểm tra độc lập, minh bạch về thuật toán, quyền tiếp cận công bằng đối với dữ liệu và các cơ chế khiếu nại).⁹⁶
72. Trong bối cảnh này, các quốc gia và các tổ chức xuyên quốc gia được mời gọi thiết lập những quy tắc công bằng và những cơ chế bảo vệ hữu hiệu. Nhờ đó, các cộng đồng địa phương, các tổ chức trung gian, trường học, đại học, các cơ sở tôn giáo và các hiệp hội có tiếng nói và có thể góp phần phân định những lựa chọn ảnh hưởng đến đời sống hằng ngày của con người, chẳng hạn như việc làm, khả năng tiếp cận các dịch vụ, quản lý dữ liệu và môi trường kỹ thuật số. Đối với những quyết định liên quan đến các dòng chảy kinh tế và các nền tảng kỹ thuật số, cũng như việc quản trị dữ liệu và thuật toán, chúng ta không thể để cho chỉ một nhóm nhỏ tác nhân tự mình quyết định mọi sự. Trái lại, cần xây dựng những hình thức hợp

⁹⁴ X. *ibid.*

⁹⁵ X. *ibid.*, 48: AAS 83 (1991), 852-854.

⁹⁶ X. Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 169: AAS 112 (2020), 1028.

tác biết tôn trọng các cấp độ khác nhau của cộng đồng toàn cầu, và khiến mọi người cùng có trách nhiệm đối với công ích.⁹⁷

Nguyên tắc liên đới

73. Sau khi suy tư về công ích và nguyên tắc hỗ trợ, tôi muốn đề cập đến nguyên tắc liên đới. Nguyên tắc này phát sinh từ cái nhìn về con người được hình thành nhờ đức tin, nghĩa là mỗi con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa và thuộc về một mạng lưới các tương quan nối kết họ với tha nhân, với các dân tộc cụ thể và với công trình tạo dựng. Thánh Phaolô VI nhận định rằng những bồn phận của tình liên đới, công bằng và bác ái bắt nguồn từ các mối dây huynh đệ nhân loại và siêu nhiên liên kết các cá nhân cũng như các dân tộc.⁹⁸ Tình huynh đệ không chỉ là khát vọng của các tín hữu, nhưng còn là một thực tại xã hội và chính trị cần được thể hiện qua những chọn lựa và nỗ lực chung. Do đó, liên đới chính là việc nhìn nhận cách cụ thể rằng tương lai của mỗi người gắn liền với tương lai của tất cả; quả thật, “không ai được cứu một mình.”⁹⁹ Nhờ đó, mối liên hệ chặt chẽ giữa nguyên tắc hỗ trợ và liên đới trở nên rõ ràng. Khi nguyên tắc hỗ trợ không gắn liền với liên đới, nó sẽ trở thành sự bảo vệ đơn thuần cho các lợi ích riêng. Ngược lại, khi liên đới không được nâng đỡ bởi hỗ trợ, nó sẽ biến thành một hình thức phúc lợi không khuyến khích trách nhiệm.¹⁰⁰ Mối liên hệ này cũng liên quan đến trách nhiệm tham gia cách đích thực. Tình liên đới được thể hiện khi mỗi người, cả trên bình diện cá nhân lẫn tập thể, tham gia vào đời sống cộng đồng bằng cách duy trì thông tin, đối thoại với người khác, lên tiếng và góp phần vào các quyết định cũng như lựa chọn chung, đồng thời chấp nhận trách nhiệm thực sự để công ích được thực hiện nhờ sự tham gia chung.
74. Trong nhiều lãnh vực, chúng ta đang trải nghiệm một hình thức “liên đới trên thực tế”, bởi đời sống của chúng ta đan xen với nhau. Các mạng kỹ thuật số nối kết con người và cộng đồng trên toàn thế giới theo thời gian thực, còn nền kinh tế và truyền thông toàn cầu làm cho những biến cố xảy ra ở một nơi có ảnh hưởng sâu rộng đến nơi khác. Tuy nhiên, mạng lưới các tương quan ấy chỉ thực sự trở thành tình liên đới đúng nghĩa khi nó được biến thành một chọn lựa có ý thức. Đức tin mời gọi chúng ta nhìn thực tại ấy như một lời mời gọi. Chúng ta không chỉ là những người sống cạnh nhau, nhưng còn được trao phó cho nhau, để mỗi người có thể nhận lấy trách nhiệm, trong khả năng mình có thể, đối với cuộc sống và những thương tích của anh chị em mình. Tình liên đới phát sinh chính khi chúng ta quyết định không dừng đứng trước những gì xảy đến cho người lân cận của mình, nhưng biến các mối dây liên hệ không thể tránh được về kinh tế, văn hóa và công nghệ thành những con đường chia sẻ, cộng tác và chăm sóc lẫn nhau, bằng cách chấp nhận ý tưởng “suy nghĩ và hành động theo tinh thần cộng đồng.”¹⁰¹

⁹⁷ X. *ibid.*, 168: AAS 112 (2020), 1027-1028.

⁹⁸ X. Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26 tháng 3, 1967), 17: AAS 59 (1967), 265-266.

⁹⁹ Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 32 and 54: AAS 112 (2020), 980 và 988.

¹⁰⁰ X. Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6, 2009), 58: AAS 101 (2009), 693-694.

¹⁰¹ Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 116: AAS 112 (2020), 1009.

75. Học thuyết xã hội của Hội Thánh nhấn mạnh rằng tình liên đới vừa là một nguyên tắc vừa là một nhân đức. Như là một nguyên tắc, nó diễn tả trật tự khách quan của các tương quan giữa cá nhân, các nhóm và các dân tộc, đồng thời hướng về một ý thức về sự phụ thuộc lẫn nhau, theo đó, thiện ích của mỗi người tùy thuộc vào thiện ích của người khác. Như là một nhân đức, nó đòi hỏi một “quyết tâm mạnh mẽ và bền bỉ”¹⁰² nhằm theo đuổi công ích, đặc biệt quan tâm đến những người túng thiếu nhất. Đức Phanxicô nhận định rằng tình liên đới là “một cách làm nên lịch sử”¹⁰³, tạo nên các cộng đồng chứ không chỉ những đám đông gồm các cá nhân. Vì thế, tình liên đới đòi hỏi một lối sống giản dị và biết chia sẻ, khả năng chấp nhận từ bỏ một số lợi ích trước mắt để tạo thêm cơ hội cho người khác trong tương lai, cũng như sự sẵn sàng xét lại những thói quen và đặc quyền của mình — kể cả những điều liên quan đến việc tiêu dùng kỹ thuật số và sử dụng công nghệ — khi chúng cản trở người khác được sống xứng hợp với phẩm giá con người.
76. Trong một thế giới được đánh dấu bởi những mối dây liên kết ngày càng chặt chẽ giữa những con người, các cộng đồng và các quốc gia, tình liên đới cũng có chiều kích toàn cầu. Đức Bênêđictô XVI đã cương quyết nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa sự phát triển, công bằng và trách nhiệm đối với các thế hệ tương lai, khi khẳng định rằng sự phát triển đích thực đòi hỏi tình liên đới và công bằng liên thế hệ,¹⁰⁴ cũng như ý thức về các mối dây liên kết chúng ta với môi trường tự nhiên. Ngày nay, trách nhiệm ấy còn mở rộng đến cả cơ sở hạ tầng kỹ thuật số và thông tin. Cũng như môi trường tự nhiên, “hệ sinh thái kỹ thuật số” có thể được bảo tồn hoặc bị khai thác, được chia sẻ hoặc bị chiếm độc quyền. Tình liên đới đòi hỏi rằng những quyết định liên quan đến các dữ liệu, thuật toán, các nền tảng và trí tuệ nhân tạo phải lưu tâm không chỉ đến lợi ích tức thời của một số ít người, nhưng còn đến tác động đối với mọi dân tộc và các thế hệ tương lai.

Nguyên tắc công bằng xã hội

77. Đối với cộng đồng Kitô hữu, công bằng xã hội là một cách cụ thể để bước theo Chúa Giêsu và trung thành với Tin Mừng. Trong Tân Ước, Chúa Giêsu loan báo “Tin Mừng cho người nghèo” (Lc 4,18) và đồng hóa mình với những người bé nhỏ, đau yếu, tù đày và khách lạ. Qua đó, Người dạy chúng ta rằng công bằng phát sinh và đạt tới sự viên mãn trong tình huynh đệ, bởi cách chúng ta đến gần và đối xử với những người bé mọn nhất chính là thước đo cụ thể cho mối tương quan của chúng ta với Thiên Chúa và với anh chị em mình. Tuy nhiên, công bằng không chỉ liên quan đến hành vi của từng cá nhân, nhưng còn liên quan đến cách thức các cơ cấu xã hội được hình thành và tổ chức. Về điểm này, [Công đồng Vaticanô II](#) nhắc nhở rằng mọi thể chế đều được mời gọi phục vụ con người và phẩm giá của họ.¹⁰⁵ Do đó, công bằng xã hội được biểu lộ qua khả năng của một trật tự xã hội, kinh tế và

¹⁰² Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30 tháng 12, 1987), 38: AAS 80 (1988), 564.

¹⁰³ Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 116: AAS 112 (2020), 1009.

¹⁰⁴ X. Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6, 2009), 48: AAS 101 (2009), 685

¹⁰⁵ X. Công đồng Chung Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 25: AAS 58 (1966), 1045-1046.

chính trị trong việc giúp mọi người — đặc biệt là những người yếu thế nhất — có thể sống một đời sống thực sự xứng đáng mà không ai bị bỏ lại phía sau.

78. Huấn quyền gần đây nhấn mạnh rằng công bằng xã hội bắt đầu từ những người bé mọn nhất giữa chúng ta. Thánh Gioan Phaolô II đã nói đến sự ưu tiên dành cho người nghèo¹⁰⁶, điều phải hướng dẫn cả những lựa chọn cá nhân lẫn xã hội. Trong khi đó, Đức Phanxicô lên án “nền văn hóa loại bỏ”¹⁰⁷, vốn không ngừng tạo ra những hình thức loại trừ mới. Từ viễn tượng ấy, công bằng xã hội đòi buộc chúng ta phải nhìn đến các cá nhân và cộng đồng, bắt đầu từ những người dễ bị tổn thương nhất: người nghèo, người di dân, người tị nạn, những người phải di dời trong nội địa, các nạn nhân của bạo lực và những người sống ở các vùng ngoại biên của xã hội hay của đời sống hiện sinh.
79. Khái niệm “công bằng xã hội” giúp chúng ta nhận ra rằng bất công không chỉ phát sinh từ những lựa chọn sai trái của cá nhân, mà còn từ những cơ cấu, cơ chế và hệ thống kinh tế cùng văn hóa, vốn gần như tự động tạo ra bất bình đẳng. Theo chiều hướng ấy, Thánh Gioan Phaolô II đã nói đến những cơ cấu tội lỗi¹⁰⁸ chống lại Thánh ý Thiên Chúa và đòi hỏi một sự hoán cải cả trên bình diện cá nhân lẫn xã hội. Trong viễn tượng này, công bằng không chỉ là việc phân phối tài nguyên cách công bằng hơn, hay sửa chữa những bất công hiện tại, nhưng còn có chiều kích chữa lành và phục hồi. Công bằng nhằm hàn gắn những mối dây đã bị đổ vỡ và tái hội nhập những người đang bị loại trừ, đồng thời lưu tâm đến các thương tích do bất công gây ra, chẳng hạn như chiến tranh, chủ nghĩa thực dân, kỳ thị chủng tộc hay giới tính, bạo lực chống lại các dân tộc và sự bóc lột. Điều này có thể bao gồm việc phục hồi phẩm giá và tiếng nói cho những người từng bị lãng quên, thúc đẩy tiến trình chữa lành ký ức tập thể, chống lại các luật lệ và thực hành có tính kỳ thị, cũng như trợ giúp cụ thể cho những ai còn đang gánh chịu hậu quả của các sai trái trong quá khứ.
80. Trong thời đại hôm nay, công bằng xã hội cũng phải đối diện với môi trường được hình thành bởi các công nghệ kỹ thuật số. Sự lan rộng của các mạng toàn cầu, các nền tảng và các hệ thống trí tuệ nhân tạo đang thay đổi cách chúng ta tiếp cận thông tin, giao tiếp và sử dụng các dịch vụ. Công bằng đòi hỏi chúng ta phải ngăn chặn sự xuất hiện của những hình thức loại trừ và tước đoạt tự do mới. Đó là trường hợp của những cá nhân và dân tộc bị cản trở hoặc bị từ chối tiếp cận các công nghệ căn bản; những cộng đồng bị đặt dưới sự giám sát xâm phạm đời tư; hay những nhóm xã hội bị thiệt thòi bởi các thuật toán thiếu minh bạch vốn duy trì thành kiến và sự phân biệt đối xử. Trong thời đại kỹ thuật số, một trật tự xã hội công bằng phải bảo đảm cho mọi người khả năng tiếp cận các cơ hội cách bình đẳng, bảo vệ những thành phần trẻ tuổi và yếu thế nhất trong xã hội, chống lại sự thù ghét và thông tin sai lệch, đồng thời đặt việc sử dụng các dữ liệu và công nghệ dưới sự giám sát của công chúng,

¹⁰⁶ X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30 tháng 12, 1987), 42: AAS 80 (1988), 572-574.

¹⁰⁷ Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11, 2013), 53: AAS 105 (2013), 1042.

¹⁰⁸ X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Sollicitudo Rei Socialis* (30 tháng 12, 1987), 36-37: AAS 80 (1988), 561-564.

để nguyên tắc hướng dẫn không chỉ là lợi nhuận, mà còn là phẩm giá của mỗi con người và công ích của mọi người.

81. Một phép thử cho công bằng xã hội ngày nay chính là cách đối xử với người di dân, người tị nạn và những ai buộc phải rời bỏ quê hương vì nghèo đói, bạo lực, biến đổi khí hậu hay các thảm họa môi trường. Cách mà một xã hội đối xử với họ cho thấy liệu ý thức công bằng của xã hội ấy được thúc đẩy bởi sợ hãi hay bởi tinh thần huynh đệ. Đức Phanxicô mời gọi chúng ta nhìn người di dân không chỉ như một vấn đề cần quản lý, nhưng như hình ảnh sống động của Dân Thiên Chúa đang trên cuộc hành trình.¹⁰⁹ Họ là những con người có phẩm giá, có khả năng và có những ước mơ, những người có quyền được đối xử với sự tôn trọng, và có quyền mong muốn trở thành những thành viên tích cực trong xã hội đón nhận họ. Trong lãnh vực này, công bằng xã hội đòi hỏi ít nhất hai cam kết bổ túc cho nhau. Một đảng, cần bảo vệ những hy vọng chính đáng của những người buộc phải ra đi bằng cách bảo đảm các lộ trình an toàn và hợp pháp, những điều kiện tiếp nhận xứng đáng và những con đường hội nhập thực sự. Đảng khác, cần cố võ quyền được ở lại quê hương trong hòa bình và an ninh, bằng cách giải quyết những nguyên nhân gốc rễ khiến con người phải di cư, bao gồm cả những nguyên nhân liên quan đến bất công kinh tế và khủng hoảng khí hậu. Khi các quyền ấy được tôn trọng, việc di cư có thể trở thành cơ hội gặp gỡ và phong phú hoá lẫn nhau giữa các dân tộc.

Phát triển con người toàn diện

82. Trong Thông điệp *Populorum Progressio*, Đức Phaolô VI khẳng định rằng sự phát triển chỉ thật sự chân chính khi có tính “toàn diện”, nghĩa là “thúc đẩy sự phát triển của mỗi người và của toàn thể con người.”¹¹⁰ Trong những thập niên tiếp theo, Học thuyết Xã hội của Hội Thánh đã tiếp tục đào sâu và suy tư về cách diễn tả này nhằm chỉ ra những cách thức cụ thể để thực hiện các nguyên tắc cao quý như phẩm giá, công ích, mục tiêu phổ quát của của cải, hỗ trợ, liên đới và công bằng xã hội trong đời sống thực tế. “Phát triển con người toàn diện” có nghĩa là một tiến trình trong đó sự phát triển của cá nhân và các dân tộc bao trùm mọi chiều kích của đời sống và mở ra tương lai cho các thế hệ mai sau.
83. Đối với các cá nhân cũng như các dân tộc, sự phát triển vừa là một quyền vừa là một bổn phận. Cần phải có những điều kiện tối thiểu để mỗi người và mỗi dân tộc có thể phát triển phù hợp với phẩm giá của mình mà không bị giữ trong tình trạng lệ thuộc hay bị loại khỏi khả năng tiếp cận các nhu cầu cần thiết. Sự phát triển chỉ thật sự có tính nhân bản khi đặt con người ở trung tâm thay vì tích lũy của cải, và khi quan tâm đến các dân tộc cũng như từng cá nhân. Công bằng đòi hỏi phải nhìn nhận quyền của xã hội và quyền của các dân tộc, đồng thời bao hàm trách nhiệm đối với các thế hệ tương lai. Sự phát triển sẽ không thật sự nhân bản nếu nó làm gia tăng khả năng tiêu dùng cho một số người trong khi chuyển gánh

¹⁰⁹ X. Phanxicô, *Sứ điệp nhân Ngày Thế giới Di dân và Người Tị nạn lần thứ 110* (29 tháng 9, 2024): AAS 116 (2024), 735.

¹¹⁰ Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26 tháng 3, 1967), 14: AAS 59 (1967), 264.

nặng và hậu quả sang cho những người khác, hoặc đẩy cả những vùng lãnh thổ vào vai trò lệ thuộc, khiến họ không thể phát huy trọn vẹn tiềm năng của mình.¹¹¹ Phát triển có tính toàn diện khi không chỉ giới hạn trong lãnh vực kinh tế, nhưng còn thúc đẩy chất lượng cuộc sống trong các chiều kích tinh thần, văn hóa, luân lý và tương quan, đồng thời tôn trọng ngôi nhà chung, sự đa dạng của các dân tộc và lối sống của họ.¹¹²

84. Ngày nay, khái niệm phát triển toàn thể con người là một tiêu chuẩn để đánh giá nền sinh thái học toàn diện, vốn đã trở thành một chiều kích không thể thiếu được của Học thuyết Xã hội của Hội Thánh. Quả thật, phẩm chất của sự phát triển được đo lường bởi khả năng kết hợp công bằng đối với con người và việc chăm sóc ngôi nhà chung, cũng như khả năng thúc đẩy những điều kiện sống xứng đáng, quyền tiếp cận các nhu cầu thiết yếu, những tương quan xã hội công bằng, việc chăm sóc công trình tạo dựng và sự quan tâm đến các thế hệ tương lai. Từ đó suy ra rằng sự tiến bộ đích thực không phải là điều làm gia tăng phúc lợi cho một số người bằng cách hủy hoại các hệ sinh thái, chuyển gánh nặng sang các cộng đồng nghèo nhất hoặc làm tổn hại đến điều kiện sống của những người sẽ đến sau chúng ta.
85. Khi nhìn dưới ánh sáng ấy, sự phát triển con người toàn diện chính là khuôn khổ giúp chúng ta giải thích những biến đổi của thời đại, bao gồm cả những thay đổi do cuộc cách mạng kỹ thuật số mang lại. Những đổi mới công nghệ, kể cả trí tuệ nhân tạo, không hề trung lập, vì chúng có thể nuôi dưỡng sự tham gia và công bằng, hoặc làm gia tăng sự bất bình đẳng, kiểm soát và loại trừ. Vì thế, chúng phải được đánh giá bằng một câu hỏi nền tảng: Liệu chúng có thực sự giúp các cá nhân và các dân tộc trở nên nhân bản và huynh đệ hơn, đồng thời tôn trọng ngôi nhà chung và các thế hệ tương lai hay không? Chính ở đây mà các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội trở thành những tiêu chuẩn cụ thể để phân định các vấn đề sẽ được đề cập trong các chương tiếp theo.

Một xét mình dành cho Hội Thánh

86. Kết cục, tôi muốn đề cập đến một điểm đặc biệt gần gũi với tâm hồn tôi. Học thuyết Xã hội không chỉ là một sứ điệp gửi đến xã hội, nhưng còn là một cuộc xét mình dành cho chính Hội Thánh — một ngôi nhà và trường học của sự hiệp thông, vốn luôn được mời gọi bảo đảm rằng các nguyên tắc được trình bày trong chương này được áp dụng, đặc biệt ngay trong chính các cơ cấu của mình. Trong bối cảnh Hội Thánh, công ích được thể hiện qua tính hiệp hành trong sứ vụ phục vụ Nước Thiên Chúa. Quả thật, Hội Thánh là “chủ thể có tính cộng đoàn và lịch sử của sự hiệp hành và sứ vụ”¹¹³. Điều này đòi hỏi phải lưu tâm đến cách thức các quyết định được đưa ra và trách nhiệm được thi hành. [Văn kiện Chung kết của Thượng](#)

¹¹¹ X. *ibid.*, 17: AAS 59 (1967), 265-266; Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 125-127: AAS 112 (2020), 1012-1013.

¹¹² X. Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26 tháng 3, 1967), 14: AAS 59 (1967), 264; Bê-nê-đi-cô XVI, *Diễn văn trước Ngoại giao Đoàn cạnh Tòa Thánh* (8 tháng 1, 2007): AAS 99 (2007), 73; Phanxicô, *Diễn văn với các tham dự viên Khóa họp Toàn cầu lần thứ III của Diễn đàn Các Dân tộc Bản địa thuộc Quỹ Quốc tế về Phát triển Nông nghiệp* (15 tháng 2, 2017): AAS 109 (2017), 244-245.

¹¹³ *Văn kiện Chung kết của Khóa họp thứ hai Đại hội Thường lệ lần thứ XVI của Thượng Hội đồng Giám mục* (26 tháng 10, 2024), 17.

Hội đồng xác định rằng một nền văn hóa minh bạch, có trách nhiệm giải trình và lượng giá là những thực hành then chốt cho sự biến đổi truyền giáo.¹¹⁴

87. Với tinh thần này, nguyên tắc hỗ trợ trở thành nguyên tắc hướng dẫn cho việc quản trị và đời sống mục vụ. Điều ấy đòi phải nhìn nhận và nâng đỡ các tín hữu cũng như các tổ chức trung gian trong Hội Thánh, khi họ thi hành trách nhiệm của mình, đồng thời trân trọng các đặc sủng và khả năng, tránh mọi hình thức gia trưởng, vốn làm cho sự tự do theo Tin Mừng bị ngột ngạt. Trên bình diện cụ thể, sự tham gia của các tín hữu đã lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy vào các tiến trình quyết định và trách nhiệm chung trong sứ vụ phải được thực hiện qua những cơ chế tham gia thực sự, chứ không chỉ có tính hình thức hay danh nghĩa.¹¹⁵
88. Đối với cộng đồng Kitô hữu, tình liên đới tìm thấy nguồn mạch nơi mầu nhiệm Đức Kitô và được nuôi dưỡng bởi bí tích Thánh Thể. Tình liên đới phát sinh từ sự hiệp thông trong đức tin và các bí tích: bí tích Thánh Tẩy và Thêm Sức kết hợp chúng ta trong Đức Kitô để chúng ta trở nên một Thân Thể và một Thần Khí, một lòng một ý (x. *Ep* 4,4; *Cv* 4,32). Bí tích Thánh Thể, là bí tích hiệp nhất, nuôi dưỡng sự thuộc về Thân Thể Đức Kitô và dạy chúng ta biết chia sẻ. Những khác biệt về cảm thức hiện diện trong Hội Thánh và những xác tín mạnh mẽ thúc đẩy mỗi người là nguồn phong phú quý giá nếu chúng vẫn được neo giữ trong xác tín rằng sự hiệp nhất vừa là hồng ân được lãnh nhận vừa là trách nhiệm phải hoàn thành.
89. Sống công bằng trong Hội Thánh nghĩa là thanh luyện các mối tương quan và cơ cấu Hội Thánh khỏi những lệch lạc gây nên sự bất bình đẳng, thiếu minh bạch và lạm dụng quyền bính. Trong chiều hướng ấy, việc lắng nghe các nạn nhân của những lạm dụng thiêng liêng, kinh tế, cơ chế, tính dục, quyền lực và lương tâm là một phần không thể tách rời được của hành trình công lý; hành trình ấy bao gồm việc nhìn nhận những tổn hại đã gây ra, bồi thường công bằng, và thực hiện những bước cần thiết để ngăn ngừa tái diễn. Mọi quyền bính đều phục vụ sự hiệp thông và sứ vụ. Mọi thẩm quyền đều nhằm phục vụ Dân Chúa. Sứ vụ phục vụ ấy được diễn tả không chỉ qua đức tin được cử hành và sống trong các bí tích, cũng như qua việc thực hành phong cách hiệp hành, nhưng còn qua việc chia sẻ cách thể các của cải. Noi gương Hội Thánh thời sơ khai, các tài nguyên của Hội Thánh cần được chia sẻ, để không ai trong chúng ta phải thiếu thốn (x. *Cv* 4,34)), và để việc quản lý các tài nguyên ấy phục vụ sứ vụ loan báo Tin Mừng cho những người nghèo nhất. Cần khuyến khích việc thường xuyên lượng giá cách thức thi hành các trách vụ thừa tác, không phải như những phán xét trên cá nhân, nhưng như những phương thế học hỏi và sửa đổi hướng tới sứ vụ.¹¹⁶ Chỉ trong mức độ chúng ta mở lòng ra cho hoạt động của Chúa Thánh Thần, các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội mới thực sự nhập thể vào đời sống Hội Thánh. Nhờ đó, Hội Thánh có thể làm chứng cách đáng tin cho xã hội rằng, việc cùng nhau tìm kiếm công ích trong tinh thần trách nhiệm

¹¹⁴ X. *ibid.*, 11.

¹¹⁵ X. *ibid.*, 103-108.

¹¹⁶ X. *ibid.*, 100-101.

chung và tình huynh đệ không phải là một điều không tưởng, nhưng là một điều thực sự khả thi.¹¹⁷

CHƯƠNG II

NỀN TẢNG VÀ NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA HỘI THÁNH

“ Chân lý không bao giờ thay đổi, nhưng cách diễn tả chân lý có thể và phải thay đổi theo thời đại. ”
– ĐỨC GIÁO HOÀNG LÊO XIV

Học thuyết Xã hội của Hội Thánh là một thực tại sống động, luôn đối thoại với lịch sử, các nền văn hóa và khoa học, nhưng gìn giữ một cốt lõi gồm những chân lý bất biến, để hướng dẫn đời sống cá nhân và xã hội hôm nay.

“ Tình yêu Thiên Chúa là nguồn gốc và linh hồn của mọi tiến trình xã hội đích thực. ”
– CARITAS IN VERITATE, 7

MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG II

- Giúp giáo dân và mọi người có thiên chí tái khám phá các nguyên tắc và thực thi trong đời sống hằng ngày.
- Khích lệ các học viện, đại học làm mới và áp dụng các nguyên tắc để đối diện với cuộc cách mạng kỹ thuật số.
- Nâng đỡ hành trình mục vụ của Hội Thánh và soi sáng lương tâm các tín hữu, để xây dựng xã hội công bằng và huynh đệ hơn.

NHỮNG NỀN TẢNG CỦA HỌC THUYẾT XÃ HỘI

- Thiên Chúa Ba Ngôi**
Là Tình Yêu trong mối tương quan và hiệp thông
- Đức Giêsu Kitô**
Tình yêu nhập thể, minh chứng cho con người và mở ra Nước Thiên Chúa
- Con người được tạo dựng** theo hình ảnh và giống Thiên Chúa
Được mời gọi hiệp thông với Thiên Chúa, với tha nhân và với công trình tạo dựng

PHẨM GIÁ BÌNH ĐẲNG CỦA MỌI CON NGƯỜI

Phẩm giá là hồng ân của Thiên Chúa, không tùy thuộc vào khả năng, của cải, địa vị hay những lựa chọn đúng sai.

NHỮNG NGUYÊN TẮC HƯỚNG DẪN

 CÔNG ÍCH Hướng tới lợi ích chung của mọi người và toàn xã hội.	 MỤC TIÊU PHỔ QUÁT CỦA CẢ Của cải thế giới được tạo ra cho tất cả mọi người.	 TÌNH BỔ TRỢ Tôn trọng vai trò của các cộng đoàn nhỏ hơn, hỗ trợ chứ không thay thế.	 TÌNH LIÊN ĐỐI Cùng nhau xây dựng một thế giới công bằng, huynh đệ và nhân ái.	 CÔNG BẰNG XÃ HỘI Đảm bảo quyền lợi và phẩm giá cho mọi người, đặc biệt là người yếu thế.
--	---	---	---	--

“ Con người là con đường của Hội Thánh. ”
– REDEMPTOR HOMINIS, 14

¹¹⁷ X. Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 94: AAS 112 (2020), 1001.

CHƯƠNG III

CÔNG NGHỆ VÀ SỰ THỐNG TRỊ. SỰ CAO CẢ CỦA NHÂN LOẠI DƯỚI ÁNH SÁNG NHỮNG LỜI HỨA CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO

90. Sau khi nhắc lại những nguyên tắc soi sáng Học thuyết Xã hội, giờ đây tôi muốn tập trung vào một số thách đố đang định hình sâu sắc cách chúng ta sống trong thời đại hôm nay. Hình ảnh Thánh Kinh đi kèm với những suy tư này là hình ảnh một công trình xây dựng. Một bên là Tháp Babel, nơi nỗ lực tập thể đi theo một kế hoạch thống trị và cuối cùng làm mất tính người (x. *St* 11,1-9). Bên kia là những đống nát của Giêrusalem, dưới sự hướng dẫn của Nêhêmia, được tái thiết từng phần như một công trình của trách nhiệm chung (x. *Nkm* 2–6). Chúng ta được mời gọi suy nghĩ về những “công trường xây dựng” lớn lao của thời đại mình và tự hỏi: Chúng ta đang xây dựng điều gì? Khi sự phát triển công nghệ đang nhanh chóng biến đổi ngôn ngữ, các mối tương quan, các định chế và các hình thức quyền lực, chúng ta là các tín hữu phải và có thể chọn lựa những công trình mà mình sẽ cộng tác cũng như cách thức cộng tác, để bảo vệ và trân quý sự cao cả của bản tính nhân loại đã được trao ban cho chúng ta như một hồng ân. Đây không chỉ là một chọn lựa cho tương lai mà còn cho hiện tại, bởi vì trí tuệ nhân tạo và các công nghệ mới nổi khác đã là một phần của đời sống hằng ngày của chúng ta.
91. Tôi xác tín rằng cách thức cụ thể để sống các tương quan xã hội dưới ánh sáng Tin Mừng không phải là điều được xác lập một lần là xong, nhưng luôn là một nhiệm vụ được trao phó từ thế hệ này sang thế hệ khác cho cộng đồng Kitô hữu. Dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, Hội Thánh để cho mình được soi sáng bởi lời Thiên Chúa, đọc các dấu chỉ thời đại và một cách sáng tạo tìm kiếm những con đường mới để các mối tương quan giữa các dân tộc và các quốc gia càng ngày càng phù hợp hơn với những đòi hỏi của Vương Quốc Thiên Chúa.¹¹⁸ Vì lý do đó, tôi khuyến khích mọi thành phần trong Hội Thánh đừng sợ hãi trước những thách đố hiện nay, nhưng hãy lắng nghe nhau và kiên quyết đón nhận trách nhiệm của mình trong việc xây dựng một xã hội nhân bản và huynh đệ hơn.

Mô thức kỹ trị và quyền lực kỹ thuật số

92. Trong Thông điệp *Laudato Si'*, Đức Thánh Cha Phanxicô đã lên án sự thống trị càng ngày càng gia tăng của mô thức kỹ trị¹¹⁹ trong thế giới toàn cầu hóa của chúng ta: đó là khuynh hướng để cho luận lý của hiệu quả, kiểm soát và lợi nhuận một mình định hình các quyết định cá nhân, xã hội và kinh tế. Điều này cho thấy rõ rằng công nghệ không chỉ đơn thuần là một công cụ. Khi nó trở thành tiêu chuẩn để phán đoán mọi sự, nó bắt đầu quyết định điều gì là quan trọng và điều gì có thể bị loại bỏ, biến công trình tạo dựng thành đối tượng để khai

¹¹⁸ X. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Hội Thánh Công giáo*, 53.

¹¹⁹ X. Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'*, (24 tháng 5, 2015), 106-109; AAS 107 (2015), 889-891.

thác và con người đơn thuần thành những mắt xích trong một hệ thống bị thúc đẩy hướng tới hiệu quả càng ngày càng cao hơn.

93. Mô thức này đã lan rộng nhanh chóng trong những năm gần đây, được thúc đẩy phần nào bởi sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, khoa học nhận thức, công nghệ nano, rô-bốt (hay người máy) và công nghệ sinh học. Tựu chung, những đổi mới này có thể phục vụ rất nhiều cho sự phát triển toàn diện con người và việc chăm sóc ngôi nhà chung của chúng ta. Tuy nhiên, chính vì sức mạnh của chúng mà chúng cũng có thể đẩy nhanh sự mở rộng của mô thức kỹ trị, và vì thế đòi hỏi một khuôn khổ mới về tâm linh, luân lý và chính trị. Quyền lực lớn hơn không nhất thiết đồng nghĩa với điều tốt đẹp hơn. Về điểm này, những lời của Romano Guardini vẫn còn nguyên giá trị: “Con người đương đại chưa được đào luyện để sử dụng quyền lực một cách đúng đắn.”¹²⁰
94. Nguy cơ nhân loại trở thành nạn nhân của chính những thành tựu của mình đã được Thánh Phaolô VI nhận thấy rất rõ ràng khi ngài cảnh báo rằng: “Những tiến bộ khoa học phi thường nhất, những thành tựu kỹ thuật đáng kinh ngạc nhất, và sự tăng trưởng kinh tế ấn tượng nhất, nếu không đi kèm với những tiến bộ luân lý và xã hội đích thực, thì về lâu về dài sẽ chống lại chính con người.”¹²¹ Vì thế, tiến bộ công nghệ — vốn tự nó là điều có giá trị — đòi hỏi phải phân định cẩn trọng về cái nhìn nhân học, là cái nhìn hướng dẫn nó cũng như các mục tiêu mà nó theo đuổi. Nếu sự phát triển công nghệ tiến lên mà không có sự tiến bộ tương ứng về luân lý và xã hội, kết quả có thể là sự gia tăng phương tiện mà không có sự tăng trưởng về nhân tính: “có nhiều hơn” mà không “là hơn”. Trong một viễn cảnh như vậy, sẽ có nguy cơ là các cá nhân con người bị đánh giá chủ yếu dựa trên những thành quả mà họ tạo ra.¹²²
95. Ở đây, chúng ta phải nhìn nhận một khía cạnh then chốt khác mà tôi đã đề cập đến ở trên. Trong nhiều trường hợp của bối cảnh kỹ thuật số, việc kiểm soát các nền tảng, hạ tầng, các dữ liệu và năng lực tính toán không nằm trong tay các quốc gia mà nằm trong tay những tác nhân kinh tế và công nghệ lớn. Trên thực tế, các thực thể này đặt ra những điều kiện tiếp cận, quyết định các quy tắc quyết định nội dung nào được hiển thị và định hình chính những khả năng tham gia. Khi quyền lực như vậy tập trung vào tay một số ít người, nó có xu hướng trở nên thiếu minh bạch và tránh né sự giám sát công khai, làm gia tăng nguy cơ xuất hiện những hình thức phát triển lệch lạc dẫn đến các sự lệ thuộc, sự loại trừ, thao túng và bất bình đẳng mới.
96. Trước sự tập trung quyền lực trong thế giới kỹ thuật số này, các tiêu chuẩn để phán đoán và phân định trong hoàn cảnh mới là những nguyên tắc cao quý của Học thuyết Xã hội: phẩm giá bất khả chuyển nhượng của con người, công ích, mục tiêu phổ quát của của cải, tính hỗ trợ, tình liên đới và công bằng xã hội. Những nguyên tắc ấy đòi hỏi chúng ta phải đánh giá

¹²⁰ R. Guardini, *Das Ende der Neuzeit*, Würzburg 1951, 89.

¹²¹ Thánh Phaolô VI, *Diễn văn nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)* (16 tháng 11, 1970): AAS 62 (1970), 833.

¹²² X. Phanxicô, *Diễn văn gửi Hội đồng vì Chủ nghĩa Tư bản Bao trùm* (11 tháng 11, 2019): L'Osservatore Romano, 11-12 tháng 11, 2019, 8.

xem liệu quyền lực của các hạ tầng kỹ thuật số và các thuật toán có thực sự thúc đẩy sự tham gia và trách nhiệm, bảo vệ những người dễ bị tổn thương, bảo đảm cơ hội tiếp cận công bằng và luôn hướng đến lợi ích của mọi người hay không. Trên cơ sở đó, giờ đây chúng ta có thể xem xét kỹ hơn trí tuệ nhân tạo là gì, những khả năng mà nó mở ra và những nguy cơ mà nó kéo theo.

Trí tuệ nhân tạo

97. Ở đây, tôi không có ý định trình bày một khảo luận toàn diện về trí tuệ nhân tạo, cũng không muốn đưa ra một cái nhìn tổng quan về kho tàng tài liệu đồ sộ liên quan đến chủ đề này, vì đã có những đóng góp có thẩm quyền, kể cả trong bối cảnh Hội Thánh.¹²³ Tôi chỉ giới hạn trong việc nhắc lại một vài yếu tố thiết yếu cho sự phân định luân lý và xã hội nhằm bảo vệ vai trò ưu tiên của con người, để bảo đảm rằng chính trí tuệ con người, cùng với lương tâm và sự tự do của họ, luôn là yếu tố hướng dẫn các sáng kiến kỹ thuật và có trách nhiệm xác định việc sử dụng cũng như những giới hạn của chúng.
98. Điều thích hợp là, trước khi bàn đến vấn đề này, chúng ta cần lưu ý hai nhận định. Thứ nhất, bất kỳ phát biểu nào về AI cũng có nguy cơ nhanh chóng trở nên lỗi thời, vì tốc độ phát triển đáng kinh ngạc của các hệ thống này. Thứ hai, tất cả chúng ta, kể cả những người thiết kế chúng, chỉ có một sự hiểu biết giới hạn về cách thức hoạt động thực sự của chúng. Thật vậy, các hệ thống AI hiện nay được “nuôi dưỡng” nhiều hơn là được “xây dựng”, bởi các nhà phát triển không trực tiếp thiết kế mọi chi tiết, nhưng tạo nên một khuôn khổ trong đó trí tuệ ấy “lớn lên”. Kết quả là những khía cạnh khoa học nền tảng — chẳng hạn như các biểu hiện nội tại và các tiến trình tính toán của các hệ thống này — hiện nay vẫn còn chưa được biết rõ. Do đó xuất hiện một nhu cầu cấp bách về một cam kết kép: một mặt là đào sâu nghiên cứu khoa học; mặt khác là thực hành sự phân định luân lý và tâm linh.
99. Không thể đưa ra một định nghĩa duy nhất và toàn diện về AI. Tuy nhiên, điều có thể khẳng định là chúng ta phải tránh quan niệm sai lầm khi đồng hóa loại “trí tuệ” này với trí tuệ của con người. Các hệ thống này chỉ mô phỏng một số chức năng nhất định của trí tuệ con người. Khi làm như vậy, chúng thường vượt trội hơn con người về tốc độ và năng lực tính toán, mang lại những lợi ích cụ thể trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, sức mạnh ấy hoàn toàn gắn liền với việc xử lý dữ liệu. Những cái gọi là trí tuệ nhân tạo không trải qua kinh nghiệm sống, không có thân xác, không cảm nhận niềm vui hay đau khổ, không trưởng thành qua các tương quan và cũng không biết từ bên trong tình yêu, lao động, tình bạn hay trách nhiệm có ý nghĩa gì. Chúng cũng không có lương tâm luân lý, vì chúng không phán đoán điều thiện

¹²³ X. Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Văn hoá và Giáo dục, Ghi chú *Antiqua et Nova* (14 tháng 1, 2025): AAS 117 (2025), 159-210; Phanxicô, *Sứ điệp nhân Ngày Thế giới Hòa bình lần thứ 57* (8 tháng 12, 2023): AAS 116 (2024), 54-64; Phanxicô, *Sứ điệp nhân Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội lần thứ 58* (24 tháng 1, 2024): AAS 116 (2024), 261-266; Phanxicô, *Diễn văn tại Phiên họp G7 về Trí tuệ Nhân tạo: “Một công cụ vừa đầy hứa hẹn vừa đáng sợ”* (14 tháng 6, 2024): AAS 116 (2024), 866-875; Ủy ban Thần học Quốc tế, *Quo vadis, humanitas? Suy tư về nhân học Kitô giáo trước một số kịch bản liên quan đến tương lai của nhân loại*. (9 tháng 2, 2026); *Sứ điệp nhân Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội lần thứ 60* (24 tháng 1, 2026): L'Osservatore Romano, 24 tháng 1, 2026, 2-3.

và điều ác, không hiểu được ý nghĩa tối hậu của các hoàn cảnh, và cũng không chịu trách nhiệm về các hậu quả. Chúng có thể mô phỏng ngôn ngữ, hành vi và khả năng phân tích, thậm chí giả lập sự cảm thông và thấu hiểu, nhưng chúng không hiểu điều mình tạo ra, vì thiếu chiều kích tình cảm, tương quan và thiêng liêng, là những chiều kích mà nhờ đó con người lớn lên trong sự khôn ngoan. Ngay cả khi các công cụ này được mô tả là có khả năng “học hỏi”, cách thức học hỏi của chúng vẫn khác với con người. Đó không phải là kinh nghiệm của những người để cho cuộc sống nhào nặn mình, và trưởng thành theo thời gian, qua những chọn lựa, sai lầm, sự tha thứ và lòng trung tín. Trái lại, đó là một hình thức thích nghi có tính thống kê dựa trên dữ liệu và phản hồi, vốn có thể rất hiệu quả nhưng không hàm chứa sự lớn lên về nội tâm.

Một công cụ hữu ích đòi hỏi sự cảnh giác

100. Dưới ánh sáng của những điều vừa nói, chúng ta có thể hiểu rõ hơn tại sao AI có thể là một công cụ hữu ích và đồng thời cũng đòi hỏi một thái độ thận trọng và cảnh giác. Trong những năm gần đây, việc sử dụng AI trong đời sống cá nhân đã gia tăng đáng kể, kéo theo những suy tư ngày càng nhiều về cả những cơ hội mà nó mang lại lẫn những rủi ro gắn liền với sự lan rộng nhanh chóng của nó. Trong việc sử dụng cá nhân, có ba khía cạnh đặc biệt đáng được cân nhắc cẩn thận: sự dễ dàng đạt được kết quả, cảm giác khách quan và sự mô phỏng giao tiếp giữa con người. Tốc độ và sự đơn giản trong việc tiếp cận thông tin, các phân tích phức tạp, nội dung truyền thông và sự hỗ trợ thực tiễn chắc chắn làm cho cuộc sống dễ dàng hơn. Tuy nhiên, chúng cũng có thể khuyến khích sự lệ thuộc quá mức và xu hướng tìm kiếm những câu trả lời có sẵn, làm suy yếu khả năng sáng tạo và phán đoán cá nhân. Về khách quan bề ngoài của các câu trả lời và đề xuất mà những hệ thống này đưa ra có thể làm cho chúng ta quên rằng chúng phản ánh các giả định văn hóa của những người thiết kế và huấn luyện chúng, cùng với tất cả điểm mạnh và giới hạn của họ. Việc mô phỏng nhân tạo những hình thức giao tiếp tích cực của con người — những lời khuyên bảo, sự cảm thông, tình bạn và thậm chí tình yêu — có thể hấp dẫn và đôi khi thực sự hữu ích. Tuy nhiên, đối với những người sử dụng có ít khả năng phân định, điều đó cũng có thể gây hiểu lầm, tạo nên ảo tưởng về một mối tương quan với một chủ thể thực sự. Khi lời nói chỉ được mô phỏng, chúng không xây dựng các mối tương quan đích thực mà chỉ tạo ra vẻ bề ngoài của chúng. Việc mô phỏng nhân tạo sự chăm sóc hoặc hỗ trợ có thể trở nên đặc biệt nguy hiểm khi nó đi vào những hoàn cảnh thiếu vắng các mối tương quan thật sự và các mối dây liên kết tình cảm. Ở đây, nguy cơ không hẳn là một người tin rằng họ đang giao tiếp với một người khác, nhưng là họ có thể dần dần đánh mất chính khát vọng hình thành những kết nối nhân bản đích thực.
101. Mở rộng tầm nhìn sang việc sử dụng AI trong xã hội, chúng ta thấy rằng hiện nay AI đã được tích hợp vào các tiến trình ra quyết định trong nhiều lĩnh vực và ở nhiều cấp độ: trong truyền thông, quản lý và kiểm soát. Những lợi ích về hiệu quả và khả năng cải thiện một số dịch vụ là điều rõ ràng, nhưng việc nhanh chóng và thiếu phê phán khi áp dụng chúng làm cho chúng ta phải đối diện với nhiều nguy cơ, trong đó có khuynh hướng bỏ qua tác động đến môi trường. Các hệ thống AI hiện nay đòi hỏi một lượng năng lượng và nước khổng lồ, ảnh

hưởng đáng kể đến lượng khí thải carbon dioxide và tạo áp lực lớn lên các tài nguyên thiên nhiên. Khi độ phức tạp của chúng gia tăng, đặc biệt trong trường hợp các mô hình ngôn ngữ lớn (LLM), nhu cầu về năng lực tính toán và lưu trữ cũng tăng theo, đòi hỏi một mạng lưới rộng lớn gồm các máy móc, dây cáp, trung tâm dữ liệu và cơ sở hạ tầng tiêu tốn nhiều năng lượng. Vì thế, điều thiết yếu là phải phát triển những giải pháp công nghệ bền vững hơn nhằm giảm tác động trên môi trường và góp phần bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta.¹²⁴

Trách nhiệm, tính minh bạch và việc quản trị AI

102. Việc sử dụng AI không bao giờ chỉ thuần túy là một vấn đề kỹ thuật: khi nó tham gia vào những tiến trình ảnh hưởng đến đời sống con người, nó chạm đến các quyền lợi, cơ hội, địa vị và sự tự do. Những quyết định quan trọng và nhạy cảm — liên quan đến việc làm, tín dụng, khả năng tiếp cận các dịch vụ công hoặc thậm chí danh tiếng của một người — có nguy cơ bị trao phó hoàn toàn cho các hệ thống tự động vốn không biết đến “lòng trắc ẩn, lòng thương xót, sự tha thứ và trên hết là niềm hy vọng rằng con người có khả năng thay đổi”¹²⁵, và vì thế có thể tạo ra những hình thức loại trừ mới. Có những cách sử dụng rõ ràng là có hại, chẳng hạn như thao túng thông tin hoặc vi phạm quyền riêng tư. Tuy nhiên, còn có một nguy cơ tinh vi hơn: khi các hệ thống AI tự trình bày như trung lập và khách quan, nhưng lại phản ánh và củng cố những định kiến hoặc thiên kiến ý thức hệ của những người thiết kế và phát triển chúng.
103. Thật vậy, trên thực tế, trao cho một thuật toán quyền quyết định ai là người xứng đáng hay không xứng đáng, mà không một người nào phải chịu trách nhiệm về phán đoán đó, chính là trao phó cho nó nhiệm vụ tái định nghĩa những giới hạn của các khả năng nhân bản. Trong tiến trình ấy, không chỉ sự cảm thông đối với những người bị loại trừ bị đánh mất — điều mà suy cho cùng vẫn có thể được mô phỏng — mà cả trách nhiệm chính trị cũng bị đánh mất. Việc loại trừ những người dễ bị tổn thương được che giấu dưới vẻ trung lập và khách quan, đến mức rất khó để phản đối. Theo cách đó, bất công trở nên vô hình, còn lòng trắc ẩn, lòng thương xót và sự tha thứ — bị hiểu không phải như những biểu hiện bề ngoài nhưng như những hành động chính trị thực sự — dần dần biến mất khỏi tầm nhìn.
104. Từ đó phát sinh một hệ quả đơn giản nhưng đầy sức thuyết phục: chúng ta không thể xem AI là trung lập về mặt luân lý. Thực tế, mọi công cụ kỹ thuật đều hàm chứa những chọn lựa và ưu tiên qua những gì nó đo lường, bỏ qua và tối ưu hóa, cũng như qua cách nó phân loại con người và các hoàn cảnh. Nếu một hệ thống được thiết kế hoặc sử dụng theo cách xem một số mạng sống là kém giá trị hơn, hoặc loại trừ họ mà không có khả năng kháng nghị, thì đó không còn đơn thuần là một công cụ “được sử dụng tốt hay không”, bởi vì ngay từ đầu nó đã đưa vào những tiêu chuẩn trái ngược với phẩm giá bất khả nhượng của con người. Vì thế, sự phân định luân lý không thể chỉ dừng lại ở câu hỏi liệu chúng ta có đang sử dụng một

¹²⁴ X. Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Văn hoá và Giáo dục, *Ghi chú Antiqua et Nova* (14 tháng 1, 2025), 96: AAS 117 (2025), 201.

¹²⁵ Phanxicô, *Diễn văn gửi các tham dự viên Hội nghị “Đổi thoại Minerva”* do Bộ Văn hoá và Giáo dục phổ biến (27 tháng 3, 2023): AAS 115 (2023), 465.

hệ thống cho mục đích tốt hoặc xấu hay không; nó còn phải xem xét cách hệ thống ấy được thiết kế, và quan niệm nào về con người và xã hội đã được ghi khắc trong dữ liệu, cũng như các mô hình hướng dẫn nó.¹²⁶

105. Để AI tôn trọng phẩm giá con người và thực sự phục vụ công ích, trách nhiệm phải được xác định rõ ràng ở mọi giai đoạn: từ những người thiết kế và phát triển các hệ thống này cho đến những người sử dụng chúng và dựa vào chúng để đưa ra các quyết định cụ thể. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, các tiến trình nội tại dẫn đến một kết quả vẫn còn thiếu minh bạch, làm cho việc quy trách nhiệm và sửa chữa sai sót trở nên khó khăn hơn. Chính ở đây mà khả tính trở nên thiết yếu: khả năng xác định ai là người phải “chịu trách nhiệm” về các quyết định, biện minh cho chúng, giám sát chúng và, khi cần thiết, thách thức chúng cũng như khắc phục những thiệt hại đã gây ra.¹²⁷
106. Kêu gọi sự thận trọng, việc đánh giá nghiêm túc và thậm chí đôi khi là một nhịp độ chậm hơn trong việc áp dụng AI không có nghĩa là chống lại tiến bộ; ngược lại, đó là việc thực thi sự chăm sóc có trách nhiệm đối với gia đình nhân loại. Nhu cầu này càng cấp bách hơn trước sự mất cân đối thường xuyên giữa tốc độ tăng trưởng của công nghệ và sự phát triển chậm hơn của ý thức, các quy chuẩn, những biện pháp bảo vệ và các định chế có khả năng điều hành những tác động của nó. Chỉ kêu gọi đạo đức một cách trừu tượng là chưa đủ; cần có những khuôn khổ pháp lý vững chắc, sự giám sát độc lập, những người sử dụng được thông tin đầy đủ, và một hệ thống chính trị không thoái thác trách nhiệm của mình. Nếu không, sự thay đổi sẽ chỉ được điều khiển bởi tư duy kỹ trị và được trình bày như điều cần thiết và không thể tránh khỏi, cuối cùng áp đặt những quy tắc được định hình bởi những người kiểm soát dữ liệu, hạ tầng và năng lực tính toán.
107. Chúng ta không thể hài lòng chỉ với việc kêu gọi “đạo đức hóa” máy móc — điều được gọi là sự “điều chỉnh” AI theo các giá trị nhân bản — mà không có can đảm đòi hỏi thêm một điều kiện nữa: khả năng công khai thảo luận về các khuôn khổ luân lý liên quan, và đặt chúng dưới những tiêu chuẩn chung của công bằng xã hội. Nếu không, những người kiểm soát AI sẽ áp đặt chính quan điểm luân lý của họ, và quan điểm ấy sẽ trở nên hạ tầng cơ sở vô hình của các hệ thống này. Một AI đạo đức hơn vẫn chưa đủ nếu nền đạo đức ấy được quyết định bởi một số ít người. Điều cần thiết là sự tham gia chính trị tích cực hơn, có khả năng làm chậm lại khi mọi thứ đang tăng tốc, đồng thời bảo vệ những cơ hội để các cộng đồng vẫn có thể tham gia và đặt câu hỏi.
108. Thực vậy, cũng như mọi bước chuyển đổi công nghệ lớn khác, AI có xu hướng khuếch đại quyền lực của những người vốn đã sở hữu nguồn lực kinh tế, chuyên môn và khả năng tiếp cận dữ liệu. Dưới ánh sáng của công ích và mục tiêu phổ quát của của cải, điều này làm dấy lên những mối quan ngại nghiêm trọng, bởi vì những nhóm nhỏ nhưng có ảnh hưởng lớn có thể định hình thông tin và các mô thức tiêu dùng, tác động đến các tiến trình dân chủ và lèo

¹²⁶ X. Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Văn hoá và Giáo dục, *Ghi chú Antiqua et Nova* (14 tháng 1, 2025), 41: AAS 117 (2025), 178.

¹²⁷ X. *ibid.*, 44-45: AAS 117 (2025), 179-180.

lái các động lực kinh tế, nhằm phục vụ lợi ích riêng của mình, từ đó làm suy yếu công bằng xã hội và tình liên đới giữa các dân tộc. Vì thế, điều thiết yếu là việc sử dụng AI, đặc biệt khi liên quan đến các lợi ích công cộng và các quyền căn bản, phải được hướng dẫn bởi những tiêu chuẩn rõ ràng và sự giám sát hữu hiệu, đặt nền tảng trên sự tham gia và tính hỗ trợ. Không được biến các cộng đồng và các tổ chức trung gian thành những kẻ thụ động tiếp nhận các quyết định được đưa ra ở nơi khác; họ phải có khả năng đóng góp vào sự phân định và giám sát. Hơn nữa, quyền sở hữu dữ liệu không thể chỉ được trao hoàn toàn cho khu vực tư nhân, nhưng phải được quy định cách thích hợp. Dữ liệu là sản phẩm của rất nhiều người đóng góp và không thể bị coi như một món hàng để bán hoặc trao phó cho một nhóm nhỏ. Cần phải suy nghĩ cách sáng tạo để quản lý dữ liệu như một thiện ích chung hoặc thiện ích được chia sẻ, trong tinh thần tham gia, như Thánh Gioan Phaolô II đã từng gợi ý đối với các thiện ích tập thể.¹²⁸

109. Những nguyên tắc của Học thuyết Xã hội cung cấp một khuôn khổ để hiểu thực tại mới này. Trong một thế giới mà dữ liệu, tài nguyên tính toán và ảnh hưởng đối với các quy định vẫn nằm trong tay một số ít người, nói đến công ích có nghĩa là phải vạch trần hình thức bất cân xứng mới này về tri thức, kinh tế và chính trị này, đồng thời kể tên những độc quyền mới của AI. Nói đến mục tiêu phổ quát của của cải có nghĩa là tìm kiếm những phương thế bảo đảm khả năng tiếp cận phổ quát đối với cả công nghệ lẫn nền giáo dục cần thiết để sử dụng chúng. Nói đến tính hỗ trợ đòi hỏi phải bảo vệ khả năng của các cộng đồng trong việc đưa ra những chọn lựa và điều chỉnh, thay vì giới hạn vai trò của họ vào việc chỉ giám sát sau khi các tiêu chuẩn đã được thiết lập ở nơi khác. Nói đến tình liên đới buộc chúng ta phải nhận ra những người lao động âm thầm, thường bị khai thác, là những người duy trì các hệ thống thuật toán. Nói đến công bằng đòi hỏi phải chất vấn cách phân phối quyền lực trên bình diện toàn cầu, vốn quyết định ai thực sự có thể huấn luyện các mô hình này, và ai chỉ đơn thuần phải chịu sự chi phối của chúng. Cũng thế, điều đó cũng có nghĩa là nhìn nhận rằng công bằng xã hội không chỉ là một mục tiêu cần được bảo vệ sau khi công nghệ được triển khai, nhưng phải là một điều kiện định hình chính thiết kế của công nghệ ngay từ đầu.
110. Sau cùng, tôi muốn sử dụng một cách diễn đạt rất gần gũi với tâm hồn mình: “giải giới”. Giải giới AI có nghĩa là giải thoát nó khỏi não trạng cạnh tranh “vũ trang”, vốn ngày nay không chỉ giới hạn trong bối cảnh quân sự, mà còn là một hiện tượng kinh tế và nhận thức. Điều đó bao hàm một cuộc chạy đua nhằm tạo ra những thuật toán càng ngày càng mạnh hơn, và những tập dữ liệu càng ngày càng lớn hơn, bị thúc đẩy bởi khát vọng đạt được ưu thế địa chính trị hoặc thương mại. Giải giới có nghĩa là bác bỏ giả định cho rằng quyền lực của kỹ thuật tự động trao quyền cai trị. Giải giới không có nghĩa là khước từ công nghệ, nhưng là ngăn chặn không cho công nghệ thống trị nhân loại. Điều đó có nghĩa là giải phóng công nghệ khỏi sự kiểm soát độc quyền, và mở nó ra cho sự thảo luận và tranh luận, nhờ đó làm cho nó trở nên thân thiện hơn với con người và khôi phục mối dây liên hệ của nó với sự đa dạng của các nền văn hóa và các cách sống của nhân loại. Nhiệm vụ của chúng ta hôm

¹²⁸ X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 tháng 5, 1991), 40: AAS 83 (1991), 843.

nay không chỉ là những nhiệm vụ luân lý hay kỹ thuật. Đó là một nhiệm vụ có tính sinh thái theo nghĩa sâu xa nhất, bởi vì nó liên quan đến một chiều kích mới của ngôi nhà chung của chúng ta. AI đã là một môi trường mà trong đó chúng ta đang sống, đồng thời cũng là một sức mạnh mà chúng ta phải đối diện. Vì thế, chỉ điều chỉnh nó thì chưa đủ; nó phải được giải giới, trở nên thân thiện và dễ tiếp cận.

111. Tôi muốn đặc biệt gửi lời kêu gọi đến những người phát triển trí tuệ nhân tạo. Theo một nghĩa nào đó, sáng kiến về công nghệ có thể biểu hiện sự tham gia của con người vào hành động sáng tạo của Thiên Chúa. Vì vậy, các nhà phát triển có một trách nhiệm luân lý và thiêng liêng đặc biệt, bởi vì mỗi chọn lựa trong thiết kế đều phản ánh một quan niệm về con người. Cũng như người sáng tạo một tác phẩm nghệ thuật hoặc văn chương phải cân nhắc các giá trị mà tác phẩm ấy chuyển tải, các nhà phát triển cũng được mời gọi đưa các giá trị vào dự án của mình với tất cả sự nghiêm túc cần thiết: bằng sự minh bạch, bằng trách nhiệm đối với những cộng đồng chịu ảnh hưởng, và bằng sự quan tâm cẩn trọng, để bảo đảm rằng điều đang được vun trồng thực sự là một điều thiện.

Điều không được đánh mất

112. Sau khi đã xem xét các vấn đề về trách nhiệm và quản trị AI, giờ đây chúng ta phải trở lại với câu hỏi trọng tâm của mình: bảo vệ nhân tính của chúng ta có nghĩa là gì? Nguy cơ không chỉ dừng lại ở việc lạm dụng một số công nghệ nhất định. Nghiêm trọng hơn, mô thức kỹ trị bao trùm mà chúng ta đang sống trong đó, và đang được khuếch đại bởi cuộc cách mạng kỹ thuật số cùng AI, có nguy cơ bình thường hóa một cái nhìn phản nhân bản. Theo cái nhìn ấy, sự viên mãn của đời sống được đồng hóa với việc sở hữu nhiều hơn, giảm thiểu mọi yếu đuối, loại bỏ mọi bất định và đạt tới sự kiểm soát hoàn toàn. Khi hiệu quả trở thành thước đo tối hậu của giá trị, con người bị cảm dỗ nhìn chính mình như một dự án cần được tối ưu hóa, hơn là những nhân vị được mời gọi sống trong mối quan hệ và sự hiệp thông.
113. Trên thực tế, việc tuyệt đối hóa bất cứ chiều kích nào của đời sống con người luôn là một sai lầm. Thật vậy, sự mất trật tự không chỉ phát sinh từ sự thiếu thốn; ngay cả sự tăng trưởng không được kiểm soát cũng có thể dẫn đến nghèo nàn. Trong một hệ sinh thái, sự quân bình bị phá vỡ khi một loài phát triển với cái giá phải trả là các loài khác; trong đời sống con người cũng tương tự như vậy khi một năng lực nào đó tự nhận mình là thước đo của mọi sự. Vì thế, trí tuệ, khi bị tuyệt đối hóa, sẽ che khuất những chiều kích thiết yếu khác của cuộc sống như tình cảm, ý chí, sự dấn thân và các mối tương quan. Cũng vậy, quyền lực kỹ thuật, nếu không được cân bằng, sẽ không làm cho chúng ta có năng lực hơn; trái lại, nó khiến chúng ta bị cô lập hơn và dễ bị thống trị cũng như bị loại trừ hơn. Điểm then chốt này không đối nghịch với trí tuệ, nhưng là lời nhắc nhở rằng khi trí tuệ chỉ còn quy hướng về chính mình, nó sẽ đánh mất mục đích thực sự là phục vụ sự sống và con người.
114. Chất lượng của một nền văn minh không được đo bằng sức mạnh của các phương tiện mà nó sở hữu, nhưng bằng sự chăm sóc mà nó có thể trao ban, bằng khả năng nhận ra nơi người khác một khuôn mặt, chứ không chỉ một chức năng. Khả năng chăm sóc lẫn nhau là một

chiều kích nền tảng của nhân tính chúng ta, vốn được học hỏi và trưởng thành qua kinh nghiệm sống. Việc đọc truyện cho một đứa trẻ, ở bên cạnh một người cao tuổi, hay sắp xếp một ngôi nhà sao cho đón tiếp, là những cử chỉ đơn sơ, thường bén rễ trong đời sống gia đình. Chúng dạy chúng ta biết quý trọng sự chăm sóc ở cấp độ xã hội, và huấn luyện chúng ta nhận ra người khác như những con người đáng được quan tâm. Công nghệ cũng có thể trợ giúp sự chăm sóc hỗ tương này giữa con người, chẳng hạn như bằng cách cung cấp các công cụ giúp chúng ta dự liệu và tổ chức công việc, mà không làm suy yếu sự tự do và khả năng phán đoán của con người. Sau cùng, chính con người mới là chủ thể của các mối tương quan, và chịu trách nhiệm về những quyết định của mình.

Những câu chuyện nền tảng: chủ nghĩa siêu nhân bản và hậu nhân bản

115. Để làm sáng tỏ những giả định văn hóa đang đồng hành với cuộc cách mạng kỹ thuật số hiện nay, giờ đây tôi muốn hướng sự chú ý của chúng ta đến một số trào lưu tư tưởng giải thích tiến bộ như sự vượt qua thân phận con người, thường được quy tụ dưới các tên gọi chủ nghĩa siêu nhân bản (*transhumanism*) và chủ nghĩa hậu nhân bản (*posthumanism*). Những quan điểm này tạo thành bối cảnh ý thức hệ hiện diện trong một số trung tâm quyền lực công nghệ, và chiếm giữ trí tưởng tượng tập thể, dưới những hình thức đơn giản hóa, đặc biệt trên các phương tiện truyền thông và mạng xã hội. Chúng có khuynh hướng khơi dậy sự hứng khởi đối với các công nghệ mới qua hình ảnh tương lai về một “con người được tăng cường” hoặc một “thực thể lai giữa người và máy”.
116. Chủ nghĩa siêu nhân bản và hậu nhân bản bao gồm nhiều trào lưu và khuynh hướng khác nhau, làm cho việc định nghĩa chúng một cách duy nhất và rõ ràng trở nên khó khăn. Chúng có thể được ví như một quần đảo gồm những “hòn đảo” khái niệm riêng biệt, nhưng liên kết với nhau bởi cùng một “biển” các giả định, đó là vai trò trung tâm của công nghệ và khát vọng vượt qua những giới hạn của thân phận con người. Nói chung, chủ nghĩa siêu nhân bản hình dung việc nâng cao con người nhờ công nghệ — như y sinh học, kỹ thuật cơ thể, các thiết bị và thuật toán — nhằm gia tăng hiệu năng và năng lực. Chủ nghĩa hậu nhân bản, đặc biệt trong những hình thức cấp tiến hơn, còn đi xa hơn nữa: nó thách thức quan điểm lấy con người làm trung tâm, và hình dung sự hòa trộn giữa con người, máy móc và môi trường, thậm chí tiên liệu một ngưỡng cửa mà tại đó nhân loại vượt qua chính mình để bước vào một giai đoạn tiến hóa mới. Dù những ý tưởng này phần lớn vẫn còn tính giả thuyết, chúng vẫn có ảnh hưởng vì làm thay đổi trí tưởng tượng tập thể và từ đó tác động đến những chọn lựa xã hội, kinh tế và chính trị.¹²⁹
117. Từ quan điểm của Học thuyết Xã hội của Hội Thánh, vấn đề cốt lõi không phải từ việc sử dụng công nghệ, nhưng là quan niệm nằm đằng sau nó. Nếu con người bị xem như một thực tại cần được hoàn thiện hoặc vượt qua, thì người ta sẽ dễ dàng chấp nhận rằng có những mạng sống kém hữu ích hơn, kém đáng mong muốn hơn, hoặc kém giá trị hơn. Nhân danh

¹²⁹ X. Ủy ban Thần học Quốc tế, *Quo vadis, humanitas? Suy tư về nhân học Kitô giáo trước một số kịch bản liên quan đến tương lai của nhân loại*. (9 tháng 2, 2026), 63.

tiến bộ, những “hy sinh cần thiết” có thể bắt đầu được biện minh, đẩy gánh nặng lên những người dễ bị tổn thương nhất, nhằm theo đuổi một sự tối ưu hóa giả định của giống loài. Về điểm này, lời cảnh báo đã được nhắc đến của Thánh Phaolô VI vẫn mang tính tiên tri sâu sắc: những tiến bộ khoa học và công nghệ, khi tách rời khỏi tiến bộ luân lý và xã hội, cuối cùng sẽ chống lại nhân loại.¹³⁰ Vì thế, cần phải có một sự phân biệt rõ ràng. Một đàng là việc hội nhập công nghệ vào một viễn tượng lấy con người và các mối tương quan làm trung tâm; đàng khác là để cho mình bị dẫn dắt bởi một quan điểm coi nhẹ những giới hạn của con người và hứa hẹn một hình thức “cứu độ” thuần túy bằng kỹ thuật.

Giới hạn, trái tim và sự cao cả của con người

118. Dường như ngày nay tương quan của chúng ta với sự sống đang lâm vào khủng hoảng. Mọi điều được coi là một “giới hạn” — sự bất lực, bệnh tật, tuổi già, đau khổ, sự mong manh — có khuynh hướng bị coi trước hết như một khuyết điểm cần phải sửa chữa, thay vì như một thực tại qua đó nhân tính của chúng ta trưởng thành và mở ra với các mối tương quan. Thế nhưng chúng ta phải nhớ rằng nhân loại phát triển không phải bắt chấp những giới hạn, mà thường là nhờ chính những giới hạn ấy. Ánh sáng đức tin mang lại một cái nhìn về thực tại giúp chúng ta nhận ra điều mà chúng ta gọi là “tính hữu hạn” của các sự vật trong thế giới này. Dù việc cố gắng làm giảm bớt đau khổ của đời người là điều chính đáng, chúng ta cũng cần khôn ngoan nhìn nhận sự hữu hạn căn bản của mình, biết rằng “kinh nghiệm tôn giáo, đặc biệt là đức tin Kitô giáo, đề nghị chúng ta sống thực, chứ không đơn giản hóa, sự lưỡng diện giữa sự cao cả và giới hạn của con người, bằng cách giải thích nó dưới ánh sáng của tương quan nguyên thủy và nền tảng của chúng ta với Thiên Chúa”.¹³¹
119. Chính trong những giới hạn của mình mà chúng ta tìm thấy chỗ đứng cho lòng trắc ẩn, cũng như sự quan tâm chân thành đến nhu cầu của người khác; cho lòng quảng đại có thể xuất hiện ngay giữa bóng tối và thất bại; cho kinh nghiệm thiêng liêng và việc thờ phượng Thiên Chúa. Chúng ta thấy điều này trong nhiều khoảnh khắc khi những giới hạn của mình trở nên rõ ràng: khi đối diện với sự khước từ, khi chịu đựng bệnh tật hoặc mất mát một người thân yêu, khi gặp phải chính sự yếu đuối hay thất bại của mình. Một cách nhiệm mầu, chính trong những giây phút ấy mà chúng ta có thể khám phá một sự khôn ngoan mới, cảm nghiệm cách cụ thể sự gần gũi của người khác và gặp gỡ sự hiện diện của Chúa.
120. Ngay cả khi các giới hạn được cảm nhận như một đau khổ nội tâm, sự khôn ngoan nhân loại dạy chúng ta không phủ nhận hay đàn áp chúng, nhưng hội nhập chúng vào cuộc sống. Loại bỏ hoàn toàn đau khổ cuối cùng cũng có nghĩa là dập tắt tình yêu và khát vọng. Người yêu và người khao khát không thể tránh khỏi việc phải đi qua thử thách và đau khổ; và qua năm tháng, chúng ta mang trong mình những bài học để lại dấu ấn như những vết sẹo, những ký ức của một cuộc hành trình được hình thành bởi tự do và thất bại, những giấc mơ và những

¹³⁰ X. Thánh Phaolô VI, *Diễn văn nhân dịp kỷ niệm 25 năm thành lập Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)*. (16 tháng 11, 1970): AAS 62 (1970), 833.

¹³¹ Ủy ban Thần học Quốc tế, *Quo vadis, humanitas? Suy tư về nhân học Kitô giáo trước một số kịch bản liên quan đến tương lai của nhân loại*. (9 tháng 2, 2026), 3.

nỗi thất vọng. Chính nhờ sự tương tác của tất cả những yếu tố ấy mà những chuyển động kỳ diệu của tâm hồn diễn ra trong chúng ta, giúp chúng ta cảm nhận được sự phong phú của nhân tính mình.¹³² Từ bỏ cuộc phiêu lưu vừa bi thương vừa huy hoàng ấy, nhân danh một sự siêu việt giả định đối với mọi giới hạn có thể có nhiều ý nghĩa khác nhau, nhưng sẽ không còn là con người nữa.

121. Sự băng hoại luân lý của những giới hạn của chúng ta như những thụ tạo — tức là sự dữ đang khuấy động cách rõ ràng trong lòng con người — hủy hoại xã hội và đời sống, đôi khi đạt đến những hình thức vô nhân đạo cực độ. Tuy nhiên, ngay cả những biểu hiện đau thương ấy của các giới hạn con người vẫn để lại những khoảng mở ra cho điều thiện. Ngay cả khi con người tự đánh mất nhân tính của mình và gây nên thảm kịch, một ánh sáng nhỏ vẫn tiếp tục chiếu soi trong nhân loại, ánh sáng có thể được thấp lại, nhờ ân sủng Thiên Chúa, trên những con đường hoán cải và hòa giải. Như Viktor Frankl đã nhận định cách chính xác, trong những thời khắc kinh hoàng, “chúng ta đã nhận biết con người như chính nó thực sự là. Sau cùng, con người chính là hữu thể đã phát minh ra các phòng hơi ngạt ở Auschwitz; nhưng con người cũng chính là hữu thể đã bước vào những phòng hơi ngạt ấy trong tư thế thẳng đứng, với Kinh Lạy Cha hoặc kinh Shema Yisrael trên môi.”¹³³
122. Sự hữu hạn, khi được đón nhận cách chân thực, không làm giảm giá trị của chúng ta, nhưng mở lòng chúng ta ra để nhận biết dung nhan của Thiên Chúa và khuôn mặt của tha nhân. Thật vậy, chính vì chúng ta trải nghiệm các giới hạn — sự mong manh, đau khổ và thất bại — nên chúng ta có thể nhận ra phẩm giá bất khả xâm phạm của mỗi con người, cả của chính mình lẫn của người khác. Trong cùng kinh nghiệm ấy, chúng ta vẫn có khả năng cảm nhận một tình huynh đệ lớn hơn chính mình, và nhận ra bất công như một điều gây phẫn nộ. Văn hóa và nghệ thuật đích thực gìn giữ tia sáng này, chống lại sự bình thường hóa của điều ác. Vì lý do đó, một số tác phẩm đã mang ý nghĩa gần như ngôn sứ: Bản Giao hưởng số Chín của Beethoven có thể được coi như một khát vọng hiệp nhất; *Bức tranh Guernica* như một lời tố cáo sự phi nhân hóa; *Bộ Phim Schindler's List* như một lời mời gọi đừng để quá khứ rơi vào quên lãng.
123. Lịch sử không chỉ xuất hiện như một bản ghi chép về bạo lực của con người, nhưng còn như bằng chứng cho thấy rằng nhân loại có khả năng tạo ra những định chế bảo vệ đời sống chung của mình. Trong hai thế kỷ qua, điều này có thể được nhận thấy qua một số thành tựu tiêu biểu: việc thành lập Ủy ban Quốc tế Hồng Thập tự (1863), mà tính trung lập trong hoạt động của tổ chức này bảo đảm sự chăm sóc đầy lòng nhân ái cho mọi người; tiến trình lâu

¹³² “Nếu chúng ta hạ thấp giá trị của trái tim, chúng ta cũng hạ thấp ý nghĩa của việc nói bằng trái tim, hành động bằng trái tim, vun trồng và chữa lành trái tim. Nếu chúng ta không trân trọng nét đặc thù của trái tim, chúng ta sẽ bỏ lỡ những sứ điệp mà chỉ riêng lý trí không thể diễn đạt; chúng ta sẽ đánh mất sự phong phú của những cuộc gặp gỡ với tha nhân; chúng ta sẽ đánh mất thi ca. Chúng ta cũng sẽ đánh mất ý thức về lịch sử và về chính quá khứ của mình, bởi lẽ lịch sử cá nhân đích thực của mỗi người được xây dựng bằng trái tim. Đến cuối cuộc đời, chỉ điều đó mới thực sự có ý nghĩa.” Phanxicô, Thông điệp *Dilexit Nos* (24 tháng 10, 2024), 11: AAS 116 (2024), 1372.

¹³³ V. Frankl, *Man's Search for Meaning. An Introduction to Logotherapy (Con Người Đi Tìm Ý Nghĩa Cuộc Sống: Dẫn Nhập vào Liệu pháp Ý Nghĩa)*, Boston 1963, 213.

dài dẫn đến việc bãi bỏ chế độ nô lệ, vốn không chỉ là một thay đổi pháp lý, mà còn là một sự biến đổi của lương tâm; việc thành lập Liên Hiệp Quốc (1945) và Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948), những văn kiện đã hình thành một ngôn ngữ chung để khẳng định, ít nhất như một lý tưởng chung, tính phổ quát của phẩm giá con người; và Công ước về Người tị nạn năm 1951, công nhận nghĩa vụ bảo vệ những người chạy trốn sự bách hại và hiểm nguy. Trong mỗi trường hợp ấy, khát vọng hướng thiện đã được cụ thể hóa trong những bối cảnh công cộng — luật pháp, định chế và thực hành — có khả năng giới hạn việc lạm dụng quyền lực và bảo vệ những người dễ bị tổn thương. Tuy nhiên, không một tiến bộ nào trong số đó đạt được mà không gặp phải sự chống đối, những lợi ích hạn hẹp hay sự trì trệ văn hóa. Tiến bộ luân lý hầu như luôn diễn ra qua một hành trình dài và đầy đòi hỏi, thường xuyên bị đánh dấu bởi những bước lùi. Chúng ta chỉ cần nghĩ đến những tiến trình hòa bình bị đình trệ, hoặc việc thực hiện chậm chạp các cam kết về môi trường. Chính sự mong manh của những thành tựu này cho thấy trách nhiệm của những người khởi xướng và duy trì chúng quý giá biết bao.

124. Một số sự kiện cho thấy rõ rằng lịch sử cũng có thể thay đổi khi con người thực sự coi trọng phẩm giá của mọi người: phong trào dân quyền tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, gắn liền với chứng tá của Martin Luther King Jr., hay sự chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc tại Nam Phi sau khi Nelson Mandela được trả tự do và quyết định không trao tương lai cho hận thù. Trong những bối cảnh khác nhau, nhiều phụ nữ can đảm và quảng đại cũng đã nổi bật, trong đó có Thánh Laura Montoya, Thánh Têrêsa Calcutta, Dorothy Day, Marie Skłodowska-Curie, Maria Montessori, Elisabeth Elliot, Wangari Maathai, Benazir Bhutto và vô số người khác trên khắp các châu lục, những người mà sự dẫn thân của họ đã góp phần làm cho lịch sử trở nên nhân bản hơn.
125. Bên cạnh những dấu chỉ công khai ấy còn có một câu chuyện âm thầm hơn nhưng có tính quyết định. Chúng ta thấy điều đó nơi các cộng đoàn tu trì chọn phục vụ ở những nơi nghèo khó và nguy hiểm. Chúng ta cũng thấy điều đó nơi các vị tử vì đạo của tình huynh đệ và công lý, như Thánh Maximilian Maria Kolbe, Thánh Oscar Romero và Chân phước Enrique Angelelli; và nơi những chứng nhân đã thể hiện niềm hy vọng của Tin Mừng cũng như phẩm giá con người giữa những hoàn cảnh khắc nghiệt, thường là vô nhân đạo, như Đấng Đáng Kính Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. Trên hết, điều đó được thể hiện nơi những “vị tử vì đạo của đời sống thường ngày”, những người chăm sóc, giáo dục, đồng hành và an ủi mà không tìm kiếm sự chú ý, như các bậc cha mẹ, y tá, bác sĩ, các tình nguyện viên và những người ở bên cạnh một người cao tuổi hoặc một người bị bỏ rơi. Chứng tá của họ cho thấy điều thiện không tự động tiến triển, nhưng đòi hỏi sự kiên trì, kỷ ức và sự hoán cải nội tâm cần thiết để luôn có thể bắt đầu lại, ngay cả sau khi thất bại.
126. Chính sự đan xen giữa các định chế công bằng, những chứng nhân đáng tin cậy, và lòng trung thành trong đời sống hằng ngày nuôi dưỡng niềm hy vọng, và cung cấp định hướng rõ ràng cho tiến bộ công nghệ, mà không để cho trái tim con người thoái hóa. Vì thế, nhân loại — trong tất cả sự cao cả và thương tích của mình — không bao giờ được thay thế hay vượt

qua. Chúng ta có thể đón nhận tiến bộ công nghệ, là điều giúp giảm bớt đau khổ và mở ra những khả năng mới, miễn là chúng ta không từ bỏ chính bản chất của nhân tính mình, tức là khả năng sống trong mối tương quan và yêu thương. Điều này dẫn chúng ta đến một câu hỏi then chốt: nếu thực sự có một điều gì đó là “hơn cả con người”, thì nó được tìm thấy ở đâu? Đức tin Kitô giáo trả lời câu hỏi ấy bằng cách chỉ về một sự viên mãn không phát sinh từ việc thần thánh hóa công nghệ, nhưng từ ân sủng của Thiên Chúa, được lãnh nhận trong Đức Kitô.

“Hơn cả con người” đích thực: ân sủng và nền nhân bản Kitô giáo

127. Cụm từ “hơn cả con người” không phải là lãnh địa riêng của những lời hứa công nghệ. Trong nhiều thế kỷ, truyền thống Kitô giáo vẫn khẳng định rằng con người không bị giam hãm trong những giới hạn của bản tính mình; trái lại, họ được mời gọi vượt lên chính mình, không phải bằng cách trốn chạy thực tại hay khinh thường những giới hạn của mình, nhưng bằng cách đạt đến sự viên mãn trong tình yêu. Đức tin nhìn nhận một sự mở ra hướng về “cõi siêu việt”, bắt nguồn như một hồng ân từ Thiên Chúa. Sự biến đổi này là công trình của Chúa Thánh Thần. Như Thánh Tôma Aquinô đã dạy, tiến trình nâng cao và biến đổi ấy “vượt quá mọi khả năng của bản tính thụ tạo”¹³⁴, bởi vì có một khoảng cách vô hạn giữa bản tính hữu hạn của chúng ta và sự sống của Thiên Chúa.¹³⁵ Tuy nhiên, con người vẫn có thể bước vào trung tâm của sự sống vô tận ấy, ngay trong khi đang lữ hành giữa những giới hạn của thế gian này. Đáng duy nhất làm cho cuộc vượt qua ấy trở nên khả thi chính là Đấng Hằng Hữu tự hiến chính mình. Thật vậy, chính Thiên Chúa vượt qua sự chênh lệch “vô hạn” ấy.¹³⁶ Trong Người, việc tái tạo con người diễn ra. “Phàm ai ở trong Đức Kitô đều là thụ tạo mới; cái cũ đã qua đi, và cái mới đã có đây rồi” (2 Cr 5,17).
128. Khi đón nhận khả năng vượt lên trên chính mình nhờ ân sủng Thiên Chúa, chúng ta không phủ nhận bản tính của mình, cũng không trở nên kém nhân bản hơn. Trái lại, như Đức Phanxicô đã giải thích: “Chúng ta trở nên hoàn toàn là con người khi trở nên hơn cả con người, khi để cho Thiên Chúa đưa chúng ta vượt ra ngoài chính mình để đạt tới chân lý viên mãn nhất của hữu thể mình.”¹³⁷ Chính ở đây xuất hiện sự khác biệt căn bản với những giấc mơ có tính Prometheus [*tức là ước muốn đạt được quyền năng gần như vô hạn*]: điều cứu độ nhân loại không phải là sự tự lập được tăng cường, nhưng là một mối tương quan giải phóng, một sự hiệp thông biến đổi. Dưới ánh sáng ấy, một công nghệ chỉ biết phân loại và tối ưu hóa những gì đang hiện hữu, dù vô tình, vẫn có thể trở thành chướng ngại cho sự thay đổi và tăng trưởng. Đối với một thuật toán, sai lầm là một khiếm khuyết cần sửa chữa; nhưng đối với con người, sai lầm có thể là chất xúc tác cho một sự biến đổi sâu xa. Tương lai của

¹³⁴ Thánh Tôma Aquinô, *Tổng lược Thần học*, I-II, q. 112, a. 1, co.; q. 114, a. 5, co.: ed. Leonina, VII, Rome 1892, 323 and 349.

¹³⁵ X. *ibid.*, q. 114, a. 1, co.: ed. Leonina, VII, 344.

¹³⁶ X. Thánh Tôma Aquinô, *Super Boetium de Trinitate*, q. 1, a. 2, ad 3: ed. Leonina, L, Rome 1992, 96; *Tổng lược Thần học*, I, q. 7, a. 1, ad 3: ed. Leonina, IV, Rome 1888, 72.

¹³⁷ Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium*, (24 tháng 11, 2013), 8: AAS 105 (2013), 1022.

một con người không thể được tính toán, nhưng tùy thuộc vào sự tự do của họ — được nâng đỡ bởi ân sủng vô tận của Thiên Chúa — và vào các mối quan hệ mà họ vun đắp.

Hai thành phố và hai tình yêu

129. Chủ nghĩa nhân bản Kitô giáo không từ chối khoa học hay công nghệ, nhưng đón nhận chúng với lòng biết ơn và tinh thần thực tế, đồng thời đặt chúng trong một ơn gọi cao cả hơn. Trí tuệ sáng tạo của con người là một hồng ân có thể làm giảm bớt đau khổ và mở ra những khả năng mới, nhưng nó phải luôn được hướng về công ích, công bằng, việc chăm sóc những người dễ bị tổn thương và công trình tạo dựng. Theo nghĩa đó, sự lựa chọn đích thực không phải là giữa sự hăng hái và nỗi sợ hãi, nhưng là giữa hai con đường phát triển: một tiến bộ phục vụ các cá nhân và các dân tộc, hoặc một tiến bộ khiến họ lệ thuộc vào não trạng quyền lực. Sau cùng, câu hỏi cốt yếu vẫn là câu hỏi mà Thánh Gioan Phaolô II đã đặt ra: AI có làm cho đời sống con người trên trái đất này “trở nên nhân bản hơn trong mọi khía cạnh của đời sống ấy không? Nó có làm cho đời sống ấy xứng hợp hơn với phẩm giá con người không?”¹³⁸ Nếu câu trả lời là có, thì chúng ta có thể nhìn nhận đó là một cơ hội cần được đón nhận cách có trách nhiệm, trên con đường tái thiết kiên nhẫn và chung sức, tương tự như việc tái thiết Giêrusalem được thuật lại trong sách Nêhemia. Nhưng nếu quyền lực gia tăng trong khi trái tim héo úa và các mối dây nhân bản bị đứt gãy, thì chúng ta đang đối diện với một hình thức Babel mới — một công trình đồ sộ nhưng tận căn lại phi nhân hóa.
130. Việc chất vấn con đường tiến bộ thay thế này cũng như cách chúng ta giải thích và sống nó, sau cùng chính là vấn đề xét lại chính lòng mình. Cách chúng ta hiểu và hình thành các mối quan hệ, công việc và các định chế, trong thực hành, bộc lộ những giá trị căn bản của chúng ta. Cuối cùng, mọi sự đều phát xuất từ điều mà chúng ta yêu mến nhất. Chính tình yêu ấy hướng dẫn chúng ta về điều mình thực sự trân quý, cả như những cá nhân lẫn như một xã hội, đồng thời hướng dẫn đời sống và hành động của chúng ta. Thánh Augustinô đã mô tả lịch sử nhân loại như một cuộc đấu tranh giữa hai tình yêu, là những tình yêu tạo nên hai cách cư ngụ trong thế giới và sống với nhau — hay có thể nói là hai “thành phố”: một bên là tình yêu Thiên Chúa và tha nhân; bên kia là tình yêu vị kỷ đối với bản thân. “Hai tình yêu đã xây dựng nên hai thành phố: thành phố trần thế được xây dựng bởi tình yêu bản thân đến mức khinh thường Thiên Chúa; còn thành phố thiên quốc được xây dựng bởi tình yêu Thiên Chúa đến mức quên mình.”¹³⁹ Cũng như trong suốt dòng lịch sử, hai tình yêu ấy vẫn tiếp tục tranh đấu để chiếm ưu thế trong lòng chúng ta ngày nay. Kỷ nguyên AI cũng không phải là ngoại lệ: việc xây dựng tháp Babel hay tái thiết thành Giêrusalem đều khởi đầu từ chính mỗi người chúng ta.

¹³⁸ Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Redemptor Hominis* (4 tháng 3, 1979), 15: AAS 71 (1979), 286-287.

¹³⁹ Thánh Augustine, *De civitate Dei*, XIV, 28: CCL 48, Turnhout 1955, 451.

CHƯƠNG IV

BẢO VỆ NHÂN LOẠI TRONG THỜI KỲ BIẾN ĐỔI. SỰ THẬT, VIỆC LÀM, TỰ DO

131. Sau khi đã phác họa bối cảnh mà thách đố của sự biến đổi về công nghệ đang diễn ra, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến trí tuệ nhân tạo và các trào lưu siêu nhân bản cũng như hậu nhân bản, chúng ta không thể chỉ dừng lại ở mức độ phân tích tổng quát. Khi ngôn ngữ và công cụ thay đổi, các hành động thường nhật và các tương quan xã hội cũng thay đổi theo. Vì thế, chúng ta cần tập trung vào một số lãnh vực mà trong đó những biến đổi này đang tạo ra những hậu quả đặc biệt cụ thể, và đôi khi bi thảm. Dưới ánh sáng các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội của Hội Thánh, cuộc chuyển đổi kỹ thuật số mời gọi chúng ta tái khám phá sự thật như một công ích, bảo vệ phẩm giá của việc làm và gìn giữ tự do trước mọi hình thức lệ thuộc và thương mại hóa.

Sự thật như một công ích

Sự thật và nền dân chủ

132. Việc sử dụng các nền tảng kỹ thuật số và các hệ thống trí tuệ nhân tạo đang tạo nên những thay đổi sâu sắc trong truyền thông công cộng và chính trị. Những công cụ lẽ ra có thể thúc đẩy đối thoại và sự tham gia thường được sử dụng để xây dựng những câu chuyện méo mó, và làm lu mờ ranh giới giữa sự thật và điều sai trái, bằng cách trộn lẫn các sự kiện với các ý kiến. Thông tin sai lệch không bắt đầu với trí tuệ nhân tạo, nhưng ngày nay nó tìm được nơi AI một phương tiện khuếch đại đầy sức mạnh. Khả năng thao túng nội dung, hình ảnh và video khiến con người có nguy cơ tiếp xúc với những viễn cảnh thiên lệch hoặc gây hiểu lầm. Vấn đề này có cả chiều kích văn hóa lẫn luân lý, bởi chất lượng của truyền thông công cộng trực tiếp tùy thuộc vào sự tín nhiệm xã hội, và đồng thời cũng hình thành sự tín nhiệm ấy. Tuy nhiên, thông tin chân thực không phát sinh từ sự kiểm soát tập trung hay tự động hóa. Trong đàm luận công cộng, sự thật của các sự kiện có một chiều kích lý trí, vì nó đòi hỏi việc kiểm chứng, đối chiếu các nguồn tin và lập luận có trách nhiệm. Hơn nữa, nó còn có chiều kích tương quan sâu sắc, được xây dựng qua những mối dây tín nhiệm và những thực hành chung, cũng như qua cuộc trao đổi chân thành với tha nhân và với thế giới. Chỉ việc cùng nhau tìm kiếm tính chân thực của các sự kiện, được nhìn nhận như một công ích, mới có thể cung cấp nền tảng vững chắc cho một nền truyền thông công bằng.
133. Những ai nắm giữ các nguồn lực công nghệ và kinh tế hùng mạnh, cùng với nguồn nhân lực đáng kể để can thiệp vào đời sống xã hội, đều sở hữu khả năng rất lớn trong việc tác động đến sự thay đổi văn hóa. Sau cùng, họ có thể ảnh hưởng đến rất nhiều người liên quan đến sự thật về con người, thế giới, ý nghĩa của cuộc sống, gia đình và thậm chí cả Thiên Chúa. Đó là một thứ quyền lực tách rời khỏi sự thật, âm thầm hoặc công khai áp đặt điều mà nó muốn người khác chấp nhận là chân lý. Ở tận căn, điều này phát xuất từ một “căn bệnh” sâu

xa hơn và thường không được nhận ra, đó là việc “con người thời hiện đại lầm tưởng rằng mình là tác giả duy nhất của chính mình, của cuộc đời mình và của xã hội. Đây là một sự tự tôn phát sinh từ thái độ khép kín mình cách ích kỷ.”¹⁴⁰ Hậu quả là con người tin rằng họ có thể kiến tạo thực tại, và rằng bất cứ điều gì phù hợp nhất với các đòi hỏi của mình đều tương ứng với chân lý. Thánh Gioan Phaolô II đã suy tư về những hậu quả của “cuộc khủng hoảng chân lý” này đến mức khẳng định rằng: “một khi ý niệm về chân lý phổ quát liên quan đến điều thiện, có thể được lý trí con người nhận biết, bị đánh mất, thì tất yếu quan niệm về lương tâm cũng thay đổi.”¹⁴¹ Trong bối cảnh ấy, những chân lý có giá trị phổ quát, vốn có trước chúng ta và đòi hỏi lương tâm phải đón nhận, không còn được nhìn nhận nữa. Điều đó đã làm cho Đức Phanxicô đặt câu hỏi một cách thực tế: “Luật pháp là gì nếu không có niềm xác tín, được sinh ra từ sự suy tư lâu đời và sự khôn ngoan lớn lao, rằng mỗi con người đều là thánh thiêng và bất khả xâm phạm?” Và ngài kết luận: “Nếu xã hội muốn có tương lai, xã hội ấy phải tôn trọng sự thật về phẩm giá con người của chúng ta và quy phục trước sự thật ấy. Giết người không chỉ đơn thuần sai vì xã hội không chấp nhận, hoặc vì luật pháp trừng phạt, nhưng vì một xác tín sâu xa hơn. Đó là một chân lý không thể thương lượng, đạt được nhờ lý trí và được lương tâm đón nhận. Một xã hội là cao quý và đứng đắn không chỉ vì biết nâng đỡ việc tìm kiếm chân lý, mà còn vì biết gắn bó với những chân lý căn bản nhất.”¹⁴²

134. Việc tìm kiếm chân lý là một yếu tố thiết yếu của nền dân chủ, mà chính nền dân chủ cũng là một phương thế góp phần vào công ích. Khi những vấn đề liên quan đến điều gì là chân thật không còn sức hấp dẫn, và một thứ chủ nghĩa thực dụng bằng lòng với điều có vẻ hữu ích, hoặc hiệu quả chiếm ưu thế, thì đời sống dân chủ sẽ bị suy yếu. Sau cùng, dân chủ không chỉ hệ tại ở các quy tắc và thủ tục, nhưng trên hết là ở sự đồng thuận vững chắc với các sự kiện, và một sự dân thân chân thành cho thiện ích của cá nhân cũng như toàn thể xã hội. Sự thờ ơ đối với chân lý, một cách chậm rãi nhưng chắc chắn, sẽ dẫn đến một tuột dốc vào chủ nghĩa chuyên chế. Như nữ triết gia Hannah Arendt đã viết, những đối tượng lý tưởng của các chế độ như thế không hẳn là những người bị thuyết phục về ý thức hệ, nhưng là “những người mà đối với họ sự phân biệt giữa sự thật và hư cấu (tức là thực tại của kinh nghiệm) cũng như sự phân biệt giữa đúng và sai (tức là các chuẩn mực của tư tưởng) không còn tồn tại nữa.”¹⁴³

Truyền thông và trí tưởng tượng tập thể

135. Trước thực trạng này, điều quan trọng là phải nhớ rằng truyền thông “không chỉ là việc chuyển tải thông tin, nhưng còn là việc kiến tạo một nền văn hóa.”¹⁴⁴ [144] Nội dung lưu hành trong các môi trường kỹ thuật số hình thành cách con người nhận thức thế giới, cùng đưa vào ý thức tập thể những hình ảnh và câu chuyện dẫn dắt các ước muốn, cũng như ảnh

¹⁴⁰ Bê-nê-đi-cô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6, 2009), 34: AAS 101 (2009), 668-669.

¹⁴¹ Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Veritatis Splendor* (6 tháng 8, 1993), 32: AAS 85 (1993), 1159.

¹⁴² Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 207: AAS 112 (2020), 1043.

¹⁴³ H. Arendt, *The Origins of Totalitarianism (Nguồn gốc của chế độ Chuyên chế)*, III, New York 1962, 474.

¹⁴⁴ *Diễn văn với các Đại diện Truyền thông* (12 tháng 5, 2025): AAS 117 (2025), 681-682.

hưởng đến những chọn lựa hằng ngày của chúng ta. Đây “không phải là một thế giới song song hay thuần túy ảo”¹⁴⁵, bởi vì những gì khởi phát trên mạng hiện nay đã trở thành một phần trong đời sống con người, đặc biệt là đời sống của những người trẻ nhất.

136. Vì thế, những người kiểm soát các nền tảng kỹ thuật số và các phương tiện truyền thông có một khả năng đáng kể trong việc tác động đến trí tưởng tượng tập thể, và trình bày một quan niệm riêng về thực tại như điều đáng mong muốn. Quyền lực ấy phải luôn được hướng dẫn bởi việc tìm kiếm chân lý và sự tôn trọng nhân phẩm, để nền văn hóa được cổ vũ trên mạng không trở thành công cụ của sự sao lãng quá mức, sự đồng nhất hóa hoặc sự thống trị, nhưng là một môi trường trong đó tự do nội tâm và suy nghĩ có phán đoán có thể trưởng thành.

Hướng tới một nền sinh thái học về truyền thông

137. Nhiệm vụ đầu tiên của chúng ta không phải là lên án hay thần tượng hóa các công cụ công nghệ, nhưng là sử dụng chúng dựa trên một nguyên tắc nền tảng: chân lý là một công ích chứ không phải là tài sản của những người có quyền lực hoặc ảnh hưởng. Vì thế, chúng ta phải cổ vũ một nền sinh thái học về truyền thông. Trên bình diện chính sách công, điều này đòi hỏi phải thiết lập các quy định, để các quyết định liên quan đến việc lựa chọn và phát triển nội dung trở nên minh bạch hơn, đồng thời bảo vệ các dữ liệu cá nhân. Về phương diện xã hội và văn hóa, điều đó đòi hỏi phải củng cố các tổ chức trung gian, nghề làm báo nghiêm túc và các diễn đàn tranh luận, trong đó các lập luận có cơ sở, và việc kiểm chứng sự kiện có trọng lượng lớn hơn những phản ứng tức thời. Đối với gia đình và nhà trường, càng ngày càng cần có một nhận thức giáo dục mới, cùng việc đào tạo về cách sử dụng đúng đắn và có phê phán các công cụ kỹ thuật số, AI cũng như các nền tảng thương mại và tài chính trực tuyến. Trong các trường đại học, thách thức chính nằm ở việc hội nhập tri thức, nuôi dưỡng cả khả năng kết nối và tổng hợp kiến thức, để hiểu được tính phức tạp, lẫn những kỹ năng cần thiết để kiểm chứng các sự kiện.
138. Các cộng đồng Kitô hữu cũng được mời gọi dẫn thân cho sự minh bạch trong truyền thông và việc tìm kiếm sự thật một cách trung thực. Đáng buồn thay, điều này không phải lúc nào cũng xảy ra. Chúng ta đã từng hồ thẹn chứng kiến những sự thật đau lòng liên quan đến cả các thành viên của Hội Thánh, và những thực tại tại Giáo hội. Đặc biệt, một số nhà báo, được thúc đẩy bởi lòng say mê chân lý, đã đóng một vai trò quan trọng trong việc đưa những bất công và lạm dụng ra ánh sáng. Với họ, tôi muốn lặp lại những lời Đức Phanxicô đã nói với các nhà báo: “Tôi cũng cảm ơn anh chị em vì những gì anh chị em cho chúng tôi biết về những điều sai trái trong Hội Thánh, vì đã giúp chúng tôi không che giấu chúng dưới tấm thảm, và vì đã nói thay cho các nạn nhân của lạm dụng.”¹⁴⁶ Tuy nhiên, sự cảnh giác và minh

¹⁴⁵ Bê-nê-đi-cô XVI, *Sứ điệp nhân Ngày Thế giới Truyền thông Xã hội lần thứ 47* (24 tháng 1, 2013): AAS 105 (2013), 183.

¹⁴⁶ *Diễn văn nhân dịp trao tặng phẩm hàm Hiệp sĩ và Nữ Hiệp sĩ Đại Thập giá thuộc Huân chương Piô cho ông Philip Pullella và bà Valentina Alazraki* (13 tháng 11, 2021): L'Osservatore Romano, 13 tháng 11, 2021, 12.

bạch trước hết vẫn là một trách nhiệm nghiêm trọng của chính Hội Thánh, và chúng ta không được chờ người khác buộc mình phải đối diện với những sự thật khó chịu về chính mình.

Một liên minh giáo dục cho thời đại kỹ thuật số

139. Trong một thời đại mà chân lý thường bị bóp méo để phục vụ những lợi ích và chiến lược truyền thông riêng biệt, lãnh vực giáo dục có một tầm quan trọng quyết định. Tuy nhiên, những biến đổi công nghệ nhanh chóng cho thấy chúng ta chưa được chuẩn bị đầy đủ về mặt giáo dục. Tính phổ biến của các phương tiện truyền thông kỹ thuật số tạo nên một nền văn hóa tức thời và kích động quá mức, là điều dẫn đến sự mệt mỏi, chán nản và thờ ơ trước nỗ lực cần thiết để tìm kiếm chân lý.
140. Trái lại, giáo dục là một hành trình lâu dài đòi hỏi sự kiên nhẫn, và vì thế cần có thời gian để phát triển, cũng như để tiếp xúc với thực tại vượt quá những vẻ bề ngoài. Đây là một vấn đề nền tảng vì mọi công nghệ đều hình thành những người sử dụng nó. Do đó, giáo dục con người về việc sử dụng AI bao hàm việc dạy họ quyết định khi nào không nên sử dụng và vì mục đích nào AI. Tốc độ và sự dễ dàng trong việc có được các câu trả lời hoặc các bản tóm tắt, có nguy cơ dập tắt ước muốn đặt câu hỏi, vốn là một tiến trình sinh hoa kết quả theo thời gian. Như Plato đã viết, những điều sâu xa và quan trọng nhất chỉ được học hỏi sau rất nhiều thời gian và nỗ lực, bằng cách tham gia đối thoại với người khác, cùng nhau “va chạm” các ý tưởng và kinh nghiệm như đá lửa, cho đến khi tia sáng của sự hiểu biết được bùng lên trong chúng ta.¹⁴⁷ Vì thế, chúng ta phải học cách tiết độ trong việc sử dụng AI, và bảo vệ giới trẻ khỏi lời hứa hẹn về một cỗ máy hoàn hảo, khỏi cảm dỗ tinh vi làm cho tư tưởng của con người dường như trở nên không cần thiết đúng vào lúc nó cần nhất.
141. Trong những năm gần đây, các tài liệu tâm lý học và tâm thần học càng ngày càng nhấn mạnh rằng việc tiếp xúc sớm, và không có sự giám sát với các thiết bị kỹ thuật số cùng mạng xã hội, có thể gây tác động tiêu cực đến giấc ngủ, khả năng tập trung, việc kiểm soát cảm xúc và các mối tương quan, đặc biệt trong những giai đoạn mong manh nhất của đời sống, đôi khi dẫn đến những hậu quả bi thảm. Điều này còn trở nên trầm trọng hơn bởi việc dễ dàng tiếp cận những nội dung bạo lực hoặc hạ thấp phẩm giá con người, xúc phạm đến cảm thức luân lý, những tài liệu khiêu dâm và siêu tính dục hóa, những thông điệp tâm thường hóa thân xác và cảm xúc, cũng như những đề nghị bình thường hóa các hành vi nguy hiểm. Những hiện tượng trực tuyến như dụ dỗ trẻ vị thành niên (grooming), tổng tiền và khai thác tình dục trẻ em, không phải là hiếm, và càng trở nên nguy hiểm hơn bởi việc sử dụng các hồ sơ giả mạo, các thuật toán tạo điều kiện cho những tiếp xúc nguy hiểm, cùng các công cụ AI có khả năng thao túng hình ảnh và video. Việc sở hữu thiết bị di động cá nhân quá sớm, và sử dụng chúng mà không có sự giám sát của người lớn, có thể làm gia tăng những điểm yếu nơi người trẻ, thúc đẩy tình trạng nghiện ngập và khiến các em dễ bị cô lập, ăn hiếp và bắt

¹⁴⁷ X. Plato, *Bức Thư VII*, 344b-c: ed. Souilhé, XIII/1, Paris 1931 (CUF, Série grecque 63), 54.

nạt trên mạng, cũng như chịu áp lực phải chia sẻ những hình ảnh riêng tư hoặc thông tin nhạy cảm.

142. Các bậc cha mẹ khó mà có thể một mình chống lại ảnh hưởng của những mô hình kinh doanh kiếm lợi từ sự chú ý và thời gian của người dùng. Vì thế, điều thiết yếu là phải lập ra một liên minh giữa các nhà hoạch định chính sách, các cơ sở giáo dục và các gia đình, có khả năng trợ giúp cụ thể cho người lớn trong nhiệm vụ này. Cần có những chính sách công có tầm nhìn xa, để chống lại những lợi ích trước mắt của các nền tảng tập trung trong tay một số ít người, khi những lợi ích ấy xung đột với sự an sinh của trẻ vị thành niên. Về phương diện này, sự can thiệp của các nhà lập pháp là điều thích đáng, nhằm thiết lập các giới hạn độ tuổi, quy trách nhiệm cho các nhà cung cấp dịch vụ, thay vì đẩy toàn thể gánh nặng kiểm soát lên các gia đình, đồng thời cung cấp những biện pháp bảo vệ cụ thể, chống lại mọi hình thức khai thác tình dục và bạo lực trên mạng. Nhờ đó, trẻ em và thanh thiếu niên, những người được trao phó cho chúng ta chăm sóc, mới thực sự được bảo vệ như một kho tàng quý giá.¹⁴⁸ Đồng thời, cũng cần phải dạy cho trẻ em, thanh thiếu niên và giới trẻ biết cách nhận diện sự thao túng, bảo vệ phẩm giá của mình và tôn trọng phẩm giá của người khác trong môi trường kỹ thuật số.¹⁴⁹

Vai trò trung tâm của nhà trường

143. Nhà trường là nơi các thế hệ mới có thể học biết tìm kiếm và yêu mến chân lý, suy tư về ý nghĩa cuộc đời và nhận ra phẩm giá của mỗi con người. Vì lý do đó, nhiều bậc cha mẹ, những người mong muốn con cái mình lớn lên với khả năng xây dựng các mối tương quan, phát triển suy nghĩ biết phê phán và đón nhận những giá trị vững chắc, đặt rất nhiều kỳ vọng vào nhà trường như những cộng tác viên quý giá trong việc giáo dục con cái họ. Tuy nhiên, cha mẹ có quyền tiên quyết và bất khả nhượng trong việc chọn lựa loại giáo dục và đào tạo cho con cái mình, phù hợp với những xác tín luân lý, văn hóa và tôn giáo của họ. Ngày nay, thế giới giáo dục đang phải đối diện với một số thách thức cấp bách.
144. Thách thức thứ nhất là về xã hội và chính trị. Trong phạm vi từng quốc gia cũng như giữa các khu vực khác nhau trên thế giới, vẫn tồn tại những bất bình đẳng đáng kể trong việc tiếp cận giáo dục căn bản và cấp cao. Tại nhiều quốc gia, các chính phủ vẫn chưa đầu tư những nguồn lực cần thiết để bảo đảm một nền giáo dục có chất lượng cho mọi người, hoặc bằng cách hỗ trợ hệ thống trường công cách đầy đủ, hoặc bằng cách trợ giúp các cơ sở tư thục đang cung cấp dịch vụ thiết yếu này. Khi một phần đáng kể của nền giáo dục ở nhiều cấp được trao cho các cơ sở tư thục, việc tiếp cận giáo dục có thể trở nên quá lệ thuộc vào khả năng tài chính của gia đình, đặc biệt khi thiếu sự hỗ trợ thích đáng từ phía chính quyền. Tuy nhiên, trước nguy cơ này, điều quan trọng là phải nhìn nhận và khuyến khích sự đóng góp của nhiều cơ sở giáo dục Công giáo tư thục, là những cơ sở bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục cách bao

¹⁴⁸ X. *Diễn văn gửi các tham dự viên Hội nghị “Phẩm giá của Trẻ em và Thanh thiếu niên trong Thời đại Trí tuệ Nhân tạo”* (13 tháng 11, 2025): L’Osservatore Romano, 13 tháng 11, 2025, 3.

¹⁴⁹ X. *Diễn văn gửi các thành viên Hội đồng Cố vấn của Học viện RCS* (7 tháng 11, 2025): L’Osservatore Romano 7 tháng 11, 2025, 4.

- dung cho trẻ em và người trẻ thuộc mọi thành phần xã hội, kể cả khi hoàn cảnh kinh tế của gia đình các em lẽ ra không cho phép điều đó.
145. Thách đố lớn thứ hai là về sự phạm. Nhiều hệ thống giáo dục đang gặp khó khăn trong việc theo kịp những thay đổi và hỗ trợ sự phát triển toàn diện của học sinh. Sự tiến bộ của công nghệ thông tin và AI đang nhanh chóng làm cho các chương trình học được thiết kế cho một thời đại khác trở nên lỗi thời. Trong khi đó, cách tổ chức nhà trường, không gian vật lý, phương pháp lượng giá và chính vai trò của giáo viên cũng cần được suy nghĩ lại để cổ vũ một nền giáo dục thực sự toàn diện, quan tâm đến mọi chiều kích của con người. Cần phải hỗ trợ việc đào tạo liên tục cho giáo viên trong suốt đời sống nghề nghiệp của họ, để họ có thể tiếp cận các công nghệ mới một cách tích cực, giúp học sinh sử dụng chúng một cách có trách nhiệm, có phê phán và sáng tạo, thay vì thụ động khuất phục trước ảnh hưởng của chúng.
 146. Thách đố lớn thứ ba là về trí tuệ và liên quan đến sự hiểu biết. Nếu không được quan tâm đúng mức, có thể xuất hiện một hệ thống giáo dục thiếu tình yêu đối với chân lý, trong đó dòng thông tin liên tục thay thế cho việc nghiên cứu, suy tư và phân định, vốn là những hoạt động thiết yếu. Khi sự hiểu biết càng ngày càng bị phân mảnh, người ta khó có thể hiểu được thực tại như một toàn thể, đặt ra những câu hỏi sâu xa về ý nghĩa, hoặc phát triển một tư tưởng đích thực, có phê phán và sáng tạo. Nhiều nhà giáo dục hiện nay đã ghi nhận những dấu hiệu phi nhân hóa, khi con người có thể “biết rất nhiều điều”, nhưng lại gặp khó khăn trong việc tìm hướng đi cho cuộc đời mình, một phần vì không thể kết nối thông tin với sự hiểu biết sâu xa hơn, hoặc duy trì được ý thức về mục đích sống. Cần có một thái độ thực sự lành mạnh, đòi hỏi những nhịp sống biết dành chỗ cho sự tĩnh lặng, việc học tập chuyên sâu, đọc sách và phân tích cách thận trọng; bởi vì nếu thiếu những yếu tố ấy, sự tự do nội tâm có thể bị tổn hại.
 147. Học thuyết Xã hội của Hội Thánh mời gọi các gia đình, nhà trường, các cộng đồng Kitô hữu và các định chế công cộng hình thành một liên minh giáo dục mới. Liên minh này trở thành hiện thực khi các nguyên tắc nền tảng được chuyển hóa thành những mục tiêu giáo dục cụ thể, bao gồm việc dạy cho học sinh ý thức về sự tiết độ và giới hạn; sự nhìn nhận các quyền của người khác và của các thế hệ tương lai trong việc hưởng dùng những thiện ích được trao ban cho chúng ta, hoặc được tạo nên nhờ tài năng sáng tạo của con người; tự do và trách nhiệm; cũng như ý thức về sự siêu việt và công ích. Nhà trường không được mời gọi chạy theo nhịp độ của thế giới kỹ thuật số, nhưng phải cung cấp điều mà chính môi trường kỹ thuật số không thể mang lại, đó là một khoảng thời gian chung để học hỏi và phát triển những mối tương quan đáng tin cậy.

Phẩm giá của việc làm trong thời đại chuyển đổi kỹ thuật số

Giá trị của việc làm

148. Kể từ khi Học thuyết Xã hội của Hội Thánh xuất hiện với Thông điệp [*Rerum Novarum*](#), Hội Thánh luôn nhấn mạnh đến việc bảo vệ công nhân và sự cần thiết phải chống lại mọi hình

thức bóc lột. Tuy nhiên, trên hết, Huân quyền đã nhận ra nơi việc làm “chìa khóa thiết yếu”¹⁵⁰ để hiểu toàn thể vấn đề xã hội, bởi vì chính nhờ việc làm mà con người phát triển nhiều chiều kích của đời sống mình. Dưới ánh sáng đó, chúng ta có thể hiểu được trực giác lớn lao của Thánh Bênêđictô thành Nursia, đáng đã kết hợp cầu nguyện và việc làm, cho thấy hoạt động hằng ngày là một phần trong lời đáp trả của con người trước lời mời gọi của Thiên Chúa. Được tạo dựng theo hình ảnh của Đấng Tạo Hóa, việc làm của chúng ta, theo một nghĩa nào đó, tiếp nối công trình của Ngài, vì nhờ đó chúng ta góp phần vào sự tiến bộ của xã hội và công ích, sử dụng tốt những khả năng đã lãnh nhận, cải thiện và làm cho thế giới trở nên tốt đẹp hơn, chu cấp cho gia đình mình, tham gia vào những mối liên hệ hợp tác và, qua việc lắng nghe cùng đối thoại, học biết xây dựng chung những điều mà không ai có thể làm một mình.

149. Vì những lý do đó, việc làm không chỉ đơn thuần là một công cụ; nó diễn tả và gia tăng phẩm giá của đời sống chúng ta. Nó là một đòi hỏi của thân phận con người, là con đường bình thường dẫn đến sự trưởng thành, phát triển và hoàn thiện cá nhân. Về điểm này, sự trợ giúp tài chính dành cho người nghèo, đôi khi có thể là điều cần thiết trong những hoàn cảnh khẩn cấp, nhưng không thể trở thành giải pháp duy nhất, bởi vì mục tiêu là giúp mỗi người có thể sống xứng đáng nhờ chính việc làm của mình.¹⁵¹
150. Ngày nay, sự hội tụ giữa tự động hóa, công nghệ rô-bốt và AI đang nhanh chóng biến đổi chính cấu trúc của việc làm. Người ta nói rằng điều này sẽ mang lại những cải thiện lớn lao cho mọi người. Tuy nhiên, trên thực tế, những “cách thức làm việc mới” không nhất thiết là tốt hơn, bởi vì “trong khi AI hứa hẹn gia tăng năng suất bằng cách đảm nhận những công việc đơn điệu, thì nó lại thường buộc người làm việc phải thích nghi với tốc độ và những đòi hỏi của máy móc, thay vì thiết kế máy móc để hỗ trợ những người đang làm việc. Kết quả là, trái với những lợi ích được quảng bá, các cách tiếp cận công nghệ hiện nay có thể nghịch lý làm suy giảm kỹ năng của người làm việc, đặt họ dưới sự giám sát tự động, cùng giới hạn họ vào những công việc cứng nhắc và lặp đi lặp lại. Nhu cầu phải liên tục theo kịp nhịp độ phát triển của công nghệ có thể làm suy giảm tính chủ động của người làm việc và kìm hãm khả năng sáng tạo mà họ được kỳ vọng phát huy trong công việc của mình.”¹⁵² Chính để tránh sự trượt dốc này, cần phải thiết kế những hệ thống lấy con người làm trung tâm, chứ không chỉ đơn thuần hướng đến hiệu năng.

Vấn đề thất nghiệp

151. Thánh Gioan Phaolô II đã nhìn nhận thất nghiệp là một sự dữ nghiêm trọng. Thật vậy, khi đạt tới quy mô lớn, nó trở thành một tai họa xã hội thực sự, đặc biệt đòi hỏi Chính quyền phải thi hành trách nhiệm của mình.¹⁵³ Ngày nay, giữa cuộc “cách mạng công nghiệp lần thứ

¹⁵⁰ Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens* (14 tháng 9, 1981), 3: AAS 73 (1981), 584.

¹⁵¹ X. Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24 tháng 5, 2015), 128: AAS 107 (2015), 898.

¹⁵² Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Văn hoá và Giáo dục, *Ghi chú Antiqua et Nova* (14 tháng 1, 2025), 67: AAS 117 (2025), 188-189.

¹⁵³ X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Laborem Exercens*, (14 tháng 9, 1981), 18: AAS 73 (1981), 622-625.

tư”, mỗi quan ngại này càng trở nên cấp bách hơn, vì sự đổi mới thường chỉ được theo đuổi nhằm giảm chi phí và gia tăng lợi nhuận.¹⁵⁴ Trong một số bối cảnh, có những lo ngại chính đáng về việc số lượng việc làm hiện có sẽ bị thu hẹp nhanh chóng và đáng kể, tạo nên một phản ứng dây chuyền tác động sâu rộng đến các gia đình, giới trẻ và các nền kinh tế địa phương. Trong nhiều lãnh vực, điều này đã được thể hiện qua những hình thức bất ổn và bất bình đẳng mới về việc làm, với mức thù lao rất cao dành cho một thiểu số có trình độ chuyên môn đặc biệt, trong khi tiền lương của phần lớn những người làm việc càng ngày càng giảm sút.

152. Dĩ nhiên, điều đáng mong muốn là công nghệ giúp con người thoát khỏi những công việc nặng nhọc, lặp đi lặp lại hoặc nguy hiểm, đồng thời cung cấp sự trợ giúp thông minh cho hoạt động của con người. Tuy nhiên, việc bảo vệ các cơ hội việc làm và vai trò không thể thay thế của mỗi cá nhân phải luôn là nguyên tắc chung. Việc theo đuổi lợi nhuận cao hơn không thể biện minh cho những quyết định hy sinh việc làm một cách có hệ thống, bởi vì con người là cứu cánh chứ không phải phương tiện, và trật tự kinh tế luôn phải lệ thuộc vào phẩm giá con người và công ích.
153. Đồng thời, chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng mọi cuộc chuyển đổi thực sự đều bao hàm những gián đoạn, vì chúng diễn ra không đồng đều, phân mảnh và đôi khi đầy xung đột. Do đó, không có một mô hình thay đổi duy nhất hay một giải pháp phổ quát nào, bởi vì có những nơi và những hoàn cảnh đòi hỏi những đáp ứng khác nhau. Trước sự bất bình đẳng đang đặc trưng cho thế giới của chúng ta, việc phổ biến AI và các hệ thống tính toán tạo ra những tác động khác nhau tại các nơi khác nhau. Các xã hội giàu có tự động hóa nhanh chóng và đôi khi hỗn loạn, làm giảm nhu cầu về việc làm, và tạo ra thất nghiệp cũng như những căng thẳng trong các định chế. Ngược lại, nhiều khu vực rộng lớn trên thế giới vẫn bị mắc kẹt trong những nền kinh tế pha trộn, trong đó lao động con người bị trả lương thấp và công nghệ ở mức độ hạn chế cùng tồn tại mà không tạo nên sự chuyển đổi thực sự. Những khu vực này trở thành nơi của lao động bấp bênh, đồng thời là điểm nóng của bất ổn và di cư cưỡng bức. Vì vậy, cần phải tìm kiếm các giải pháp ở cấp quốc gia và địa phương với sự tham gia của các cộng đồng trung gian. Chúng ta cần những công cụ thích nghi, bao gồm các mô hình được tổ chức tốt, những sáng kiến địa phương, sự tái phân phối cách tiệm tiến và những quyền tiếp cận mới đối với các thiện ích thiết yếu. Dù không theo đuổi một sự hài hòa trừu tượng, chúng ta phải xây dựng những hình thức chung sống cụ thể của con người trong thời kỳ chuyển đổi này.
154. Việc làm vẫn là một chiều kích nền tảng của kinh nghiệm nhân bản, bởi vì nó không chỉ là phương tiện sinh sống mà còn là môi trường để con người biểu hiện, xây dựng các mối liên hệ và đóng góp cho cộng đồng. Vì thế, các vấn đề liên quan đến việc làm vượt xa vấn đề thu nhập cần thiết cho sự tồn tại của gia đình. Một xã hội chỉ bảo đảm việc làm cho một phần nhỏ dân số, mặc dù đạt trình độ phát triển kỹ thuật cao, có nguy cơ làm cho nhiều người rơi

¹⁵⁴ X. Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24 tháng 5, 2015), 109: AAS 107 (2015), 891.

vào tình trạng bị buộc phải nhàn rỗi, thiếu trách nhiệm và thiếu những công việc cùng động lực hằng ngày, dẫn đến sự nghèo nàn về nhân bản và văn hóa. Điều này tạo nên một nghịch lý giữa sự tiến bộ vật chất và sự thoái hóa nhân học, làm suy yếu những nền tảng của một nền hòa bình xã hội công bằng và bền vững. Vì lý do đó, Học thuyết Xã hội của Hội Thánh luôn nhấn mạnh rằng việc bảo đảm cơ hội làm việc cho mọi người phải là một ưu tiên hàng đầu của các chính sách công và các tiến trình kinh tế, đồng thời là tiêu chuẩn để đánh giá phẩm chất nhân bản của bất cứ mô hình phát triển nào.¹⁵⁵ Hơn nữa, ở những nơi trên thế giới mà công việc có khuynh hướng suy giảm hoặc thay đổi tận gốc do các tiến trình công nghệ và tổ chức nằm ngoài sự kiểm soát dân chủ, chúng ta cần suy nghĩ lại về bản chất của việc làm và mối liên hệ của nó với quyền công dân, để bảo đảm rằng thất nghiệp không làm tổn hại đến sự tham gia xã hội.

155. Dưới ánh sáng của xác tín này, chúng ta có thể hiểu rõ hơn lịch sử phát triển của Học thuyết Xã hội của Hội Thánh sau *Rerum Novarum*. Những sáng kiến phát sinh từ truyền thống ấy, bao gồm các hiệp hội, công đoàn, hợp tác xã và các tổ chức phúc lợi xã hội, đã đóng góp cách quyết định vào việc cải thiện luật lao động, bảo vệ những người dễ bị tổn thương nhất, và cổ vũ những điều kiện làm việc nhân bản hơn.¹⁵⁶ Tuy nhiên, ngày nay những công cụ ấy tự chúng không còn đủ để đối diện với các biến đổi do AI, cách tổ chức mới của thị trường và tính cạnh tranh, vốn hiếm khi quan tâm đến tính bền vững xã hội. Cần có những nỗ lực hợp tác mới giữa các nhà lãnh đạo chính trị, các tổ chức lao động, giới doanh nghiệp và cộng đồng khoa học nhằm nhanh chóng xây dựng những quy định và cơ chế bảo vệ thích hợp được chia sẻ, kể cả ở cấp quốc tế.¹⁵⁷ Các tổ chức công đoàn, vốn luôn được Hội Thánh ủng hộ, được mời gọi mở ra với những hình thức việc làm mới và những nhu cầu tương ứng của nhân công, để có thể đại diện và bảo vệ họ. Trong bối cảnh này, nếu thiếu những quyết định can đảm, nguy cơ gia tăng nghèo đói và bất bình đẳng sẽ hiện rõ, làm cho nhiều người bị gạt ra bên lề, bị bỏ lại phía sau, giữa những máy móc và hệ thống tự động đã thay thế họ.
156. Trong thời kỳ chuyển đổi này, chỉ phản ứng khi việc làm biến mất là chưa đủ; chúng ta phải hướng dẫn sự chuyển đổi ngay từ trước. Một con đường khả thi trước hết là thiết lập các tiêu chuẩn xã hội cho sự đổi mới. Theo đó, mỗi lần đưa tự động hóa và AI vào sử dụng đều phải đi kèm với những biện pháp có thể kiểm chứng nhằm bảo vệ việc làm, đào tạo lại và bảo đảm sự tham gia của người làm việc. Bằng cách ấy, công nghệ sẽ được định hướng để giải phóng thời gian và năng lực của con người, thay vì tạo ra sự loại trừ. Thứ hai, chúng ta cần những chính sách chủ động giúp mọi người có thể tiếp cận việc đào tạo liên tục và chuyển đổi nghề nghiệp, để chi phí thích nghi không chỉ đổ dồn lên vai từng cá nhân. Sau cùng, cần có sự cam kết của các doanh nghiệp trong việc đưa chất lượng và giá trị của việc làm vào các tiêu chuẩn đánh giá thành công. Khi những điều kiện ấy hiện diện, đổi mới có thể trở

¹⁵⁵ X. Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6, 2009), 32: AAS 101 (2009), 666.

¹⁵⁶ X. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Hội Thánh Công giáo*, 268.

¹⁵⁷ X. Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6, 2009), 64: AAS 101 (2009), 698.

thành đồng minh của việc làm an toàn hơn, sáng tạo hơn và xứng hợp với phẩm giá hơn; nếu không, đôi mới sẽ có khuynh hướng trở thành động lực gia tăng bất công.

Một nền kinh tế tôn trọng phẩm giá

157. Thị trường lao động là một trong những lãnh vực mà các nguy cơ gắn liền với những công nghệ mới xuất hiện rõ ràng nhất. Vì thế, cần phải nhắc lại rằng tự do kinh tế không phải là tuyệt đối; nó luôn phải được đo lường theo công ích và phẩm giá của mỗi con người. Sáng kiến kinh doanh thực sự có thể là một ơn gọi đích thực, tạo ra của cải và cải thiện đời sống, thay vì chỉ là một biến số lệ thuộc vào lợi nhuận. Điều đó trở nên khả thi khi nó nhìn nhận rằng việc tạo ra những công việc có giá trị và xứng hợp với phẩm giá là một phần thiết yếu trong chính sứ mạng phục vụ xã hội của mình.¹⁵⁸
158. Với tinh thần ngôn sứ, Đức Phanxicô đã cảnh báo về một thứ tự do kinh tế chỉ được tuyên bố bằng lời nói, trong khi các điều kiện thực tế lại ngăn cản nhiều người được hưởng lợi từ nó.¹⁵⁹ Những mô hình kinh tế đề cao hiệu quả và thành công cá nhân thường xem việc đầu tư vào những người thiếu may mắn hoặc những người phát triển chậm hơn là điều vô ích hoặc phiến toái, như thể tương lai của họ chỉ tùy thuộc vào khả năng theo kịp những “người chiến thắng”. Thực tế, một xã hội công bằng đòi hỏi phải có một Chính quyền tỉnh thức và những định chế dân sự có khả năng vượt qua nỗi trạng chỉ biết đến hiệu quả, đồng thời bảo đảm rằng các nguồn lực, các giải pháp sáng tạo và các quy định đều ưu tiên những người dễ bị tổn thương nhất.¹⁶⁰ Thay vì chờ đợi những lợi ích của tăng trưởng “sau này” mới đến với người nghèo, cần phải đưa ra những quyết định để bảo đảm rằng sự tăng trưởng ngay từ đầu đã mang tính bao trùm. Kinh nghiệm của những thập niên gần đây cho thấy rằng trong các cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính, chính người nghèo luôn là những người phải trả giá đắt nhất, trong khi những lý thuyết hứa hẹn sự thịnh vượng chung một cách tự động thường chỉ là ảo tưởng.
159. Điều quan trọng là phải vượt qua những thước đo phát triển hiện nay — vốn hơn tám mươi năm qua gắn liền với khái niệm Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) — bởi vì các thước đo ấy hầu như luôn bỏ qua những khía cạnh thiết yếu đối với sự an sinh toàn diện của con người và môi trường. Việc xây dựng những chỉ số và thước đo bổ sung cho GDP là điều thiết yếu nhằm cải thiện các cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc phân tích, hoạch định chính sách kinh tế và chính trị, cũng như xác định các ưu tiên ở cấp khu vực, quốc gia và quốc tế. Việc đưa vào những chỉ số mới sẽ cho phép đánh giá toàn diện và kịp thời việc các quyết định lập pháp và quản lý tác động thế nào trên phẩm giá của việc làm, sự thịnh vượng được chia sẻ, việc giảm bất bình đẳng và bảo vệ môi trường. Điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến chính quan niệm về phát triển, các tiến trình giáo dục, nỗi trạng và dư luận xã hội, cũng như nền hòa bình, vốn chỉ đích thực khi được xây dựng trên công lý.

¹⁵⁸ X. Phanxicô, Thông điệp *Laudato Si'* (24 tháng 5, 2015), 129: AAS 107 (2015), 899.

¹⁵⁹ X. *ibid.*

¹⁶⁰ X. Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 108: AAS 112 (2020), 1006.

160. Trong những năm gần đây, lãnh vực tài chính càng ngày càng trở nên quan trọng và đã trải qua nhiều đổi mới đáng kể, một phần được thúc đẩy bởi sự xuất hiện của các loại tiền điện tử. Những suy tư và nhận định trong giáo huấn của các vị tiền nhiệm của tôi, đặc biệt trong các thông điệp của các ngài, đã nhấn mạnh rằng lãnh vực trung gian tài chính, “khi hoạt động mà không có những nền tảng nhân học và luân lý cần thiết, không những đã tạo ra những lạm dụng và bất công rõ ràng, mà còn cho thấy khả năng gây ra những cuộc khủng hoảng kinh tế có tính hệ thống và toàn cầu.”¹⁶¹ Cũng vậy, thu nhập từ vốn có nguy cơ thay thế thu nhập từ lao động, trong khi lao động thường bị đẩy ra bên lề những mối quan tâm chính của hệ thống kinh tế. Tuy nhiên, nguồn tiết kiệm được chuyển thành tín dụng cho nền kinh tế thực sự, qua đó tạo ra việc làm và công việc tự làm chủ (self-employed), vẫn giữ vai trò trung tâm đối với sự phát triển và các khoản đầu tư cần thiết cho những tiến trình chuyển đổi đang diễn ra. Chức năng xã hội của tín dụng vẫn không thể thay thế được. Tài chính phục vụ chính nó hoàn toàn khác với tài chính hướng tới việc phát triển, tạo ra và thăng tiến việc làm.
161. Quan điểm này cần được đặt trong một cái nhìn rộng hơn về các động lực toàn cầu. Mặc dù của cải của thế giới đã gia tăng về mặt tuyệt đối, nhưng nó càng ngày càng tập trung vào tay ít người hơn, làm gia tăng sự bất bình đẳng cả trong nội bộ các quốc gia lẫn giữa các quốc gia. “Có một số ít người có quá nhiều, và có quá nhiều người có quá ít; đó là luận lý của thế giới ngày nay.”¹⁶² Những tiến bộ khoa học và công nghệ, kể cả trong lãnh vực y tế, không dễ dàng đến được với đại đa số nhân loại, như đã được chứng minh một cách đau đớn trong đại dịch gần đây. Trong khi một số khu vực chi tiêu rất nhiều cho những can thiệp xa xỉ hoặc cho những giấc mơ tăng cường năng lực cá nhân chỉ dành cho một số ít người, thì những nơi khác trên thế giới lại thiếu những thiết bị tối thiểu cần thiết để cứu sống hàng triệu sinh linh. Nghĩ rằng các công nghệ mới sẽ tự động mang lại lợi ích cho mọi người là phớt lờ thực tế. Nếu ngay từ giai đoạn thiết kế, các tiến trình chuyển đổi không ưu tiên ngăn ngừa những bất bình đẳng mới và sâu sắc hơn, thì tiến bộ công nghệ chắc chắn sẽ tạo ra những bất bình đẳng có tính cơ cấu. Ngày nay, công bằng đòi hỏi phải có khả năng tiếp cận các thành quả của đổi mới, bao gồm việc chăm sóc sức khỏe, kiến thức, các công cụ và các cơ hội.
162. Những luật lệ công bằng và các phương thức tái phân phối thích hợp chắc chắn là cần thiết để điều chỉnh các sự mất cân bằng, bao gồm những hệ thống thuế giúp giảm gánh nặng cho những người yếu thế nhất, và đòi hỏi nhiều hơn nơi những người có nguồn lực dồi dào hơn. Tuy nhiên, việc theo đuổi công bằng xã hội không thể bị coi như một vấn đề tách biệt, chỉ được giải quyết sau khi của cải đã được tạo ra, như thể nền kinh tế chỉ tồn tại để sản xuất của cải, còn giới chính trị chỉ can thiệp về sau để phân phối nó. Thật vậy, công bằng liên

¹⁶¹ X. Bộ Giáo lý Đức tin — Bộ Thăng tiến Phát triển Con người Toàn diện, *Oeconomicae et Pecuniariae Quaestiones. Những suy tư nhằm phân định luân lý về một số khía cạnh của hệ thống kinh tế – tài chính hiện nay* (6 tháng 1, 2018), 6: AAS 110 (2018), 772.

¹⁶² Phanxicô, *Lời chào gửi các nhân viên của Quỹ Quốc tế về Phát triển Nông nghiệp (IFAD)* (14 tháng 2, 2019): AAS 111 (2019), 309. Cx. Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6, 2009), 22: AAS 101 (2009), 657.

quan đến mọi giai đoạn của hoạt động kinh tế, từ việc khai thác tài nguyên đến tài trợ vốn, từ sản xuất đến tiêu dùng; mỗi chọn lựa đều có những hệ quả luân lý.¹⁶³

163. Hơn bao giờ hết, trong thời đại AI và công nghệ rô-bốt, không thể chỉ dựa vào “bàn tay vô hình” của thị trường.¹⁶⁴ Chính trị có nhiệm vụ hướng nền kinh tế và công nghệ về công ích, cổ võ việc làm xứng hợp với phẩm giá, sự hội nhập xã hội và việc phân phối công bằng các thành quả của việc đổi mới. Vì nhiều quyết định kinh tế vượt quá biên giới quốc gia, nên cũng cần có sự hợp tác quốc tế nhằm xác định những chiến lược chung, đặc biệt vì lợi ích của các quốc gia và những con người dễ bị tổn thương nhất, để thúc đẩy phát triển và vượt qua sự lệ thuộc vào phúc lợi xã hội. Tư tưởng nền tảng của những chọn lựa này là phẩm giá vô giá của mỗi con người, công ích và một thế giới thực sự được quản trị vì lợi ích của mọi người. Mỗi liên hệ hỗ trợ giữa hòa bình và phát triển, như Thánh Phaolô VI đã viết năm 1967 một cách tiên tri,¹⁶⁵ vẫn còn nguyên giá trị ngày nay, bởi vì sự thịnh vượng chỉ góp phần xây dựng và củng cố hòa bình khi nó mang tính phổ quát, bao trùm và bền vững.
164. Trên bình diện thực tiễn, trong thời đại AI và công nghệ rô-bốt, việc bảo đảm rằng nền kinh tế phục vụ phẩm giá con người đòi hỏi phải áp dụng một số tiêu chuẩn cho hành động cụ thể. Trước hết là tính minh bạch và trách nhiệm giải trình: khi dữ liệu và các thuật toán ảnh hưởng đến việc phân bổ tín dụng, tuyển dụng nhân sự hoặc khả năng tiếp cận các dịch vụ và cơ hội, các quyết định ấy phải có thể được hiểu, có thể bị chất vấn và chịu sự giám sát, để con người không bị giảm lược thành những hồ sơ dữ liệu đơn thuần. Thứ đến là tính bao trùm và khả năng tiếp cận: các lợi ích của đổi mới phải đi đôi với những đầu tư vào kỹ năng, hạ tầng và các dịch vụ thiết yếu, để công nghệ không làm gia tăng khoảng cách giữa những người có và những người không có. Sau cùng là những biện pháp bảo đảm công bằng: chính sách thuế má, bảo vệ xã hội và chính sách công nghiệp phải điều chỉnh những sự mất cân bằng do việc tập trung của cải và quyền lực tạo ra. Thật vậy, những tiêu chuẩn này không phải là sự kìm hãm sự đổi mới; trái lại, chúng làm cho nó trở nên văn minh và nhân bản hơn.

Gia đình và giới trẻ: những điều kiện xã hội của niềm hy vọng

165. Gia đình là một thiện ích xã hội căn bản. Được xây dựng trên sự kết hợp bền vững giữa một người nam và một người nữ, gia đình là môi trường đầu tiên trong đó mỗi con người phát triển các tiềm năng của mình, ý thức về phẩm giá của chính mình và học những hình thức đầu tiên của chân lý và sự thiện, đồng thời hấp thụ những thói quen chuẩn bị cho đời sống xã hội.¹⁶⁶ Là xã hội tự nhiên đầu tiên, được ban cho những quyền căn bản, gia đình là tế bào nền tảng và không thể thay thế được của mọi tổ chức cộng đồng.¹⁶⁷ Vì thế, khi các dự án

¹⁶³ X. *ibid.*, 36: AAS 101 (2009), 671-672.

¹⁶⁴ X. Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium* (24 tháng 11, 2013), 204: AAS 105 (2013), 1105-1106.

¹⁶⁵ X. Thánh Phaolô VI, Thông điệp *Populorum Progressio* (26 tháng 3, 1967), 87: AAS 59 (1967), 299.

¹⁶⁶ X. Thánh Gioan Phaolô II, Thông điệp *Centesimus Annus* (1 tháng 5, 1991), 39: AAS 83 (1991), 841.

¹⁶⁷ X. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Hội Thánh Công giáo*, 211.

chính trị và những quyết định kinh tế lớn đẩy gia đình vào một vị trí bên lề hoặc thứ yếu, sự phát triển đích thực của toàn thể cơ cấu xã hội sẽ bị tổn hại.¹⁶⁸

166. Tuy nhiên, gia đình là một thiện ích xã hội mong manh, chịu tác động trực tiếp từ những biến đổi kinh tế và kỹ thuật đang làm thay đổi bản chất của việc làm. Vì thế, gia đình cần được hỗ trợ về mặt văn hóa, pháp lý và kinh tế. Tác động tàn hại của nạn thất nghiệp và tình trạng việc làm bấp bênh đối với cơ cấu gia đình là điều mọi người đều biết rõ. Trong ngắn hạn, việc giảm chi phí lao động hoặc tối đa hóa hiệu quả tài chính có vẻ mang lại lợi ích; nhưng về lâu dài, điều đó làm suy yếu chính những nền tảng của đời sống chung trong xã hội. Trong khi các thành tựu công nghệ được ca ngợi, thì các mối dây liên kết xã hội lại dần dần bị bào mòn như bởi một loại vi-rút âm thầm.
167. Đối với người trẻ, tình trạng việc làm bấp bênh đặc biệt tai hại. Như các Giám mục Hoa Kỳ đã nhắc nhở, việc làm không chỉ là nguồn thu nhập, mà còn là một lãnh vực thiết yếu, trong đó căn tính được hình thành, các tình bằng hữu và các mối liên hệ được xây dựng, các trách nhiệm thực tiễn được học hỏi và ơn gọi của một người được phân định.¹⁶⁹ Khi cơ hội tiếp cận việc làm bị cản trở bởi tỷ lệ thất nghiệp cao, các hệ thống đào tạo không đầy đủ, hoặc những rào cản có tính cơ cấu, nhiều người trẻ thấy con đường dẫn đến sự hoàn thiện chính mình về mặt nhân bản và nghề nghiệp của mình bị chặn lại. Nhu cầu phải thay đổi công việc nhiều lần trong suốt cuộc đời đòi hỏi phải có những chương trình cập nhật và đào tạo lại liên tục, để các thế hệ mới có thể đối diện một cách thành thạo và độc lập với những rủi ro của một môi trường kinh tế luôn thay đổi và thường khó lường.¹⁷⁰
168. Điều này làm phát sinh một trách nhiệm đặc biệt của Chính quyền. Chính quyền có bổn phận hỗ trợ hoạt động kinh doanh bằng cách tạo điều kiện thuận lợi cho việc làm, thúc đẩy công việc ở những nơi đang thiếu việc làm và bảo vệ việc làm trong thời kỳ khủng hoảng, bởi vì đó là một thiện ích căn bản đối với gia đình và xã hội.¹⁷¹ Đặc biệt trong thời đại của những biến đổi công nghệ không ngừng, chúng ta cần một sự sáng tạo chính trị có khả năng cổ vũ “việc làm” và đặt gia đình cùng các thế hệ tương lai ở vị trí trung tâm; nếu không, sự tiến bộ kinh tế của chúng ta sẽ bị chuyển hóa thành những hình thức bất ổn và loại trừ mới.
169. Việc nâng đỡ các gia đình và người trẻ trong thời kỳ chuyển đổi này đòi hỏi những chọn lựa giúp sự ổn định trở nên khả thi. Như đã đề cập ở trên, các chính sách lao động cần cổ vũ tính liên tục và chất lượng của việc làm, chống lại tình trạng bấp bênh bị xem như một điều kiện sống bình thường, đồng thời mở ra những con đường thực tế giúp người ta bước vào thị trường nghề nghiệp và thăng tiến trong nghề của mình. Thứ đến, cần có những biện pháp bảo đảm một lối sống lành mạnh, bởi vì nếu thiếu sự quân bình thích đáng giữa làm việc,

¹⁶⁸ X. Thánh Gioan Phaolô II, *Thư gửi các Gia đình Gratissimam Sane* (2 tháng 2, 1994), 17: AAS 86 (1994), 903-906.

¹⁶⁹ X. Hội đồng Giám mục Công giáo Hoa Kỳ, *Những Người Con của Ánh Sáng: Kế hoạch Mục vụ cho Sứ vụ với Người trẻ Trưởng thành* (12 tháng 11, 1996), Washington D.C., 1996, I, 3.

¹⁷⁰ X. Hội đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình, *Tóm lược Học thuyết Xã hội của Hội Thánh Công giáo*, 290.

¹⁷¹ X. *ibid.*, 214.

giải trí và nghỉ ngơi, gia đình sẽ suy yếu và người trẻ sẽ khó phát triển tinh thần trách nhiệm. Hơn nữa, điều thiết yếu là phải đầu tư vào giáo dục và tái đào tạo với chi phí phải chăng, để sự linh hoạt nghề nghiệp mà nền kinh tế kỹ thuật số đòi hỏi không trở nên một cuộc sàng lọc khắc nghiệt giữa những người có khả năng cập nhật kỹ năng và những người không có khả năng ấy. Sau cùng, các mối liên kết xã hội cần được nâng đỡ qua những mạng lưới và cộng đồng giáo dục kèm theo các chọn lựa trong cuộc sống, và ngăn chặn không để tình trạng bất định dẫn đến cô đơn hoặc nghiện ngập. Nếu được thực hiện, những biến đổi công nghệ này có thể được thi hành mà không làm suy yếu khả năng xây dựng tương lai, là điều vốn làm cho một xã hội trở nên thịnh vượng.

Bảo vệ tự do trước những lệ thuộc và thương mại hóa

Những sự lệ thuộc và kiểm soát xã hội

170. Sau khi suy tư về chân lý và giáo dục, việc làm và gia đình, giờ đây chúng ta phải xem xét tác động của cuộc cách mạng kỹ thuật số trên sự tự do con người, đồng thời đề cập đến những nguy cơ đối với cả sức khỏe tâm thần của cá nhân lẫn những thách thức rộng lớn hơn của xã hội. Không nên coi thường những hình thức lệ thuộc tinh vi gắn liền với “nền kinh tế số dựa trên sự chú ý của người dùng (digital attention economy)”, bởi vì các nền tảng và dịch vụ thường được thiết kế để thu hút thời gian và sự chú ý của người dùng, khai thác những điểm yếu của họ, và làm suy giảm sự tự do nội tâm. Khi các mô hình kinh doanh phát triển dựa trên sự yếu đuối của con người, thì con người bị đối xử như một phương tiện thay vì một cứu cánh; những người thiết kế hoặc tài trợ cho các hệ thống ấy có một trách nhiệm luân lý không thể bỏ qua. Cần khẩn thiết cổ vũ những công nghệ củng cố tự do nội tâm bằng cách thúc đẩy việc giáo dục về sự tiết độ trong môi trường kỹ thuật số, và bảo vệ trẻ vị thành niên, qua đó chống lại những mô hình khai thác sự mong manh của con người.
171. Một nguy cơ khác, ít dễ thấy hơn, nhưng không kém phần nghiêm trọng, là sự kiểm soát xã hội có thể được thực hiện qua việc thu thập dữ liệu trên quy mô lớn và việc sử dụng các hệ thống thuật toán. Khi mọi hành động — từ việc di chuyển, mua sắm đến các mối liên hệ và những sở thích cá nhân — đều để lại dấu vết, thì một hình thức quyền lực mới xuất hiện, đó là quyền lực nhận diện đặc điểm cá nhân, dự đoán và tác động đến hành vi con người, thường khi chính người liên hệ cũng không hoàn toàn ý thức được điều đó. Nếu những dữ liệu này được sử dụng để đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến những cơ hội cụ thể — chẳng hạn như khả năng tiếp cận tín dụng, việc làm hoặc các dịch vụ thiết yếu — thì sẽ có nguy cơ làm suy yếu sự tự do, và phân biệt đối xử với những người dễ bị tổn thương nhất. Hơn nữa, sự kiểm soát không chỉ được thực hiện bằng những cấm đoán rõ ràng, mà còn qua một cơ chế quyết định điều gì được nhìn thấy và điều gì bị che khuất, điều gì được khuếch đại hay bị làm cho trở nên vô hình, điều gì được khuyến khích hay bị trừng phạt. Tất cả những điều đó cuối cùng hình thành các quan điểm và lựa chọn của con người, từ đó thúc đẩy sự đồng thuận máy móc và tình trạng tự kiểm duyệt. Vì thế, tự do trong thời đại kỹ thuật số không chỉ là một vấn đề nội tâm mà còn là một vấn đề công cộng. Nó đòi hỏi những quy tắc rõ ràng, sự

minh bạch, khả năng khiếu nại và những giới hạn thích đáng đối với việc sử dụng các công nghệ xâm nhập, để công nghệ luôn phục vụ con người chứ không trở thành một hình thức kiểm soát lương tâm.

172. Nằm ở góc rể của những vấn đề này là một não trạng kỹ trị (technocratic) và hậu nhân bản (post-humanist) có khuynh hướng coi con người như một đối tượng để thao túng hoặc một nguồn lực cần được tối ưu hóa,¹⁷² loại bỏ mọi rào cản ngăn chặn việc theo đuổi lợi nhuận một cách vô hạn. Điều chiếm ưu thế là hiệu quả chứ không phải tôn trọng tự do và nhân phẩm. Một số trào lưu hậu nhân bản thậm chí còn đi xa đến độ hình dung những “con người hạng hai”, lệ thuộc vào lợi ích của các tầng lớp ưu tú, là những người tự cho là mình vượt trội hơn. Viễn cảnh đáng lo ngại này càng trở nên nghiêm trọng khi kết hợp với các công cụ công nghệ vốn làm gia tăng theo cấp số nhân khả năng kiểm soát và chọn lựa. Ngay cả một số hình thức mắc nợ có tính cơ cấu, khiến cả một dân tộc phải sống trong tình trạng lệ thuộc, cũng phản ánh cùng một não trạng ấy dưới những hình thức mới, là điều dung túng cho những mối quan hệ lệ thuộc chẳng khác nào chế độ nô lệ.

Phá vỡ xiềng xích của những hình thức nô lệ mới

173. Cái nhìn lệch lạc về con người này ngày nay được phản ánh trong nhiều hình thức nô dịch khác nhau gắn liền với nền kinh tế kỹ thuật số. Không có gì trong thế giới AI là phi vật chất hay có tính pháp thuật. Mỗi câu trả lời có vẻ tức thời và hoàn hảo đều là kết quả của một chuỗi trung gian dài, bao gồm những mạng lưới rộng lớn về tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng năng lượng và trên hết là con người. Một phần đáng kể hoạt động của nền kinh tế kỹ thuật số dựa vào công việc âm thầm của hàng triệu người thực hiện những hoạt động thiết yếu nhưng phần lớn vô hình, như gắn nhãn dữ liệu, huấn luyện mô hình và kiểm duyệt nội dung, thường liên quan đến những tài liệu đáng lo ngại. Trong nhiều trường hợp, những nhân viên này là người trẻ, phần lớn là phụ nữ, làm việc trong những điều kiện khắc nghiệt với mức lương tối thiểu. Thêm vào thứ lao động vô hình ấy, còn có công việc thậm chí khắc nghiệt hơn, là khai thác các nguồn tài nguyên cần thiết để sản xuất các thiết bị và bộ vi xử lý (microprocessor) mà AI phụ thuộc vào. Ở một số khu vực trên thế giới, trẻ em và thiếu niên phải làm việc trong những điều kiện nguy hiểm, nghiền các vật liệu mà từ đó những nguyên tố đất hiếm được lấy ra. Thân thể của những người này bị các vết thẹo, thương tích, tổn hao để dòng chảy tính toán có thể tiếp tục không gián đoạn. Hơn nữa, các mạng lưới tội phạm sử dụng các nền tảng trực tuyến, hệ thống nhắn tin, các phương thức thanh toán ẩn danh và các kỹ thuật phân tích hồ sơ để tuyển mộ, kiểm soát và vận chuyển các nạn nhân của nạn buôn người — rất thường là trẻ vị thành niên — qua đó biến con người thành những “dữ liệu” cần được theo dõi và những “kiện hàng” cần được vận chuyển trong chính những mạch kỹ thuật số đang nâng đỡ phần lớn nền kinh tế toàn cầu. Thực trạng này thách thức lương tâm luân lý của thời đại chúng ta một cách sâu xa. Chỉ viện dẫn hiệu quả hoặc ca ngợi

¹⁷² X. Phanxicô, *Sứ điệp nhân dịp cử hành Ngày Thế giới Giới trẻ vì Hòa bình lần thứ 48* (8 tháng 12, 2014), 4: AAS 107 (2015), 70-71.

những lợi ích của đổi mới là chưa đủ nếu những điều ấy được xây dựng trên một chuỗi bóc lột được cố tình che giấu. Nếu công nghệ hứa hẹn giải phóng nhưng lại tạo ra những hình thức lệ thuộc toàn cầu mới, thì nó đang mâu thuẫn với nguyên tắc căn bản về nhân phẩm.

174. Cuộc chiến chống lại những hình thức nô lệ mới là một phép thử có tính quyết định đối với việc phân định luân lý về AI và cuộc chuyển đổi kỹ thuật số. Tiếp nối truyền thống được khởi xướng từ Đức Lêô XIII, Hội Thánh tái khẳng định sự lên án mạnh mẽ đối với mọi hình thức nô lệ, buôn người và việc thương mại hóa con người. Đồng thời, Hội Thánh nhấn mạnh nhu cầu cấp bách phải suy tư và hành động sao cho phẩm giá bất khả nhượng của mỗi con người và công ích luôn là trọng tâm và mục tiêu của xã hội, cũng như là tiêu chuẩn hướng dẫn mọi chọn lựa cá nhân, xã hội và chính trị. Nếu thiếu sự suy tư mang tính luân lý và nhân bản hóa này, quyền lực càng ngày càng gia tăng của các hệ thống kỹ thuật số có thể dẫn chúng ta đến những tội ác mới không kém phần đáng hổ thẹn so với những tội ác trong quá khứ mà ngày nay chúng ta vẫn lên án, trong khi vẫn tự cho mình là những xã hội “tiên bộ” và “văn minh”.
175. Nạn buôn người phải được nhìn nhận như một hình thức nô lệ đương thời và là một vi phạm nghiêm trọng phẩm giá con người. Không đáp trả cách cương quyết, hoặc dung túng những thực hành ấy dưới bất kỳ hình thức nào, theo một nghĩa nào đó, là trở thành đồng lõa với những tội lỗi của thời đại hôm nay, vốn tương tự như những tội lỗi trong quá khứ khi chế độ nô lệ bị che giấu và biện minh.¹⁷³
176. Trong quá trình phát triển giáo huấn của mình, Hội Thánh đã dần dần đạt tới một ý thức sâu sắc hơn về mức độ nghiêm trọng của những vấn đề này. Đúng là không thể phán xét những biến cố trong quá khứ cách phi lịch sử, như thể những tiêu chuẩn luân lý chỉ được phát triển sau này đã luôn sẵn có từ trước. Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể phủ nhận hoặc giảm nhẹ sự chậm trễ mà cả xã hội lẫn Hội Thánh đã trải qua trong việc lên án tai họa nô lệ. Trong thời cổ đại và Trung cổ, nhiều cá nhân và ngay cả các tổ chức Giáo hội cũng sở hữu nô lệ. Ngay từ đầu thời cận đại, Tòa Thánh Rôma, để đáp ứng những yêu cầu từ các quân vương, đã nhiều lần can thiệp nhằm điều chỉnh và hợp thức hóa các hình thức lệ thuộc, và trong một số trường hợp là việc nô dịch hóa những người “ngoại đạo”.¹⁷⁴ Mãi đến thế kỷ XIX, việc lên án chế độ nô lệ cách chính thức tuyệt đối và phổ quát mới được trình bày một cách minh bạch, đặc biệt dưới triều Đức Lêô XIII.¹⁷⁵ Sự phát triển này là một minh họa rõ ràng cho sự

¹⁷³ X. Ủy ban Thần học Quốc tế, *Ký ức và Hòa giải: Hội Thánh và những Lỗi lầm trong Quá khứ*, Vatican City 2000, 5.3.

¹⁷⁴ As in the Sắc chỉ Giáo hoàng *Sicut Dudum* (13 tháng 1, 1435) và *Etsi Suscepti* (9 tháng 1, 1442) của Đức Eugêniô IV, và trong Sắc chỉ Giáo hoàng *Dum Diversas* (18 tháng 6, 1452) và *Romanus Pontifex* (8 tháng 1, 1455) của Đức Nicholas V. Những nhu cầu chính trị, và đôi khi cả những lợi ích kinh tế, đã lấn át những đòi hỏi của Tin Mừng. Nhu cầu Phúc Âm hóa thường bị tổn hại, hoặc ít ra bị hiểu sai khi bị quy chiếu theo những đòi hỏi của các thế lực trần thế; vì thế, tính chất không thể dung hòa được giữa chế độ nô lệ và lương tâm Kitô giáo đã bị tương đối hóa.

¹⁷⁵ X. Lêô XIII, Thông điệp *In Plurimis* (5 tháng 5, 1888), Acta Lêônis XIII, VIII, Rome, 1889, 169-192. Cần lưu ý rằng, mãi đến năm 1866, Thánh Bộ vẫn còn phân biệt giữa những hình thức bị coi là trái luân lý và những hình thức được coi là không trái luân lý của chế độ nô lệ, mà chưa hoàn toàn lên án chế độ này: Thánh Bộ, Huân thị

tăng trưởng của Hội Thánh trong việc hiểu biết những chân lý trường tồn của Mạc Khải mà Hội Thánh gìn giữ. Mặc dù trong thực hành không phải lúc nào cũng nhất quán — vì chế độ nô lệ đã được dung túng trong một thời gian dài trước khi bị dứt khoát lên án — nhưng xuyên suốt dòng lịch sử vẫn luôn có sự khẳng định liên tục về phẩm giá của mọi con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, dù phải mất mười tám thế kỷ người ta mới nhận ra cách rõ ràng sự bất khả dung hòa hoàn toàn giữa phẩm giá ấy và chế độ nô lệ. Đây là một vết thương trong ký ức Kitô giáo mà chúng ta không thể cho là mình không liên hệ đến.¹⁷⁶ Chúng ta không thể không cảm thấy nỗi đau sâu xa khi nghiền ngẫm về sự đau khổ và nhục nhã vô cùng mà biết bao người đã phải chịu đựng, hoàn toàn tương phản với phẩm giá vô giá của họ như những con người được Chúa yêu thương vô cùng. Vì điều đó, nhân danh Hội Thánh, tôi chân thành cầu xin sự tha thứ.

177. Chính vì lý do ấy mà ký ức về những sự đồng lõa và mù quáng trong quá khứ trước bất công của chế độ nô lệ trở thành một lời mời gọi phải tỉnh thức. Những gì chúng ta đã học được phải được chuyển thành sự phân định và trách nhiệm trong hiện tại. Nếu chúng ta muốn tránh việc trong tương lai lại phải xin tha thứ vì đã không tôn trọng kho tàng phẩm giá con người mà đức tin đòi buộc chúng ta phải bảo vệ, thì ngày hôm nay chúng ta phải lên án cách rõ ràng và mạnh mẽ nạn buôn người dưới mọi hình thức, đồng thời cùng với tất cả những ai dấn thân cho mục tiêu này, để nâng đỡ các nỗ lực cụ thể trong việc phòng ngừa, bảo vệ, giải thoát và phục hồi các nạn nhân.
178. Ngay cả ngày nay, chủ nghĩa thực dân vẫn có những hình thức mới. Nó không còn chỉ thống trị thân xác con người, nhưng còn chiếm đoạt dữ liệu, biến đời sống cá nhân thành thông tin có thể khai thác. Toàn bộ những khu vực, đặc biệt là những nơi đang phải chịu sự mong manh về cơ cấu và có ít tầm quan trọng về địa chính trị, hiện đang bị chi phối bởi một não trạng khai thác mới: đó là việc khai thác dữ liệu y tế, các hồ sơ dịch tễ học, bản đồ di truyền và dữ liệu nhân khẩu học. Những dữ liệu này đã trở thành các “đất hiếm” mới của quyền lực: những dữ liệu thiết yếu mà một khi được tập hợp và phân tích có thể được sử dụng để huấn luyện các mô hình dự báo, hướng dẫn các chiến lược đầu tư, dự đoán các cuộc khủng hoảng, và trên hết là xác định ai và điều gì được coi là quan trọng. Những người kiểm soát dữ liệu y tế của cả một dân tộc — thường được thu thập dưới danh nghĩa trợ giúp, nghiên cứu hoặc đổi mới — nắm giữ một đòn bẩy có tính cơ cấu đối với tương lai, bởi vì họ có thể định hình các nhu cầu và thị trường. Họ cũng có thể quyết định, trước những người khác, ai sẽ được hưởng thuốc men, đầu tư và các biện pháp bảo vệ. Đây chính là một trong những thách thức luân lý cấp bách nhất của thời đại chúng ta: bảo đảm rằng kiến thức được chia sẻ thực sự trở thành một công ích chứ không phải là công cụ thống trị. Điều này đòi hỏi phải trả lại cho con người không chỉ dữ liệu mô tả họ, mà còn cả khả năng quyết định dữ liệu ấy

trả lời các nghi vấn khác nhau của Đức Cha Massaia, Đại diện Tông tòa tại xứ Galla, tháng 4 năm 1866, câu trả lời cho câu hỏi số 15..

¹⁷⁶ X. Thánh Gioan Phaolô II, Tông sắc *Incarnationis Mysterium* (29 tháng 11, 1998), 11: AAS 91 (1999), 139-141.

được sử dụng như thế nào, bởi ai và vì lợi ích của ai. Nếu không, thời đại kỹ thuật số sẽ không phải là thời kỳ hậu thực dân, nhưng là một hình thức thực dân mới.

179. Những hình thức nô lệ mới được thúc đẩy bởi các chuỗi ràng buộc kinh tế và các hạ tầng kỹ thuật số. Vì thế, cần phải hành động trên nhiều mặt trận. Trước hết, các chuỗi cung ứng làm nền tảng cho ngành công nghệ và nền kinh tế kỹ thuật số cần phải trở nên minh bạch hơn, để không một lợi thế cạnh tranh nào được xây dựng trên sự bóc lột bị che giấu. Thứ hai, các doanh nghiệp và nhà đầu tư cần áp dụng những tiêu chuẩn rõ ràng về thẩm định luân lý phòng ngừa (*due diligence*), đặt việc bảo vệ nhân viên, chống lao động cưỡng bức và lượng giá tác động xã hội của các mô hình kinh doanh dựa trên các dữ liệu. Hơn nữa, các nền tảng kỹ thuật số phải hợp tác một cách có trách nhiệm với các cơ quan công quyền và xã hội dân sự, để ngăn ngừa các công cụ truyền thông, thanh toán và phân tích hồ sơ cá nhân trở thành những kênh tuyển mộ và kiểm soát các nạn nhân. Khi những nỗ lực này hội tụ với nhau, môi trường kỹ thuật số có thể được biến đổi từ một không gian khai thác thành một không gian bảo vệ, phòng ngừa và thăng tiến nhân phẩm.

Trách nhiệm chung

180. Những lãnh vực vừa được kể đến — việc tìm kiếm chân lý trong đời sống công cộng, giáo dục trong môi trường kỹ thuật số, sự biến đổi của việc làm, tính mong manh của gia đình và những hình thức nô lệ mới — không phải là những hiện tượng biệt lập. Trái lại, chúng phản ánh một vấn đề chung nằm bên dưới, đó là: nếu công nghệ trở thành tiêu chuẩn tối hậu, con người có nguy cơ bị giản lược thành dữ liệu, thành một mắt xích trong guồng máy hoặc thành một món hàng. Nhưng nếu công nghệ được hội nhập vào một nhân quan khôn ngoan, nó có thể trở nên một công cụ phục vụ sự phát triển, công bằng và tình huynh đệ.
181. Từ viễn tượng này, Học thuyết Xã hội của Hội Thánh kêu gọi một trách nhiệm chung, đòi hỏi những tiến trình này phải được hướng dẫn bằng tầm nhìn xa trông rộng bởi những định chế có khả năng quản lý mà không bóp nghẹt, bảo vệ mà không chiếm đoạt; bởi những doanh nghiệp nhìn nhận việc làm và phẩm giá như những tiêu chuẩn của thành công; bởi các tổ chức trung gian và các cộng đồng giáo dục có khả năng tái lập sự tín nhiệm và các mối liên hệ; và bởi những công dân biết vun đắp trách nhiệm, sự tiết độ, khả năng phân định và lòng yêu mến chân lý. Chỉ bằng cách ấy, sự đổi mới mới có thể thực sự phục vụ sự phát triển toàn diện con người thay vì trở thành nguồn gốc của sự loại trừ và thống trị. Và chỉ bằng cách ấy, lời hứa của tiến bộ mới có thể được nhìn nhận là đích thực, bởi vì nó được đo lường theo phẩm giá bất khả xâm phạm của mỗi người nam và người nữ.

CHƯƠNG V

NỀN VĂN HÓA QUYỀN LỰC VÀ NỀN VĂN MINH TÌNH THƯƠNG

182. Sau khi xem xét cách thức mà AI đang biến đổi một số khía cạnh của đời sống và xã hội, đặc biệt là những hệ lụy nghiêm trọng đối với phẩm giá con người, giờ đây chúng ta phải hướng sự chú ý đến một vấn đề còn bi thảm hơn nữa, đó là chiến tranh. Ở đây, câu hỏi không đơn thuần là hiệu suất của các công cụ mới, mà còn là nguy cơ công nghệ khi tách rời khỏi đạo đức và trách nhiệm sẽ làm cho các quyết định sinh tử trở nên nhanh chóng và phi nhân hơn, đồng thời biến việc sử dụng vũ lực thành một lựa chọn tức thì và khả thi. Trong một thế giới càng ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, hòa bình không chỉ đơn thuần là một vấn đề trong số những vấn đề khác, mà là điều kiện tiên quyết cho công ích phổ quát và thước đo sự trưởng thành về đạo đức của các dân tộc, đặc biệt là những người có trách nhiệm cai trị.
183. Cuộc cách mạng kỹ thuật số đang thay đổi bản chất của các xung đột. Bên cạnh chiến tranh truyền thống, đã xuất hiện các hình thức hỗn hợp như tấn công mạng, thao túng thông tin, các chiến dịch gây ảnh hưởng và việc tự động hóa các quyết định chiến lược. AI đóng vai trò như một nhân tố thúc đẩy trong các tiến trình này, đặc biệt là trong bối cảnh mà nhiều công nghệ vốn mang tính lưỡng dụng (có thể dùng cho cả mục đích tốt lẫn xấu). Do đó, những gì được tạo ra để phòng thủ có thể nhanh chóng bị chuyển đổi công năng sang tấn công, và ranh giới mong manh giữa bảo vệ và xâm lược trở nên mờ nhạt. Dù AI có thể tăng cường khả năng phòng thủ và bảo vệ thường dân, nó cũng có thể hạ thấp ngưỡng cửa sử dụng vũ lực, che chắn con người khỏi trách nhiệm và dung dưỡng một nền văn hóa mà trong đó kẻ thù bị giảm xuống thành một con số thống kê, và nạn nhân trở thành "thiệt hại ngoài ý muốn". Đối mặt với những biến đổi này, chúng ta phải nhắc nhớ các nguyên tắc của Học thuyết Xã hội, nhân phẩm, công ích, mục tiêu phổ quát của của cải, tính hỗ trợ, tính liên đới và công lý, vì đó là những tiêu chuẩn để phán đoán xem liệu công nghệ có đang thực sự phục vụ nhân loại hay đang khuất phục họ. Do đó, chúng ta nên coi các nguyên tắc này như những hướng dẫn cho việc đưa ra quyết định của mình.
184. Vì vậy, trong chương này, tôi sẽ so sánh hai cách tiếp cận đối lập nhau mà tôi đã gọi lên qua hình ảnh Thánh Kinh trong phần Mở đầu. Một bên là sự căm dỗ xây dựng Tháp Babel, dựa vào quyền lực và sự kiêu ngạo. Bên kia đòi hỏi sự kiên nhẫn để tái thiết Giêrusalem "từng viên gạch một", như thời ngôn sứ Nehemia, bằng cách bảo vệ nhân loại và lợi ích chung.
185. Nếu xem xét các động lực toàn cầu, chúng ta có thể nhận thấy rõ ràng hơn sự lan rộng của một nền văn hóa quyền lực có tính đặc trưng của sự phân cực và bạo lực. Tháp Babel hiện đại không chỉ được nhìn thấy trong mô hình kỹ trị toàn cầu hóa, mà còn trong cuộc đụng độ từ xa giữa các chủ nghĩa đế quốc đối lập, giữa các cường quốc muốn bảo tồn quyền tối thượng của mình và những thế lực khát khao giành lấy quyền tối thượng đó, dẫn đến vô số xung đột cục bộ. Hơn nữa, dường như không có giới hạn nào cho cuộc đua — vốn được thúc

đẩy bởi một tham vọng phi nhân — nhằm phát triển các công nghệ càng ngày càng mạnh mẽ hơn hoặc nhằm đảm bảo quyền kiểm soát chúng. Tuy nhiên, bất chấp vòng xoáy đi xuống này, chúng ta vẫn có thể thoáng thấy một phần lớn nhân loại đang nỗ lực để giữ gìn nhân tính và làm việc để xây dựng thành thánh của sự chung sống và hòa bình. Trớ trêu thay, chúng ta thường là những thợ xây vô tình và những kiến trúc sư vụng về của thành đô này, có khả năng thực hiện những nghĩa cử hào phóng nhưng lại thiếu một tầm nhìn tổng thể. Dự án xây dựng này chậm hơn, ít dễ thấy hơn và ít hào nhoáng hơn, đang chờ đợi một sự thấu hiểu tốt hơn và sự phối hợp lớn hơn để có thể trở thành trách nhiệm có ý thức và rõ ràng của mọi cộng đồng, từ các gia đình cho đến các Quốc gia, và các mối quan hệ giữa các Quốc gia. Chính triển vọng dân thân này, công trường xây dựng niềm hy vọng này, là điều chúng ta gọi là "nền văn minh tình thương".

Nền văn minh tình thương trong kỷ nguyên kỹ thuật số

186. Khi Thánh Giáo hoàng Phaolô VI đặt ra cụm từ "nền văn minh tình thương"¹⁷⁷, thế giới đang ở giữa thời kỳ Chiến tranh Lạnh, chạy đua vũ trang và bất ổn kinh tế trầm trọng. Trong bối cảnh đó, Hội Thánh đã đề ra một con đường thay thế cho con đường đôi đầu ý thức hệ giữa các hệ thống, và hình dung ra một trật tự xã hội trong đó công lý và bác ái đan quyện vào nhau, và tình thương trở thành nguyên tắc dẫn đường cho đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa. Ngày nay, chúng ta phải kiên quyết khôi phục tầm nhìn này, vì nền văn minh tình thương không phải là một điều không tưởng và ngây thơ, mà là một dự án đòi hỏi khát khe, bao gồm việc chuyển hóa bác ái thành các cấu trúc của công lý, tạo hình thức thể chế cho tình huynh đệ và coi những người khác — dù là cá nhân hay các dân tộc — như những đồng minh cần thiết để xây dựng công ích. Như Thông điệp *Fratelli Tutti* đã nhắc nhở chúng ta, chỉ có tình yêu xã hội này mới có thể trở thành một nền văn hóa và một chuẩn mực, và từ đó mang lại một trật tự quốc tế ổn định, biến sự chung sống vũ trang đơn thuần tuý thành một cộng đồng với một tương lai chung.¹⁷⁸
187. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, nhận định này càng cho thấy ý nghĩa nền tảng của nó. Các mạng lưới kỹ thuật số, nền kinh tế toàn cầu hóa và sự phát triển của AI tạo ra các mối ràng buộc càng ngày càng chặt chẽ hơn, liên kết, theo thời gian thực, các quyết định được đưa ra ở một nơi với những hệ quả mà chúng tạo ra ở những nơi khác. Theo nghĩa này, những lời của *Công đồng Vaticanô II* về sự phụ thuộc lẫn nhau càng ngày càng gia tăng giữa các dân tộc vẫn mang tính thời sự, vì công ích đang có một chiều kích càng ngày càng phổ quát, với các quyền và nghĩa vụ liên quan đến toàn thể gia đình nhân loại.¹⁷⁹ Do đó, dự án về một nền văn minh tình thương phải đảm nhận nhiệm vụ chuyển hóa sự phụ thuộc lẫn nhau có tính áp đặt này thành một sự liên đới có tính tự nguyện và được lựa chọn. Đây chính là nguyên tắc dẫn đường cho các tiến trình công nghệ. Trí tuệ nhân tạo giúp chúng ta hiệu quả hơn hoặc kết nối hơn thì chưa đủ; nó còn phải phục vụ cho việc xây dựng một gia đình

¹⁷⁷ X. Thánh Phaolô VI, *Kinh Truyền Tin* (17 tháng 5, 1970): *Insegnamenti di Paolo VI*, vol. VIII, 506.

¹⁷⁸ X. Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 183: AAS 112 (2020), 1033-1034.

¹⁷⁹ X. Công đồng Chung Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, 26: AAS 58 (1966), 1046-1047.

nhân loại phổ quát, với các quyền và nghĩa vụ chung, trong đó sự gần gũi kỹ thuật số trở thành một cơ hội thực sự cho việc gỡ gỡ và chăm sóc lẫn nhau.

Nền văn hóa quyền lực

188. Trong thời đại chúng ta, một nền văn hóa quyền lực đang ngự trị, trong đó sự sẵn có của các nguồn lực và khả năng thống trị có khuynh hướng áp đặt các chương trình nghị sự và tiêu chuẩn cho việc đưa ra quyết định. Bằng cách này, lợi ích chung của nhân loại bị đẩy lùi vào hậu trường và bị kịch cụ thể của các dân tộc trong chiến tranh bị hạ xuống thành một cân nhắc thứ yếu so với các lợi ích chiến lược. Nền văn hóa quyền lực này xâm nhập vào xã hội, thay đổi các mối quan hệ và hành vi, và lớn mạnh bằng cách bình thường hóa chiến tranh, theo đuổi sức mạnh quân sự càng ngày càng lớn hơn, tận dụng cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa đa phương và nuôi dưỡng một thứ chủ nghĩa hiện thực sai lầm, vốn khẳng khái rằng không có sự lựa chọn nào khác.

Sự bình thường hóa chiến tranh

189. Vào năm 1965, những lời của Thánh Giáo hoàng Phaolô VI đã vang lên mạnh mẽ tại Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc: "Đừng bao giờ có chiến tranh nữa, đừng bao giờ có chiến tranh nữa!"¹⁸⁰ Chúng ta phải thừa nhận rằng, bất chấp những mong muốn và tuyên bố vì hòa bình, sáu mươi năm qua đã bị ghi dấu bởi các xung đột với sự tàn bạo đáng kinh ngạc, thường ảnh hưởng đến các thường dân trên một bình diện rộng lớn, dẫn đến cái chết của các nạn nhân vô tội, di dân hàng loạt, bất ổn xã hội và những vết thương lâu dài. Tuy nhiên, trên diễn ngôn công cộng, từng có một niềm tin phổ quát rằng chiến tranh chỉ nên là giải pháp cuối cùng, phải tuân theo các giới hạn đạo đức và pháp lý nghiêm ngặt, và luôn định hướng theo một tầm nhìn chính trị về hòa bình. Tiếp theo những bước phát triển trong giai đoạn ngay sau Đệ nhất Thế chiến, một bước ngoặt đã xảy ra sau Đệ nhị Thế chiến: hòa bình đã được đặt làm trọng tâm của trật tự quốc tế, như được chứng thực đặc biệt trong Hiến chương Liên Hiệp Quốc, với ý định "cứu thế hệ mai sau khỏi thảm họa chiến tranh,"¹⁸¹ Tương tự như vậy, hiến pháp của nhiều quốc gia đã hạn chế việc sử dụng vũ lực trong các hoàn cảnh cực đoan và bị giới hạn nghiêm ngặt. Ngay cả trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, bất chấp sự tồn tại của các xung đột nghiêm trọng, ý thức rằng phải tránh một cuộc thế chiến mới bằng mọi giá vẫn luôn hiện hữu.

190. Tuy nhiên, ngày nay chúng ta đang chứng kiến một sự thay đổi mô thức thực sự trong các cuộc thảo luận công cộng và trong các quyết định liên quan đến việc tái vũ trang, với sự hồi sinh đáng lo ngại của chiến tranh như một công cụ của chính trị quốc tế, trong khi chính những nguyên tắc luân lý vốn trước đây đã từng giới hạn việc sử dụng chiến tranh lại đang bị suy giảm. Các xung đột khu vực kéo dài theo thời gian, căng thẳng leo thang và các sự đe dọa lẫn nhau đang trở thành chuyện gần như bình thường, và các hình thức xung đột được thúc đẩy bởi khát vọng bành trướng lãnh thổ, vốn được cho là đã thuộc về quá khứ, nay lại

¹⁸⁰ Thánh Phaolô VI, *Diễn văn trước Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc khóa 20* (4 tháng 10, 1965): AAS 57 (1965), 881.

¹⁸¹ Liên Hiệp Quốc, *Hiến chương Liên Hiệp Quốc*, San Francisco (26 tháng 6, 1945), Preamble.

đang tái xuất hiện. Các tường thuật truyền thông có tính phân cực, thường được khuếch đại bởi các thuật toán ưu tiên cho xung đột và đối đầu, đang dần hình thành và điều kiện hóa dư luận quần chúng.

191. Chúng ta cũng đang chứng kiến một sự mất mát đáng lo ngại về ký ức lịch sử, khi những nhân chứng trực tiếp của nạn diệt chủng Holocaust và hai cuộc Thế chiến đang dần biến mất. Điều này dẫn đến việc viết lại quá khứ một cách có chọn lọc hoặc bóp méo, trong một bối cảnh mà các tin giả và sự thao túng các câu chuyện che mờ các bài học đã được rút ra. Không có một ký ức sống động về những nỗi kinh hoàng của chiến tranh, các quyết định chính trị có nguy cơ được đưa ra chỉ dựa trên quyền lực, mà không có bất kỳ sự cân nhắc nào cho những hậu quả lâu dài.
192. Đối với tất cả những điều này, các chiêu kích truyền thông và kỹ thuật số đang thêm vào các yếu tố mới và có tính quyết định. Các mạng lưới truyền thông, các môi trường thông tin bị phân mảnh và các thuật toán vốn ưu tiên các nội dung gây xung đột có thể phóng đại sự phân cực và oán hận, gia tăng tuyên truyền và làm cho việc phân định chung trở nên khó khăn hơn. Do đó, chiến tranh không chỉ được chiến đấu bằng vũ lực, mà còn bị điều kiện hóa về mặt văn hóa qua các tường thuật đơn giản hóa, tâm lý bạn-hay-thù, thông tin sai lệch và sự sợ hãi. Khi ký ức lịch sử phai mờ và các nguyên tắc đạo đức bảo vệ thường dân cũng như những người dễ bị tổn thương nhất bị suy yếu, việc biện minh cho bạo lực là điều cần thiết, không thể tránh khỏi hoặc thậm chí là "đã được thanh lọc" trở nên dễ dàng hơn. Chính trong bối cảnh này, nhân loại đang trượt dài vào một nền văn hóa quyền lực bạo tàn, trong đó hòa bình không còn xuất hiện như một trách nhiệm phải gánh vác, mà là một cuộc đing chiến mong manh giữa các cuộc xung đột. Ngày nay, hơn bao giờ hết, mà không làm tổn hại đến quyền tự vệ theo nghĩa nghiêm ngặt nhất, điều quan trọng là phải tái khẳng định rằng học thuyết "chiến tranh chính nghĩa", vốn đã quá thường xuyên bị lạm dụng để biện minh cho bất kỳ loại chiến tranh nào, giờ đây đã lỗi thời¹⁸². Nhân loại sở hữu những công cụ hiệu quả và có khả năng hơn nhiều để thăng tiến sự sống con người và giải quyết xung đột, chẳng hạn như đối thoại, ngoại giao và tha thứ. Việc sử dụng vũ lực, bạo lực và vũ khí phản ánh một sự nghèo nàn trong mối quan hệ vốn luôn để lại những hệ lụy thảm khốc cho quần chúng thường dân.

Sức mạnh không giới hạn

193. Sự phát triển của tổ hợp công nghiệp-quân sự đã trở thành một đặc điểm định hình bối cảnh chính trị hiện nay và đã trở nên một ngành then chốt trong nền kinh tế của nhiều quốc gia

¹⁸² X. Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 258: AAS 112 (2020), 1061: "Trong những thập niên gần đây, mọi cuộc chiến tranh đơn lẻ dường như đều được "biện minh" một cách bề nổi. Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo có nói đến khả năng tự vệ chính đáng bằng lực lượng quân sự, điều này đòi hỏi phải chứng minh được rằng một số "điều kiện nghiêm ngặt về tính hợp pháp luân lý" đã được đáp ứng. Thế nhưng, người ta rất dễ rơi vào một cách giải thích quá rộng rãi về quyền tiềm năng này. Bằng cách đó, một số người cũng sẽ biện minh một cách sai lầm cho cả các cuộc tấn công "phòng ngừa" hoặc các hành vi chiến tranh mà khó có thể tránh khỏi việc kéo theo "những tác hại và hỗn loạn nghiêm trọng hơn chính sự dữ cần phải loại bỏ."

khác nhau. Mỗi liên kết chặt chẽ giữa các lợi ích kinh tế, bộ máy quân sự và các quyết định chính trị tạo ra một "quốc gia vũ trang", trong đó chiến tranh xuất hiện như một phần mở rộng tự nhiên của chính trị, và thị trường vũ khí trở thành một động lực tự trị đằng sau các quyết định quân sự. Chúng ta cũng không thể phớt lờ các lợi ích kinh tế khổng lồ đằng sau chiến tranh. Ngành công nghiệp vũ khí, và các quốc gia cung cấp vũ khí, thu lợi nhuận từ một thị trường phát triển rất mạnh chính nhờ vào các cuộc xung đột. Theo nghĩa này, cũng có những lợi ích tài chính góp phần thúc đẩy những căng thẳng ở các khu vực khác nhau trên thế giới.

194. Các kho vũ khí quân sự đang nhận được sự chú ý trở lại. Trong quá khứ, việc nhận thức được mối đe dọa từ các loại vũ khí có khả năng hủy diệt toàn thể nhân loại đã thúc đẩy các con đường hướng tới giảm bớt căng thẳng và đàm phán giải trừ quân bị. Tiếc thay, cách tiếp cận này đã bị bỏ lại phía sau, và sự tiến hóa của các kho vũ khí hạt nhân — bao gồm cả triển vọng sử dụng "chiến thuật" của nó — làm cho việc sử dụng các loại vũ khí như vậy có vẻ ít bất khả thi hơn trước. Trong bối cảnh này, Hiệp ước Cấm Vũ khí Hạt nhân, có hiệu lực vào năm 2021 với sự ủng hộ của hơn bảy mươi quốc gia, là một bước đi quan trọng. Tuy nhiên, nó có nguy cơ phần lớn chỉ có tính biểu tượng vì các cường quốc hạt nhân lớn đã không đồng ý tham gia. Điều này dẫn đến niềm tin sai lầm nhưng lan rộng rằng răn đe hạt nhân là một điều kiện tiên quyết không thể thiếu được cho sự an ninh. Điều này cũng góp phần vào một cuộc tranh đua vũ trang mới, vốn khó kiểm soát và đi kèm với việc dỡ bỏ dần các thỏa thuận cắt giảm hạt nhân, cũng như phát triển các vũ khí "thu nhỏ", khiến việc sử dụng chúng dường như là một lựa chọn khả thi hơn.
195. Lý luận tương tự cũng áp dụng cho chiến tranh truyền thống. Lực lượng quân sự, các sáng kiến ngoại giao yếu ớt và sự phức tạp của các lợi ích liên quan góp phần vào các xung đột có khuynh hướng trở nên kéo dài, với chi phí cực kỳ cao về nhân lực và môi trường. Khởi đầu một cuộc chiến dễ dàng hơn nhiều so với việc chấm dứt nó, vậy mà, cuộc thảo luận về phòng ngừa xung đột vẫn có tính bên lề một cách bi thảm.
196. Tình hình càng trở nên bất ổn do sự hiện diện của các tác nhân vũ trang mới, chẳng hạn như các nhóm thánh chiến, dân quân tư nhân và các mạng lưới tội phạm đánh dấu sự chấm dứt quyền độc quyền sử dụng vũ lực của Chính quyền. Thường các nhóm này đan xen các động cơ ý thức hệ mơ hồ với các lợi ích kinh tế cụ thể, biến chiến tranh thành một "lối sống" cho cả thế hệ thanh thiếu niên và trẻ em. Ở đây, mục tiêu không còn là một chiến thắng dứt điểm, mà là sự kéo dài xung đột như một nguồn quyền lực và thu nhập.

Vũ khí và trí tuệ nhân tạo

197. Tình hình được đề cập ở trên gắn liền với sự phát triển không ngừng của các hệ thống vũ khí, đặc biệt là những hệ thống có sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Trong thời gian gần đây, Tòa Thánh đã nhận định rằng việc triển khai các hệ thống vũ khí tự động càng ngày càng trở nên dễ dàng hơn đang làm cho chiến tranh có vẻ "dễ thực hiện" hơn, đồng thời càng ngày càng ít chịu sự kiểm soát trực tiếp của con người. Điều này vi phạm nguyên tắc rằng quân

lực chỉ nên được sử dụng như một giải pháp cuối cùng trong các trường hợp tự vệ chính đáng.¹⁸³ Vì lý do này, việc phát triển và sử dụng AI trong chiến tranh phải chịu những ràng buộc đạo đức nghiêm ngặt nhất, để đảm bảo sự tôn trọng phẩm giá con người và tính thánh thiêng của sự sống, đồng thời tránh một cuộc đua phát triển các loại vũ khí như vậy.¹⁸⁴

198. Đôi khi có người nói về "các tác nhân đạo đức nhân tạo", như thể máy móc có khả năng phân biệt giữa đúng và sai một cách nhất quán hơn một con người. Tuy nhiên, phán đoán đạo đức không thể bị giảm xuống thành tính toán, vì nó liên quan đến lương tâm, trách nhiệm cá nhân và việc nhận ra người khác như một con người. Do đó, không được phép phó thác các quyết định chết người hoặc các quyết định gây ra những hậu quả không thể đảo ngược cho các hệ thống nhân tạo. Không thuật toán nào có thể làm cho chiến tranh trở nên chấp nhận được về mặt luân lý. AI không loại bỏ tính phi nhân vốn có của xung đột; thực ra nó chỉ có thể làm cho xung đột xảy ra nhanh hơn và ngày càng trở nên phi nhân hơn, hạ thấp ngưỡng cửa sử dụng bạo lực, biến phòng thủ thành dự đoán các mối đe dọa, và do đó hạ các nạn nhân xuống thành dữ liệu. Bằng cách này, nó sẽ tập cho chúng ta quen với ý nghĩ rằng bạo lực là điều không thể tránh khỏi và chỉ cần được tối ưu hóa. Điều đó không làm giảm bớt tầm quan trọng của việc truyền dẫn, trong mức độ có thể, các giá trị và phán đoán đúng đắn vào các hệ thống nhân tạo mà chúng ta xây dựng, để chúng có thể đóng góp vào một hệ sinh thái đạo đức, mà trong đó con người có khả năng lắng nghe lương tâm của chính họ tốt hơn, cũng như cho phép các mô hình AI thiết lập các ranh giới phù hợp.
199. Chỉ kêu gọi một loại đạo đức chung chung là chưa đủ. Các tiêu chuẩn cụ thể cho việc phân định phải được thiết lập. Tiêu chuẩn thứ nhất liên quan đến trách nhiệm cá nhân. Khi một quyết định tấn công trở nên tự động hóa hoặc mơ hồ, nguy cơ chối bỏ trách nhiệm sẽ tăng lên. Vì lý do này, chuỗi trách nhiệm phải có thể nhận diện và có thể kiểm chứng được; những người thiết kế, huấn luyện, cấp phép và sử dụng công nghệ phải chịu trách nhiệm về các quyết định của họ. Tiêu chuẩn thứ hai liên quan đến khung thời gian đạo đức để đưa ra phán đoán. Trong khi AI có khuynh hướng đẩy nhanh các tiến trình đưa ra quyết định, tốc độ và hiệu suất không bao giờ được là động lực tối cao cho các quyết định không thể đảo ngược được đưa ra trong bối cảnh chiến tranh. Tiêu chuẩn thứ ba là nhận diện và bảo vệ thường dân. Bất kỳ công nghệ nào tạo điều kiện cho các cuộc tấn công mà không nhìn thấy khuôn mặt của con người đều làm hạ thấp ngưỡng cửa đạo đức của xung đột. Việc lựa chọn mục tiêu và sử dụng vũ lực không được nhằm lẫn giữa binh lính và người không tham chiến, cũng như phải nghĩ đến tác động trên quần chúng không có khả năng tự vệ.
200. Các tiêu chuẩn này đưa đến một số đòi hỏi không thể thương lượng được. Thứ nhất, tất cả các hệ thống được sử dụng trong bối cảnh chiến tranh phải đảm bảo khả năng truy vết và tái dựng các tiến trình đưa ra quyết định, để trách nhiệm giải trình và lỗi lầm không bị đổ hoàn toàn cho "máy móc". Thứ hai, quyết định sử dụng vũ lực gây chết người không thể được ủy

¹⁸³ X. Bộ Giáo lý Đức tin – Bộ Văn hoá và Giáo dục, Ghi chú *Antiqua et Nova* (14 tháng 1, 2025), 99: AAS 117 (2025), 202-203.

¹⁸⁴ X. *ibid.*, 103: AAS 117 (2025), 204.

quyền cho các tiến trình mơ hồ hoặc tự động hóa, mà phải nằm dưới sự kiểm soát hiệu quả, tự ý thức và có trách nhiệm của con người. Cuối cùng, điều cấp bách là phải thiết lập một khuôn khổ chung — cả ở cấp độ quốc tế — nhằm kiểm chế cuộc chạy đua vũ trang công nghệ và đảm bảo sự bảo vệ mạnh mẽ cho thường dân và các cơ sở hạ tầng cần thiết cho sự sống còn của họ.

Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa đa phương

201. Nền văn hóa quyền lực cũng xuất phát từ cuộc khủng hoảng của hệ thống đa phương. Các thể chế được thành lập để bảo vệ khái niệm về một tương lai chung cho tất cả các dân tộc và một lợi ích chung toàn cầu dường như đã bị suy yếu. Điều này không chỉ do những giới hạn về cấu trúc, mà còn do sự thiếu vắng thường xuyên ý chí chung để hỗ trợ và cải cách chúng, hoặc để công nhận thẩm quyền đạo đức của chúng. Thay vì đạt được tiến bộ, chúng ta đang thụt lùi so với bước ngoặt quan trọng của thế kỷ thứ hai mươi. Sau năm 1989, sự sụp đổ của các chế độ cộng sản ở châu Âu được theo sau bởi một sự toàn cầu hóa chủ yếu về kinh tế, vốn thiếu một khuôn khổ chính trị đầy đủ có khả năng duy trì đối thoại và hòa bình. Một niềm tin gần như mù quáng đã được đặt vào khả năng của thị trường trong việc tạo ra sự thịnh vượng, dân chủ và ổn định. Trên thực tế, thay vì tự động tạo ra sự thống nhất và hòa bình, việc toàn cầu hóa đã kích động các phản ứng có tính cực đoan, dựa trên bản sắc và chủ nghĩa dân tộc. Kết quả hoàn toàn xa vời là chủ nghĩa đa phương đích thực; thay vào đó, một tình trạng đa cực thiếu trật tự và đầy xung đột đã xuất hiện, trong đó tinh thần nghi kỵ đang chiếm ưu thế.
202. Đồng thời, một cảm dỗ mới đã tái xuất hiện là bịa ra một căn tính tập thể dựa trên sự đối lập với kẻ thù, được thúc đẩy bởi những tường thuật trong đó mỗi bên tự coi mình là nạn nhân và do đó có quyền được bồi thường hoặc phạt báo oán (retribution). Việc giảm thiểu các vấn đề phức tạp thành các phạm trù đơn giản hóa — "tôi là trên hết", "bạn hay thù", "chúng ta hay họ" — tạo điều kiện cho các quyết định thường thiếu trách nhiệm và làm xói mòn lòng tin lẫn nhau giữa các quốc gia. Sức mạnh của luật pháp quốc tế do đó bị thay thế bởi tuyên bố rằng "lý kẻ mạnh là lý phải". Hậu quả là, các tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa các Quốc gia hoặc xử lý các tội ác chiến tranh thường bị suy yếu hoặc bị lờ đi, để lại những hệ lụy tàn phá đối với văn hóa chính trị và sự gắn kết xã hội.¹⁸⁵
203. Trong bối cảnh này, việc xây dựng hòa bình đã bị đẩy xuống vai trò thứ yếu. Hợp tác vì sự phát triển, giải trừ quân bị, phòng ngừa xung đột và thiết lập lòng tin lẫn nhau bị bỏ bê nhân danh chính trị quyền lực. Những thành tựu của luật nhân đạo cũng đang bị tổn thương. Thực vậy, nguyên tắc tương xứng trong việc đáp trả hành vi xâm lược, việc bảo vệ quyền tiếp cận nguồn nước, thực phẩm và các nhu yếu phẩm, và sự tôn trọng mạng sống của thường dân, đặc biệt là trẻ em, lại bị coi là những tàn tích ngây thơ của quá khứ.

¹⁸⁵ X. Diễn từ dành cho các đại biểu tham dự Phiên họp toàn thể của "Hiệp hội các cơ quan viện trợ các Giáo hội Đông phương (ROACO)" (26 tháng 6, 2025): AAS 117 (2025), 847-849.

Một chủ nghĩa hiện thực chính trị giả định

204. Chúng ta đang sống trong một thời kỳ mù quáng đáng kể về tinh thần và văn hóa. Một thứ chủ nghĩa thực dụng sai lầm thôi thúc chúng ta cắt đứt cội nguồn lịch sử của mình, như thể có thể khai mào một loại "sáng tạo mới" tách rời khỏi quá khứ. Ngay cả những người viện dẫn các nguyên tắc đạo đức quan trọng cũng có thể rơi vào thứ chủ nghĩa hư vô lịch sử này, khi lầm tưởng rằng những sự tàn bạo của thế kỷ thứ hai mươi không bao giờ có thể xảy ra nữa. Tuy nhiên trong thực tế, chính những động lực đó đang trỗi dậy dưới những diện mạo mới. Ý tưởng cân bằng và răn đe vũ trang dường như đang tự tái khẳng định. Tuy nhiên ngày nay, trái ngược với động lực hai bên của Chiến tranh Lạnh, sự gia tăng của các gián điệp và chiến trường làm cho ý tưởng này càng ngày càng trở nên mong manh. Các xung đột leo thang dẫn đến các cuộc chiến tranh bất cân xứng và "hỗn hợp", được chiến đấu không chỉ trên chiến trường mà còn trên các mặt trận kinh tế, tài chính và không gian mạng, nơi thông tin sai lệch và các chiến dịch nuôi dưỡng nỗi sợ hãi của con người được sử dụng để thao túng dư luận. Ở nhiều quốc gia, bao gồm cả những quốc gia ở Nam Bán cầu, việc gia tăng chi tiêu quân sự được trình bày như là đáp ứng duy nhất đối với một tương lai bất định hoặc các mối đe dọa được người ta cảm thấy. Trong khi đó, chi phí thực tế lại đè nặng lên những người nghèo nhất, những người thấy các nguồn lực dành cho y tế, giáo dục và các dịch vụ xã hội bị cắt giảm.
205. Cốt lõi của các vấn đề này là một chủ nghĩa hiện thực sai lầm, dựa không chỉ trên nỗi trạng thống trị của vũ lực, mà còn trên niềm tin văn hóa và nhân chủng học rằng, chiến tranh là một phần không thể tránh được của bản tính con người. Người ta nói rằng mọi thứ luôn luôn như vậy, trừ những khoảng ngưng chiến tạm thời, và sẽ luôn luôn như vậy! Kết quả là, mỗi bận tâm không còn là việc tìm kiếm hòa bình — vốn đã bị mất đi như một điểm tham chiếu trên trường quốc tế — mà là làm thế nào và khi nào thì thực hiện hành động quân sự. Chính lập luận này duy trì quan điểm rằng, sẽ là vô trách nhiệm nếu không chuẩn bị cho xung đột. Tuy nhiên, tôi muốn lập luận rằng, điều thực sự vô trách nhiệm chính là *Realpolitik*, hình thức "chủ nghĩa hiện thực" chính trị gieo rắc vào lương tâm và xã hội một thái độ cam chịu trước tính không thể tránh được của chiến tranh, và bác bỏ hòa bình cũng như đối thoại như những lập trường không tưởng hoặc phi lý, vốn phớt lờ các rủi ro liên quan. Trên thực tế, hòa bình không phải là một niềm hy vọng ngây thơ, cũng không đơn thuần là sự vắng bóng chiến tranh; thay vào đó, nó luôn khả thi như là hoa quả của công lý và bác ái.
206. Trong một bầu không khí như vậy, chủ nghĩa hư vô và chủ nghĩa thực dụng đan quyện vào nhau và cuối cùng bình thường hóa các sai lầm nghiêm trọng. Chủ nghĩa cực đoan tôn giáo và sự cuồng tín dựa trên bản sắc liên minh với các chính sách kinh tế phi lý, trong khi chính trị thường quay về phía thông tin sai lệch và chế giễu đối thủ, đồng thời nuôi dưỡng các nỗi sợ hãi và oán hận một cách có hệ thống. Do đó, sự đa dạng càng ngày càng bị coi như một mối đe dọa, điều này thúc đẩy khát vọng chiếm hữu, ý muốn thống trị, các tham vọng bá

quyền, lạm dụng quyền lực và một nỗi sợ hãi đối với những người khác mình, từ đó tạo ra một môi trường trong đó các xung đột mới có thể phát triển một cách gần như vô hình.¹⁸⁶

207. Đây chính là mảnh đất màu mỡ cho những cuộc chiến tranh mới, có lẽ còn nguy hiểm hơn những cuộc chiến trong quá khứ, vì chúng có khuynh hướng coi thường mọi giới hạn đạo đức. Những gì từng bị coi là không thể chấp nhận được, giờ đây có thể được thực hiện hầu như không chút do dự, trong khi phản ứng quốc tế càng ngày càng bị ảnh hưởng bởi lợi ích của từng Quốc gia riêng lẻ hơn là bởi mức độ nghiêm trọng khách quan của các tình huống. Các quyết định giờ đây dường như được thúc đẩy gần như duy nhất bởi các tính toán kinh tế, được biện minh qua các sự bóp méo về truyền thông, sự nhiệt tình được dàn dựng và những "giấc mơ" vốn chắc chắn sẽ tan vỡ, tạo ra sự thất vọng và bạo lực sâu sắc hơn. Khi con người tin rằng không có gì là thực sự chân thật và các nguyên tắc chỉ là những lời nói rỗng tuếch, thì ngòi nổ trong tim họ đã được thắp lên cho những đợt bùng phát mới của sự bất khoan dung và hung hãn.
208. Trong các tình cảnh này, vấn đề về các biện pháp bảo vệ cụ thể để ngăn ngừa bạo lực trong tương lai vẫn là một câu hỏi bỏ ngỏ. Khi một nền văn hóa bình thường hóa và biện minh cho xung đột, một con đường nguy hiểm mở ra, ở chỗ những gì dường như không thể tưởng tượng nổi ngày hôm nay có thể trở nên chấp nhận được ngày mai nhân danh sự hữu dụng hoặc an ninh. Ở các quốc gia bị đánh dấu bởi các căng thẳng xã hội nghiêm trọng, chúng ta không thể loại trừ khả năng một số nhà lãnh đạo có thể coi xung đột vũ trang như một cách hiệu quả để chuyển hướng sự chú ý khỏi các vấn đề nội bộ, và là một công cụ bất chấp đạo lý để quản lý các khó khăn.
209. Một trách nhiệm đặc biệt đè nặng lên vai những người làm việc trong lãnh vực nghiên cứu. Tất cả các bên đóng vai trò chính trong lãnh vực này — các khoa học gia, chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư, các vị hữu trách trong lĩnh vực học thuật, chính trị gia và những người khác — phải làm việc với một đầu óc minh bạch và có trách nhiệm, đồng thời duy trì một nhận thức nhạy bén về bối cảnh rộng lớn hơn của các tiến bộ công nghệ mà họ góp phần nuôi dưỡng, bao gồm cả những tiến bộ liên quan đến AI. Khi con người tự giới hạn mình vào việc chỉ nhìn đến lãnh vực riêng của họ, họ có thể tự lừa dối mình khi tin rằng họ đang thực hiện các hành động trung lập về mặt đạo đức và né tránh các câu hỏi về những mục đích tối hậu dẫn dắt một số thử nghiệm. Bằng cách này, họ có nguy cơ hợp tác — có lẽ một cách vô tình — với các dự án đáng ngờ vốn thúc đẩy các hình thức bạo lực, thao túng và thống trị mới.

Xây dựng nền văn minh tình thương

210. Việc xây dựng một thế giới trong trạng thái xung đột vĩnh viễn là một sự dữ và phải được gọi đúng tên của nó. Cách miêu tả này về tình hình hiện tại của chúng ta có vẻ ám đăm hoặc bi quan, nhưng tôi coi đó là điều cần thiết phải làm. Tuy nhiên, viễn cảnh Kitô giáo không giới hạn ở việc lên án sự dữ. Chúng ta nhìn nhận lịch sử dưới ánh sáng của Chúa Chịu Đóng

¹⁸⁶ X. Phanxicô, *Sứ điệp Ngày Thế giới Hòa bình lần thứ 53* (8 tháng 12, 2019): AAS 112 (2020), 54-61.

đỉnh và Phục sinh, Đấng mà Chúa Cha đã ban cho "mọi quyền năng trên trời dưới đất" (Mt 28,18). Chúng ta không coi hiện tại như một số phận được định đoạt sẵn, mà là một cơ hội cho sự hoán cải cá nhân và tập thể. Hơn nữa, chúng ta tin quyền năng của Nước Trời, vốn lớn lên từ kích thước nhỏ bé của một hạt cải, một khi được gieo xuống, sẽ nảy mầm và lớn lên (x. Mc 4,26-32). Trong khi sự hỗn loạn của việc nhằm lẫn ở khắp chung quanh chúng ta, điều thiện vẫn âm thầm lớn lên từ lòng đất. Theo lời của ngôn sứ Isaiah: "Này, Ta sắp làm một việc mới, việc đó đang nảy chồi, các ngươi không nhận thấy sao?" (Is 43,19).

211. Một phân tích kỹ lưỡng hơn về lịch sử xác nhận điều này. Ngay cả trong những đêm tối tăm nhất, Chúa vẫn khơi dậy những người nam và người nữ không chịu bỏ cuộc, những người kiên trì làm điều thiện, những người bảo vệ kẻ dễ bị tổn thương và mở ra các con đường dẫn đến hòa giải. Ký ức về các vị thánh, những người công chính và những người xây dựng hòa bình thường bị lãng quên chỉ ra cho chúng ta thấy rằng ân sủng không loại bỏ xung đột một cách thần kỳ, nhưng thay vào đó, nó khơi nguồn cho sự kháng cự tích cực đối với sự dữ và một sự sáng tạo đáng kinh ngạc trong việc làm điều thiện. Các Kitô hữu nhìn thấy bóng tối và thừa nhận nó đúng như bản chất của nó, nhưng họ không chỉ nhìn chăm chăm vào nó một cách thụ động, vì họ biết ánh sáng và hiểu rằng bóng tối đã không thể thắng được ánh sáng và không thể đánh bại nó (x. Ga 1,5). Vì lý do này, ngay cả khi sự đau khổ dường như là điều quyết định, các Kitô hữu vẫn phục vụ điều thiện và được nâng đỡ bởi một niềm hy vọng thần học vốn mang lại cho thực tại cả ý nghĩa và phương hướng.

Tất cả chúng ta đều có thể góp phần

212. Tuy nhiên ở thời điểm này, một sự cảm dỗ tinh vi có thể xuất hiện, cụ thể là suy nghĩ rằng các vấn đề quá lớn và chúng ta quá nhỏ bé, và do đó các lựa chọn của chúng ta không thể tạo ra sự khác biệt. Đây là một hình thức từ bỏ lịch sử, thường được ngụ ý trong danh nghĩa là chủ nghĩa hiện thực. Chắc chắn, không phải ai cũng có cùng quyền lực để tạo ra sự khác biệt. Có những người quản trị, đưa ra quyết định đầu tư, lãnh đạo các thể chế, tiến hành nghiên cứu, giáo dục, sản xuất hoặc cung cấp thông tin, và rồi có những người dường như chỉ sống cuộc sống hàng ngày của họ. Tuy nhiên, không ai là không có trách nhiệm. Tất cả chúng ta đều có những lãnh vực hành động của riêng mình, và chính tại đó — chứ không phải nơi nào khác — chúng ta phải lựa chọn xem nên nuôi dưỡng nào trạng vũ lực (ngay cả khi chỉ qua sự thờ ơ, hoài nghi, đối trá hoặc thù hận), hay gìn giữ tư duy hòa bình (bằng sự thật, điều độ, gần gũi và chăm sóc).
213. Tác giả Công giáo thế kỷ thứ hai mươi J.R.R. Tolkien, qua lời của một nhân vật chính trong một cuốn tiểu thuyết của ông, đã mô tả trách nhiệm của chúng ta cách này: "Phần của chúng ta không phải là làm chủ tất cả các đợt thủy triều của thế giới, mà là làm những gì trong khả năng của mình để nâng đỡ thời đại mà Thiên Chúa đã đặt chúng ta vào, nhờ tận gốc sự dữ trên những cánh đồng mà chúng ta biết, ngõ hầu những người sống sau này có thể có đất sạch để cày cấy."¹⁸⁷ Nền văn minh tình thương sẽ không trở dậy từ một nghĩa cử đơn lẻ hay

¹⁸⁷ J.R.R. Tolkien, *The Lord of the Rings. The Return of the King*, Phần III, Sách 5, Chương IX, New York 1965, 190.

hào nhoáng, mà từ tổng số những hành động trung tín nhỏ bé và kiên định vốn phục vụ như một bức tường thành chống lại sự phi nhân. Vì lý do này, thật xứng đáng để dừng lại suy ngẫm về một số khía cạnh của cách thức mà chúng ta, mỗi người theo cách riêng của mình, có thể hợp tác trong việc xây dựng nền văn minh tình thương. Mà không có ý định thâm tóm toàn bộ chủ đề này, tôi muốn đề nghị năm con đường hướng tới trách nhiệm hàng ngày và công cộng: nhu cầu giải giới ngôn từ, xây dựng hòa bình qua công lý, nhìn bằng quan điểm của các nạn nhân, nuôi dưỡng một chủ nghĩa hiện thực lành mạnh và hồi sinh đối thoại cũng như chủ nghĩa đa phương.

Nhu cầu giải giới ngôn từ

214. Đóng góp thứ nhất mà chúng ta có thể thực hiện để hướng đến một nền văn minh nhân đạo hơn là lưu tâm đến lời nói của mình. "Chúng ta hãy giải giới ngôn từ và chúng ta sẽ giúp giải trừ vũ khí của thế giới."¹⁸⁸ Lời nói có sức mạnh to lớn, là một điều chúng ta kinh nghiệm trong các tương tác hàng ngày của mình; thí dụ, lời nói được thốt ra có thể thay đổi tâm trạng của chúng ta theo hướng tốt hơn hoặc xấu hơn. "Hòa bình bắt đầu với mỗi người trong chúng ta: trong cách chúng ta nhìn người khác, lắng nghe người khác và nói về người khác. Theo nghĩa này, cách chúng ta truyền thông có tầm quan trọng căn bản: chúng ta phải nói 'không' với cuộc chiến của ngôn từ và hình ảnh, chúng ta phải từ bỏ mô hình chiến tranh."¹⁸⁹ Do đó, tất cả chúng ta phải xét mình về những lời nói mà chúng ta sử dụng, những định kiến chúng ta có và sự hung hãn rõ ràng hay ngầm ẩn tiềm bên trong chúng. Chúng ta có một cơ hội thực sự để đóng góp cho công ích mỗi khi chúng ta nói sự thật, đưa ra lời khuyên bảo khôn ngoan, nâng đỡ những người cần sự an ủi, lên án bất công và lên tiếng thay cho những người không có tiếng nói.

Xây dựng hòa bình qua công lý

215. Tất cả chúng ta, ở mọi cấp độ, đều có thể đóng góp vào việc xây dựng nền tảng của hòa bình, đó chính là công lý. Chúng ta không đơn thuần tìm kiếm bất kỳ loại hòa bình nào — chẳng hạn như sự vắng bóng xung đột bằng mọi giá — nhưng thay vào đó, một nền hòa bình đích thực phát sinh từ công lý. "Có một mối liên hệ rất chặt chẽ giữa công lý của cá nhân và hòa bình của mọi người."¹⁹⁰ Bình luận về câu thánh vịnh "công lý và hòa bình đã ôm hôn nhau" (Tv 84,11), Thánh Augustinô đã viết: "Không ai là không khao khát hòa bình, nhưng không phải ai cũng sẵn sàng thi hành công lý... Nhưng hãy thực hiện các công việc của công lý, hãy nhớ rằng công lý và hòa bình đã ôm lấy nhau; chúng không mâu thuẫn với nhau. Tại sao bạn lại chống lại công lý? Ở đây, chẳng hạn, công lý bảo bạn không được trộm cắp, nhưng bạn không thèm để ý đến; không được ngoại tình, và bạn giả điếc làm ngơ; không được làm cho người khác những gì bạn không muốn người khác làm cho mình; không được nói về người lân cận những điều bạn không muốn người khác nói về mình... Vậy bạn có muốn đạt

¹⁸⁸ *Diễn văn dành cho các đại diện truyền thông*, (12 tháng 5, 2025): AAS 117 (2025), 682.

¹⁸⁹ *Ibid.*

¹⁹⁰ Thánh Gioan Phaolô II, *Sứ điệp Ngày Thế giới Hòa bình lần thứ 31*, (1 tháng 1, 1998), 1: AAS 90 (1988), 147.

được hòa bình không? Thì hãy thực thi công lý!"¹⁹¹ Chúng ta đừng bao giờ mệt mỏi trong việc tìm kiếm công lý!

Nhìn bằng quan điểm của các nạn nhân

216. Có những lúc, để vẫn còn là con người, chúng ta phải gạt bỏ các sự dè dặt của mình và bày tỏ lập trường. Trong một số xung đột, thật bất công khi giữ thái độ trung lập, và chỉ tuyên bố rằng chúng ta không đồng lõa là chưa đủ.¹⁹² Khi chứng kiến việc ném bom vào thường dân, tấn công vào bệnh viện, trường học hoặc cơ sở hạ tầng thiết yếu, và bạo lực ảnh hưởng đến trẻ em, chúng ta đang đối diện với những việc xấu xa làm tổn thương chính nhân loại. Vì lý do này, chúng ta không thể tự giới hạn mình ở cấp độ phân tích trừu tượng. Đức Phanxicô đã khuyến khích chúng ta "chạm vào da thịt bị thương tổn"¹⁹³ của những người đau khổ, nhìn vào khuôn mặt của họ, lắng nghe câu chuyện của họ và thừa nhận những vết thương của họ. Các sự kiện đau thương đòi hỏi cả lịch sử lẫn ký ức, về trước để kể lại các sự thật, về sau để làm chứng cho các kinh nghiệm đã sống.
217. Việc dành chỗ cho các quan điểm và tiếng nói của các nạn nhân qua truyền thông và giáo dục giúp chúng ta nhận thức được vực thẳm của sự dữ vốn có trong chiến tranh, và nói chung trong mọi hình thức bạo lực. Nó giúp chúng ta từ chối sự bình thường hóa xung đột; không ngoảnh mặt đi khi phẩm giá con người bị vi phạm; và phục hồi cho các nạn nhân phẩm giá được công nhận và được lắng nghe.¹⁹⁴ Việc chú ý đến các tiếng nói này củng cố niềm tin rằng, ngoại trừ các nhóm thiểu số bạo lực, nhân loại không hề khao khát chiến tranh. Bằng một cách thể đặc biệt, Hội Thánh có thể là một nơi lưu giữ ký ức sống động cho các nạn nhân. Như Thánh Giáo hoàng Phaolô VI đã nhắc nhở, Hội Thánh cảm thấy mình phải biến tiếng nói của những người đã ngã xuống trong các cuộc chiến tranh quá khứ và tiếng nói của những người còn sống mà ngày nay vẫn mang vết thương thành của chính mình, để những tiếng kêu than của họ có thể trở nên một lời kêu gọi cho hòa bình và sự hòa hợp chứ không phải là khúc dạo đầu cho các xung đột mới.¹⁹⁵

Nuôi dưỡng một chủ nghĩa hiện thực lành mạnh

219. Chúng ta đang cần một chủ nghĩa hiện thực lành mạnh để tránh cả chủ nghĩa lý tưởng chính trị lẫn chủ nghĩa hoài nghi. Có một loại chủ nghĩa lý tưởng, để bảo tồn thế giới quan của riêng mình, có xu hướng lựa chọn các sự thật một cách có chọn lọc, bóp méo và tái đặt tên chúng. Những người ủng hộ chủ nghĩa này cuối cùng cư ngụ trong một thực tại được xây dựng để phù hợp với niềm tin của riêng họ. Ngược lại, cũng có một hình thức chủ nghĩa hiện thực hạ đẳng, vốn lằm lẩn sự quan sát với sự cam chịu, lập luận rằng vì vũ lực ngự trị nên nó sẽ luôn luôn ngự trị. Chủ nghĩa hiện thực đích thực không từ bỏ việc thay đổi thế giới;

¹⁹¹ Thánh Augustine, *Enarrationes in Psalmos*, 84, 12: CCSL 39, Turnhout 1956, 1172-1173.

¹⁹² X. Phanxicô, Thông điệp *Dilexit Nos* (24 tháng 10, 2024), 22: AAS 116 (2024), 1375-1376.

¹⁹³ Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 115: AAS 112 (2020), 1008-1009.

¹⁹⁴ X. *ibid.*, 261: AAS 112 (2020), 1062.

¹⁹⁵ X. Thánh Phaolô VI, *Diễn văn trước Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc khóa 20* (4 tháng 10, 1965): AAS 57 (1965), 878-879.

thật vậy, chủ nghĩa này bắt đầu bằng việc nhận diện rõ ràng các lợi ích, các nỗi sợ hãi, các ràng buộc và các động lực quyền lực, chính là để xác định những gì có thể đạt được, và các biện pháp cần thiết để đạt được chúng. Nó không giảm lược chính trị thành đạo đức; nó cũng không đầu hàng trước bạo lực. Thay vào đó, nó tìm kiếm các con đường khả thi để làm cho hòa bình trở nên nhiều hơn đơn thuần là một từ ngữ, qua các thể chế đáng tin cậy, các bảo chứng có thể kiểm chứng được, các cuộc đàm phán kiên nhẫn, phòng ngừa xung đột và bảo vệ thường dân.

Hội sinh đối thoại

219. Để xây dựng nền văn minh tình thương, chúng ta cần phải dấn thân vào đối thoại, vì đây là phương tiện hàng đầu cho sự chung sống giữa con người và các quốc gia. Nó cũng là giải pháp thay thế cho xung đột công khai. Vào đêm trước của Thế Chiến Thứ hai, Đức Piô XII đã khẳng định rằng không có gì bị mất với hòa bình, trong khi với chiến tranh mọi sự đều có thể bị mất sạch. Ngài nhấn mạnh rằng con người phải quay lại nói chuyện với nhau, bởi vì một cuộc đối thoại chân thành và kiên trì luôn mở ra khả năng của một giải pháp danh dự.¹⁹⁶
220. Thật vậy, đối thoại là một phần bình thường của đời sống con người và không chỉ liên quan đến các mối quan hệ giữa các Quốc gia. Nó bao gồm việc đạt được một thái độ tìm cách rèn đúc các mối dây nối kết tình huynh đệ được xây dựng trên sự lắng nghe, một phong thái cởi mở, dành thì giờ cho nhau và thậm chí là lãng phí thời gian cùng nhau. Vì nếu chúng ta trải nghiệm những cuộc gặp gỡ đích thực với tha nhân, với những người khác biệt, những người xa lạ và người di cư, thì việc thậm chí chỉ nghĩ đến chiến tranh thôi cũng trở nên khó khăn bội phần.
221. Ở cấp độ chính trị, có một nhu cầu cấp bách phải chuyển từ "nền văn hóa quyền lực" sang một "nền văn hóa thương lượng" chân chính, trong đó đối thoại và ngoại giao trở thành các phương tiện chuẩn mực để giải quyết xung đột. Giorgio La Pira đã bày tỏ hy vọng rằng "phương pháp chiến tranh được thay thế bằng phương pháp hòa bình, là phương pháp thương lượng, gặp gỡ, hội tụ, nghĩa là phương pháp đích thực của con người!"¹⁹⁷ Nhận thức rằng tất cả các dân tộc đều chia sẻ một tương lai chung đòi hỏi "nền văn hóa thương lượng" phải trở nên một cam kết chính trị và văn hóa càng ngày càng được chia sẻ rộng rãi, có khả năng từ từ dẫn dắt nhân loại thoát khỏi vòng xoáy của bạo lực.
222. Gửi đến những người có vinh dự và trách nhiệm quản trị, tôi muốn lặp lại những lời mà tôi đã nói vào lúc bắt đầu Triều đại Giáo hoàng của mình: "Các dân tộc trên thế giới của chúng ta khao khát hòa bình, và gửi đến các nhà lãnh đạo của họ, tôi kêu gọi với tất cả tâm can: Chúng ta hãy gặp gỡ, hãy nói chuyện, hãy thương lượng! Chiến tranh không bao giờ là không thể tránh khỏi. Vũ khí có thể và phải bị làm cho im tiếng, vì chúng không giải quyết được các vấn đề mà chỉ làm chúng gia tăng. Những người làm nên lịch sử là những người

¹⁹⁶ X. Piô XII, Sứ điệp truyền thanh: *Giờ khắc nghiêm trọng* (24 tháng 8, 1939): AAS 31 (1939), 334.

¹⁹⁷ Giorgio La Pira, *Riflessioni sul Concilio*. Bài nói chuyện của Giáo sư Giorgio La Pira, Thị trưởng Florence, với Phong trào Hướng đạo Nữ Công giáo Pháp "Guides de France" (Rome, 4 tháng 9, 1962), Florence 1962, 6.

xây dựng hòa bình, chứ không phải những người gieo rắc hạt giống đau khổ. Những người lân cận của chúng ta trước hết không phải là kẻ thù của chúng ta, mà là đồng bào của chúng ta; không phải là tội phạm để bị thù ghét, mà là những người nam và người nữ khác mà chúng ta có thể trò chuyện cùng. Chúng ta hãy từ bỏ những quan niệm nhị nguyên kiểu tà giáo Mani (Manichean notions), vốn rất đặc trưng của não trạng bạo lực, chia thế giới thành những người tốt và những người xấu..¹⁹⁸

223. Trong việc từ bỏ thái độ bạo lực, đối thoại liên tôn đóng một vai trò quyết định, bởi vì ở trọng tâm của các con đường tinh thần lớn lao đều nằm một thông điệp hòa bình.¹⁹⁹ Trong khi những người dùng danh nghĩa Thiên Chúa để hợp thức hóa chủ nghĩa khủng bố, thì bạo lực hoặc chiến tranh phản bội bản tính chân thật của Ngài, vì chiến đấu nhân danh tôn giáo có nghĩa là tấn công chính tôn giáo.²⁰⁰ "Tinh thần Assisi", được gọi lên bởi Thánh Gioan Phaolô II và được tiếp nối bởi Đức Phanxicô — chẳng hạn như qua cuộc đối thoại của ngài với Đại Imam của Al-Azhar — cho thấy rằng các tín đồ có thể kín múc từ các nguồn mạch chân thật nhất của các truyền thống tinh thần đặc thù của họ, ở đó không có chỗ cho "sự thù hận được thánh hóa".

Sự cần thiết của ngoại giao và chủ nghĩa đa phương

224. Trong các mối quan hệ quốc tế, đối thoại là một công cụ ngoại giao không thể thay thế được để phòng ngừa các xung đột và xây dựng lại các mối dây liên kết của lòng tin. Đối diện với các buổi phát sóng bốc đồng, những luận điệu hung hãn và chính trị quyền lực đặc trưng cho thời đại của chúng ta, "vị trí của ngoại giao là thúc đẩy đối thoại với tất cả các bên, bao gồm cả những bên đối thoại bị coi là kém 'thuận tiện' hoặc không được coi là hợp pháp để thương lượng."²⁰¹ Do đó, chúng ta nên được sử dụng từng chút khiêm tốn và kiên nhẫn để nuôi dưỡng ngay cả những dấu chỉ thiện chí nhỏ nhoi nhất giữa các bên trong xung đột, nhằm thúc đẩy tiến trình hòa bình.
225. Không gian mạng (cyberspace) cũng đã trở thành một chiến trường. Các cuộc tấn công mạng (cyberattack), thao túng dữ liệu và các chiến dịch gây ảnh hưởng, được dàn dựng với sự trợ giúp của AI, có thể làm bất ổn toàn bộ các quốc gia ngay cả trước khi xung đột vũ trang công khai bùng nổ. Hơn nữa, trong lãnh vực này, việc quy trách nhiệm thường không chắc chắn. Khi không rõ ai đã thực hiện một cuộc tấn công, nguy cơ phản ứng không tương xứng, tính toán sai lầm và leo thang xung đột sẽ tăng lên. Vì thế, ngoại giao phải có khả năng hoạt động hữu hiệu trong môi trường mới này, bằng cách thương thảo các quy tắc chung cho việc sử

¹⁹⁸ Diễn từ dành cho các đại biểu tham dự Đại Năm Thánh các Giáo hội Đông phương (14 tháng 5, 2025): AAS 117 (2025), 686.

¹⁹⁹ X. Phanxicô, Thông điệp *Fratelli Tutti* (3 tháng 10, 2020), 271: AAS 112 (2020), 1066.

²⁰⁰ X. Phanxicô, *Lời kêu gọi hòa bình tại Assisi nhân Ngày Thế giới Cầu nguyện cho Hòa bình với chủ đề: 'Khát khao Hòa bình: Đối thoại giữa các Tôn giáo và các Nền văn hóa'* (20 tháng 9, 2016): AAS 108 (2016), 1124.

²⁰¹ Phanxicô, *Diễn văn dành cho các thành viên Ngoại giao đoàn cạnh Tòa Thánh* (9 tháng 1, 2025): AAS 117 (2025), 110.

dụng các công nghệ kỹ thuật số, nhằm bảo vệ thường dân và những người dễ bị tổn thương nhất khỏi các hình thức bạo lực "vô hình" nhưng có thật.

226. Các tổ chức quốc tế, đặc biệt là Liên Hiệp Quốc, là các công cụ thiết yếu để củng cố một nền văn minh tình thương, vì các tổ chức này có thể thúc đẩy đối thoại giữa các quốc gia và khuyến khích việc giải quyết các xung đột bằng con đường hòa bình, sự phát triển toàn diện của các dân tộc, sự bảo vệ những người dễ bị tổn thương nhất, giải trừ quân bị và chăm sóc cho công trình tạo dựng. Qua những nỗ lực đó, cộng đồng quốc tế có thể góp phần giảm bớt sự bất bình đẳng, bảo vệ quyền lợi của người tị nạn và các nhóm thiểu số, chuyển các nguồn lực từ chi tiêu quân sự sang phát triển con người, đồng thời bảo vệ ngôi nhà chung của chúng ta. Tòa Thánh ủng hộ và đồng hành với các nỗ lực này, đồng thời cũng nhận ra rằng những yếu điểm hiện tại của Liên Hiệp Quốc và hệ thống chính trị quốc tế cho thấy cần phải có những cải tổ sâu rộng. Đây không chỉ đơn thuần là vấn đề điều chỉnh về mặt kỹ thuật, bởi vì cuộc khủng hoảng về niềm tin và các giá trị, vốn cũng ảnh hưởng đến những nền tảng luân lý của các quốc gia, đang làm cho việc định hướng chủ nghĩa đa phương vào công ích đích thực trở nên khó khăn hơn.²⁰²
227. Trong bối cảnh quốc tế, chính sách ngoại giao của Tòa Thánh chọn nguyên tắc lòng thương xót của Tin Mừng như một tiêu chuẩn cụ thể cho hành động chính trị. Đây là một trong những cách thức mà Tòa Thánh đặt mình vào việc phục vụ nhân loại, từ đó kêu gọi các lương tâm nhân danh đức ái và chân lý, bảo vệ phẩm giá của mọi người và lên tiếng thay cho người nghèo, người di cư và các nạn nhân của chiến tranh. Bằng cách này, nền ngoại giao của Giáo hoàng bày tỏ tính phổ quát của Hội Thánh và đóng góp vào việc xây dựng một nền văn minh tình thương, ở đó ngay cả các công nghệ mới cũng có thể được hướng về công ích.

Cầu nguyện và hy vọng

228. Các con đường thực thi trách nhiệm này được nâng đỡ bởi cầu nguyện, và đến phiên chúng lại nuôi dưỡng cầu nguyện. Thực ra, đối với mỗi người trong chúng ta, hòa bình trước hết đến "từ Thiên Chúa, Thiên Chúa Đấng yêu thương tất cả chúng ta, một cách vô điều kiện."²⁰³ Đó là một món quà được Chúa Giêsu ban cho các môn đệ của Người vào ngày Phục Sinh: "Bình an cho các con! Đó là sự bình an của Đức Kitô Phục sinh. Một sự bình an không vũ trang và giải trừ vũ khí, khiêm tốn và kiên trì."²⁰⁴ Với những lời này, tôi đã chào chúc Hội Thánh và thế giới vào ngày tôi được bầu vào Tòa thánh Phêrô. Tôi ước ao lặp lại chúng bây giờ, và kính mời mọi người cầu xin món quà này. Chúng ta hãy không bao giờ mệt mỏi cầu nguyện cho hòa bình và dẫn thân đạt được nó trong các mối liên hệ của chúng ta và trong xã hội.

²⁰² X. Phanxicô, *Diễn văn dành cho các đại biểu tham dự Hội nghị lần thứ 38 của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)* (20 tháng 6, 2013): AAS 105 (2013), 616-617.

²⁰³ Phép lành "Urbi et Orbi" Lần Đầu (8 tháng 5, 2025): AAS 117 (2025), 660.

²⁰⁴ Ibid.

KẾT LUẬN

229. “*Mỗi người phải coi chừng cách mình xây cất*” (1 Cr 3,10). Với những lời này, Thánh Phaolô đã khích lệ các Kitô hữu tại Côrintô gìn giữ sự hiệp nhất. Anh chị em thân mến, chúng ta đã cùng nhau suy tư về thế giới mà chúng ta đang xây dựng, và tự hỏi xem việc bảo vệ nhân vị có ý nghĩa gì trong thời đại trí tuệ nhân tạo. Ở cuối suy tư này, tôi muốn đề nghị một chương trình cho đời sống Kitô hữu giản dị nhưng đòi hỏi cao, để qua đó chúng ta có thể lèo lái cuộc chuyển biến của thời đại này dưới ánh sáng Tin Mừng. Con đường này mở ra nhờ việc chiêm ngắm chương trình của Thiên Chúa, sống sự hiệp nhất của Hội Thánh bằng việc thông phần vào Bí tích Thánh Thể, xây dựng một thế giới tập trung vào lợi ích chung và cầu nguyện trong sự hiệp thông với Đức Trinh Nữ Maria.

Ngôi Lời đã làm người

230. Thế giới của chúng ta đang tràn ngập những nỗ lực nhằm giành quyền kiểm soát thị trường và các phạm vi ảnh hưởng, thường được che đậy bằng những luận điệu trấn an và các hệ tư tưởng đầy cảm dỗ. Thế nhưng, tâm hồn chúng ta lại khát khao một cách tiếp cận khôn ngoan và nhân từ, tương tự như cách Đức Maria ngợi khen trong bài ca *Magnificat*, khi Mẹ tuyên xưng rằng lòng thương xót của Thiên Chúa trải qua đời nọ đến đời kia dành cho những ai kính sợ Người.²⁰⁵ Chương trình thương xót này vẫn tiếp tục mở ra trong suốt lịch sử ngày nay, ngay cả giữa những thay đổi chóng mặt và đáng lo ngại do các thuật toán và mạng lưới toàn cầu mang lại, và nó trở thành chiếc la bàn trong kỷ nguyên kỹ thuật số để chúng ta sống cuộc đời mình theo Tin Mừng.

231. Ở tâm điểm của mọi sự là mầu nhiệm Nhập Thể, Ngôi Lời đã làm người và ở giữa chúng ta. Thân xác của Chúa Con, nghèo hèn và dễ bị tổn thương, gọi lên thân xác của biết bao anh chị em bị tước đoạt phẩm giá và bị bắt phải im lặng.²⁰⁶ Qua sự gần gũi của Chúa, món quà bình an đi vào thế giới một cách nghịch lý. Món quà ấy đến qua quyền năng được trở nên con cái Thiên Chúa, và được đánh thức khi chúng ta để lòng mình xúc động trước những giọt nước mắt của trẻ thơ, sự mong manh của người già cả, sự im lặng của các nạn nhân và sự vật lộn của những ai đang chiến đấu chống lại sự dữ mà họ không muốn phạm.²⁰⁷ Trong thân xác bị tổn thương nhưng được yêu mến này, Chúa Cha tỏ cho chúng ta thấy nhân tính đích thực của một cuộc đời được trọn vẹn nhờ sự rộng mở và hiệp thông, là điều dẫn đưa chúng ta đến ước muốn cho ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời.²⁰⁸

232. Trong những hứa hẹn của chủ nghĩa siêu nhân bản và một số trào lưu tư tưởng hậu nhân bản vốn tìm kiếm một nhân loại được tăng cường và gần như thoát ra ngoài thân xác, chúng ta nhận ra một nỗi khắc khoải đáng quan tâm, đó là nhu cầu về một cuộc sống trọn vẹn hơn, ít

²⁰⁵ X. *Bài giảng trong Kinh Chiều I Lễ Trọng kính Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa*. (31 tháng 12, 2025): L'Osservatore Romano, 2 tháng 1, 2026, 1-2.

²⁰⁶ X. *Bài giảng trong Thánh lễ Ban Ngày* (25 tháng 12, 2025): L'Osservatore Romano, 27 tháng 12, 2025, 3.

²⁰⁷ X. *ibid.*

²⁰⁸ X. *Kinh Truyền Tin nhân Đại lễ Chúa Hiển Linh* (6 tháng 1, 2026): L'Osservatore Romano, 7 tháng 1, 2026, 3.

phải đối diện với những giới hạn và đau khổ hơn. Thế nhưng, mầu nhiệm Nhập Thể lại mở ra một con đường khác. Một mặt, các hệ tư tưởng cũ cũng như mới đều thúc giục nhân loại vượt qua các giới hạn bằng công nghệ, và trở vượt hơn người khác bằng cách khẳng định sự thống trị. Trái lại, mầu nhiệm Con Thiên Chúa đi vào thân phận con người của chúng ta lại hứa hẹn một điều hoàn toàn khác. Thiên Chúa hằng sống ngự xuống trong lịch sử của chúng ta để giải thoát chúng ta khỏi mọi hình thức nô lệ.²⁰⁹ Người gánh lấy sự yếu đuối của chúng ta và biến nó thành một bối cảnh cho ơn cứu độ. Không có khoảnh khắc hay hoàn cảnh nào của con người mà không xứng đáng với Thiên Chúa. “Theo giáo lý đức tin của chúng ta, trong các mầu nhiệm của mình, chúng ta có và thờ lạy một Thiên Chúa sinh ra trong máng cỏ, một Thiên Chúa sống và rảo bước ở Giuđêa, một Thiên Chúa chết trên thập giá, một Thiên Chúa đã chết nằm trong nấm mồ.”²¹⁰ Cho nên, tương lai của nhân loại tìm thấy chuẩn mực của mình nơi khả năng đón nhận cách đến gần đầy thiên tính này, cách chia sẻ gánh nặng của thế giới, cách biến đổi các mối tương quan từ bên trong. “Ôi lạ lùng thay... con người là Thiên Chúa và Thiên Chúa-Làm-Người này đi qua tất cả các giai đoạn đó, chịu đựng tất cả các tình trạng đó và tôn vinh chúng, thánh hóa chúng, thần hóa chúng nơi chính Người!”²¹¹ Điều cứu rỗi nhân loại chính là tình yêu của Thiên Chúa hạ mình xuống điếm mong manh nhất trong lịch sử của chúng ta và đổi mới nó từ bên trong.

233. Vì lý do này, với tư cách là một tín hữu giữa các tín hữu, tôi mời gọi mọi người hãy chiêm ngắm, nơi dung nhan Con Thiên Chúa, sự vĩ đại của nhân tính vốn cũng tỏa sáng vào kỹ nguyên Trí tuệ Nhân tạo (AI). Trong Đức Kitô, chúng ta được kêu gọi cộng tác vào công trình tạo dựng, chứ không phải như những quan sát viên vô tình trước các tiến trình công nghệ làm hạn chế tự do và trách nhiệm của chúng ta.²¹² Phẩm giá được Chúa Thánh Thần ghi dấu nơi mỗi chúng ta cũng có thể được nhìn thấy qua khả năng suy tư một cách có phán đoán, tự do lựa chọn và yêu thương, cũng như thiết lập các mối quan hệ đích thực. Không một hệ thống máy tính nào, dù tinh vi đến đâu, có thể tạo ra một trái tim biết hiến dâng, hay một lương tâm biết phân biệt lành dữ. Ngay cả khi máy móc vượt trội về hiệu suất, thì một dung nhan con người cần được nhìn lên vẫn là trung tâm lịch sử của chúng ta. Dung nhan con người này là sự viên mãn mà lịch sử đang hướng tới. Đó là mầu nhiệm “tái quy tụ”, niềm xác tín rằng Chúa Cha đã định liệu để quy tụ muôn loài muôn vật, cả trên trời cùng dưới đất, về một mối trong Đức Kitô là Đầu (x. *Ep* 1,10). Trong kế hoạch này, không có gì thuộc về con người đích thực sẽ bị mất đi. Thật vậy, mọi sự sẽ được thanh luyện và quy tụ lại trong Đấng Duy Nhất, là Đấng thu gom từng mảnh vụn của cuộc sống, từng giọt nước mắt và từng thành tựu nhân bản đích thực, giải thoát chúng khỏi hư vô và dâng lên Chúa Cha trong tình trạng đã được cứu chuộc.

²⁰⁹ X. *Bài giảng trong Lễ Ban Đêm* (24 tháng 12, 2025): *L'Osservatore Romano*, 27 tháng 12, 2025, 2.

²¹⁰ P. de Bérulle, *Discours de l'état et des grandeurs de Jésus, Discours IV, Unité de Dieu en l'incarnation: Œuvres complètes*, Paris 1856, col. 218.

²¹¹ *Ibid.*

²¹² X. *Diễn từ dành cho Hội nghị: 'Trí tuệ Nhân tạo và việc Chăm sóc Ngôi nhà Chung của Chúng ta'* (5 tháng 12, 2025): *L'Osservatore Romano*, 5 tháng 12, 2025, 2.

Một thân thể trong Đức Kitô

234. Linh đạo mà chúng ta cần là một linh đạo Thánh Thể, nghĩa là một linh đạo về sự hiệp nhất của Hội Thánh trong tình yêu. Mầu nhiệm Nhập Thể và Mầu nhiệm Vượt Qua mạc khải việc Thiên Chúa đi vào thân phận con người của chúng ta và biến đổi nó qua việc hiến ban chính mình. Món quà này vẫn hiện diện và hoạt động trong Bí tích Thánh Thể, nơi đó Chúa hiến dâng chính mình và quy tụ Hội Thánh lại, để lễ vật của Người trở thành nguyên lý hiệp nhất và nguồn mạch của sự sống mới. Chính từ sự hiệp thông này mà tình liên đới Kitô giáo cũng nảy sinh, vì “hiệp thông với Đức Kitô cũng là hiệp thông với tất cả những ai Người trao ban chính mình.”²¹³ Như Thánh Augustinô đã giải thích cho các tân tòng tại Hội thánh địa phương của ngài, bánh và rượu trên bàn thờ là bí tích của sự hiệp nhất các tín hữu trong Đức Kitô: “Điều được nhìn thấy chỉ nhìn giống về thể lý; điều được đón nhận lại đem lại hoa quả thiêng liêng. Vì vậy, giờ đây, nếu anh em muốn hiểu về thân thể Đức Kitô, hãy nghe Tông đồ Phaolô nói với các tín hữu: Tất cả anh em cùng nhau là thân thể Đức Kitô (1 Cr 12,27). Nếu anh em là thân thể và các chi thể của Đức Kitô, thì chính bí tích của anh em được đặt trên bàn tiệc của Chúa; chính bí tích của anh em là điều anh em lãnh nhận. Anh em thưa ‘Amen,’ và khi thưa như vậy, anh em bày tỏ sự ưng thuận của mình. Vì anh em nghe những lời ‘Minh Thánh Đức Kitô’ và thưa ‘Amen.’ Vậy hãy là một chi thể của Thân Mình Đức Kitô để lời Amen của anh em là chân thật!”²¹⁴
235. Lời “Amen” mà chúng ta thưa trong phụng vụ, Minh Chúa chúng ta ăn và Máu Chúa chúng ta uống sẽ hình thành toàn thể cuộc đời chúng ta. Bí tích Thánh Thể “là một cuộc gặp gỡ vô cùng cá vị với Chúa nhưng không bao giờ chỉ đơn thuần là một hành vi đạo đức cá nhân.”²¹⁵ Nơi Bí tích Thánh Thể, chúng ta tìm thấy một biểu hiện hữu hình của thực tại rằng chúng ta “là Hội Thánh của Đức Kitô, là các chi thể, là thân thể của Người. Chúng ta là anh chị em trong Người. Và trong Đức Kitô, tuy nhiều và đa dạng, chúng ta là một: In Illo uno unum (Trong Đấng duy nhất ấy, chúng ta là một).”²¹⁶ Bí tích Thánh Thể mở lòng chúng ta ra với công lý và sự chia sẻ, với mỗi bận tâm ưu tiên dành cho những người đang bị đè nặng bởi sự nghèo đói hoặc bị gạt ra bên lề xã hội. Và trong khi các mạng lưới kinh tế và công nghệ mới có thể tạo ra sự loại trừ, cô lập và lệ thuộc, thì Hội Thánh, được nuôi dưỡng bởi Bí tích Thánh Thể, được kêu gọi để làm nổi bật một mô hình khác, một mô hình bảo tồn các mối quan hệ giữa con người, lên tiếng cho những người vô hình và đảm bảo rằng các tiến trình đều nhằm mục đích tôn trọng phẩm giá con người.

Công trường của thời đại chúng ta

236. Linh đạo mà tôi muốn đề cao là linh đạo của “người kiến trúc sư khôn ngoan”, những người được thúc đẩy bởi niềm hy vọng vào Nước Thiên Chúa, quyết tâm dần dần xây dựng thể

²¹³ Bê-nê-dictô XVI, Thông điệp *Deus Caritas Est* (25 tháng 12, 2005), 14: AAS 98 (2006), 228.

²¹⁴ Thánh Augustinô, Sermons, 272: *In die Pentecostes ad infantes de sacramento*: PL 38, Paris 1865, col. 1247.

²¹⁵ Bê-nê-dictô XVI, *Bài giảng trong Lễ Tiệc Ly* (21 tháng 4, 2011): AAS 103 (2011), 321.

²¹⁶ *Diễn từ dành cho Giáo triều Rôma nhân dịp chúc mừng Giáng sinh* (22 tháng 12, 2025): L'Osservatore Romano, 22 tháng 12, 2025, 6-7.

giới vì công ích (x. *1 Cr 3,10*). Như tôi đã đề cập ở đầu suy tư này,²¹⁷ nhiệm vụ xây dựng trong thời đại chúng ta phải đặt mối liên hệ của chúng ta với Thiên Chúa làm trọng tâm. Quy tắc của chúng ta phải là chấp nhận các giới hạn của con người như một thực tại tự nhiên và tích cực, và phải được đặc trưng bằng trách nhiệm chung và một ngôn ngữ thẩm nhuần Tin Mừng. Ở phần cuối của suy tư này, kế hoạch cho một nền văn minh tình thương có thể được nhìn thấy rõ ràng hơn, và công trường dường như đã sẵn sàng hoạt động, đặc biệt là nhờ có nhiều viên đá sống động kết hợp vững chắc với Đức Kitô là tảng đá góc tường (x. *1 Pr 2,4-6*). Trong nhiệm vụ này, chúng ta được kêu gọi đảm nhận một vai trò tích cực, không ẩn mình trong tình cảm tâm linh ủy mị, hay rút lui vào thế giới nhỏ bé của riêng mình. Chúng ta phải trung thành với chân lý, đầu tư vào giáo dục, vun đắp các mối quan hệ và yêu chuộng công lý cũng như hòa bình.

237. Chúng ta hãy trung thành với chân lý! Sống giữa những dòng thông tin, ý kiến và hình ảnh tuôn chảy không ngừng, chúng ta biết rằng việc thao túng các quyết định và sở thích qua các thuật toán càng ngày càng tinh vi là dễ dàng đến thế nào.²¹⁸ Trong bối cảnh này, điều cấp bách là phải nuôi dưỡng những tâm hồn yêu chuộng sự thật, ưa thích những điều đúng đắn bất chấp những nội dung hấp dẫn nhất, và theo đuổi sự khôn ngoan thay vì những kết quả tức thời. Chúng ta phải luôn giữ trước mắt chân lý về Thiên Chúa và con người, đúng như Đức Kitô đã mạc khải cho chúng ta. Chúng ta phải gạt bỏ cái nhìn cá nhân chủ nghĩa và kỹ trị về con người, như thể thực tại chỉ thuần túy là vật chất để nhào nặn theo những tư lợi vị kỷ, dù là cá nhân hay tập thể.²¹⁹ Thay vào đó, chúng ta hãy nuôi dưỡng điều mà Đức Thánh Cha Phanxicô gọi là “thuyết nhân tâm định vị” (*situated anthropocentrism*),²²⁰ vốn công nhận con người là một thụ tạo được đặt trong một mạng lưới các mối tương quan với các sinh vật khác và với toàn thể công trình tạo dựng. Sự trung thành chân lý đòi hỏi phải tích hợp các khả năng do công nghệ mang lại trong một khuôn khổ thẩm đượm sự khôn ngoan, vốn có khả năng bảo vệ cả phẩm giá của mỗi người và tương lai của ngôi nhà chung của chúng ta.
238. Chúng ta hãy đầu tư vào giáo dục, bắt đầu từ chính chúng ta! Tất cả chúng ta đều cần học cách tương tác với thế giới kỹ thuật số một cách nhân bản, như một phần không thể thiếu được trong việc giáo dục đức tin của mình và trong một cuộc sống theo Tin Mừng. Thật vậy, chúng ta phải coi thế giới kỹ thuật số như một châu lục mới cần được Phúc Âm hoá, một nơi đòi hỏi những nhà truyền giáo quảng đại và trưởng thành trong đức tin. Cách riêng, chúng ta cần những người trưởng thành để tái khám phá ơn gọi của mình như những nghệ nhân giáo dục, sẵn sàng kiên nhẫn làm việc mỗi ngày, với sự hỗ trợ của các mối quan hệ đối tác giáo dục rộng lớn và sẻ chia. Ngày nay, việc đồng hành với trẻ em và giới trẻ trong việc sử dụng công nghệ để phát triển các mối quan hệ có trách nhiệm, giúp các em nhận diện các rủi

²¹⁷ X. *Ibid.*, số 11-14.

²¹⁸ X. *Diễn từ dành cho Hội nghị “Phẩm giá của Trẻ em và Trẻ vị thành niên trong Thời đại Trí tuệ Nhân tạo”* (13 tháng 11, 2025): *L’Osservatore Romano*, 13 tháng 11, 2025, 3.

²¹⁹ X. Bênêdictô XVI, Thông điệp *Caritas in Veritate* (29 tháng 6, 2009), 34: AAS 101 (2009), 668-670.

²²⁰ Phanxicô, Tông huấn *Laudate Deum* (4 tháng 10, 2023), 67: AAS 115 (2023), 1059.

ro và lựa chọn những gì thúc đẩy tự do nội tâm, là một hình thức bác ái cụ thể và sẽ bảo vệ phẩm giá của các em. Dạy cho các thế hệ mới hiểu rằng sự tiến hóa công nghệ không đi theo một con đường định sẵn, mà có thể được hướng dẫn bởi trách nhiệm cá nhân và tập thể, chính là một trong những việc phục vụ quý giá nhất cho công ích.

239. Chúng ta hãy vun đắp các mối quan hệ! Trong một thời đại ưu tiên tốc độ và sự phân mảnh, con người vẫn khát khao nhận được sự chăm sóc và công nhận từ những tâm trí ân cần, những lời nói tử tế và những bàn tay dịu dàng. Văn hóa kỹ thuật số làm gia tăng các kết nối và đem lại những cơ hội tương tác mới; thế nhưng, trái tim con người vẫn giữ một nhu cầu không thể thay đổi được về sự gắn gũi chân thành. Tôi mời gọi mọi người hãy trân trọng những không gian và thời gian mà sự hiện diện thể lý vẫn là cốt lõi, chẳng hạn như những bữa ăn chung, các buổi họp mặt cộng đồng Kitô hữu, thời gian dành cho những người cô đơn và việc phục vụ người nghèo. Đây là những dấu chỉ của một nhân loại tiếp tục tin rằng thân thể của mỗi người là nơi ngự trị của Thiên Chúa và là đền thờ của Chúa Thánh Thần. Chính giao ước này giữa vinh quang và sự mong manh trở thành tiêu chuẩn để đánh giá các mô hình nhân học do nền văn hóa đương thời cung cấp.
240. Chúng ta hãy yêu chuộng công lý và hòa bình! Chính những công nghệ tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao tiếp và tiếp cận các nguồn lực cũng có thể hỗ trợ các mô hình bóc lột những người dễ bị tổn thương nhất, tạo ra các hình thức nô lệ mới và trục lợi từ xung đột. Mỗi quyết định kỹ thuật hay kinh tế đều phải bao gồm sự phân định tâm linh, và là cơ hội để đánh giá xem những tiến bộ trong AI đang thúc đẩy công lý và sự tham gia, hay đang tập trung của cải và quyền lực vào tay một số ít người chọn lọc. Tôi khuyến khích một sự xem xét cẩn thận các chuỗi cung ứng của sản xuất kỹ thuật số, các điều kiện lao động ẩn giấu đằng sau các thiết bị của chúng ta, và các cơ chế trục lợi từ sự thao túng và chiến tranh. Đồng thời, phải tìm ra những cách thức thực tế để thúc đẩy sự công bằng, sự tham gia và việc chăm sóc cho công trình tạo dựng. Chúng ta tuyên xưng một niềm hy vọng bất rã sâu nơi Đấng đã từ trời xuống để “tạo nên một câu chuyện mới ở trần gian này.” Vì lý này, những ai tin đều dấn thân để đảm bảo rằng một công lý lớn hơn sẽ thay thế cho sự bất bình đẳng, và ngành công nghiệp chiến tranh sẽ được thay thế bằng thủ công của hòa bình.²²¹
241. Khi hướng tới tương lai, tôi muốn nhắc lại hình ảnh của ông Nêhêmia, người mà chúng ta đã chọn làm bạn đồng hành và hướng dẫn viên ngay từ đầu. Ông Nêhêmia đã nghe tiếng kêu khóc của một thành phố tan hoang, đã đem nỗi đau đó vào kinh nguyện, phân định trước nhan Thiên Chúa, xin giúp đỡ, nhận được phép trở về, tổ chức công việc, đối diện với những kháng cự từ bên trong lẫn bên ngoài và tái thiết các bức tường Thành Giêrusalem với sự trợ giúp của người dân, từng viên gạch một. Trong kỷ nguyên chuyển đổi kỹ thuật số này, tôi thấy nơi ông một dụ ngôn nổi bật về chính ơn gọi của chúng ta, không phải là những khán giả thụ động trước các rạn nứt xã hội và văn hóa, cũng không đơn thuần là những người bình luận về những gì đang sụp đổ, mà là những người nam nữ sẵn sàng bước vào các công trường

²²¹ X. *Kinh Truyền Tin nhân Đại lễ Chúa Hiện Linh* (6 tháng 1, 2026); *L'Osservatore Romano*, 7 tháng 1, 2026, 3.

của lịch sử, tức là các phòng thí nghiệm nghiên cứu, các công ty công nghệ, trường học, truyền thông, các tổ chức và cộng đồng địa phương, để xây dựng lại những gì đã đổ nát và bảo vệ những gì bị đe dọa. Giống như ông Nêhêmia, chúng ta cũng được kêu gọi kết hợp sự lắng nghe và lòng can đảm, lời cầu nguyện và trách nhiệm, để ngay cả khi tinh thần kỹ trị hay các lợi ích cục bộ dường như chiếm ưu thế, thì thành phố nhân loại có thể trở nên một nơi thích hợp hơn để sống.

242. Hình ảnh tái thiết Thành Giêrusalem gợi lên lời hứa trong Tân Ước về thành thánh, vốn được ban tặng cho chúng ta trước hết và trên hết như một món quà. Trong Sách Khải Huyền, Thành Giêrusalem mới ngự xuống như một món quà cho toàn thể dân Thiên Chúa, “được chuẩn bị như tân nương được trang điểm để đón tân lang” (Kh 21,2). Các bức tường Thành Giêrusalem không còn là những công trình phòng thủ kiên cố, mà là những đồ trang sức quý giá của Hiền Thê của Con Chiên. Các cổng thành, những nơi mà ông Nêhêmia đã canh gác rất siêng năng, nay vẫn mở ra vĩnh viễn cho tất cả các dân tộc. Sự hiện diện của Thiên Chúa ban ánh sáng và sự sống cho tất cả mọi người. Thành phố là một vườn Êden mới, với dòng nước hằng sống ban tặng cho những người khát nước, và cây sự sống có lá “dùng để chữa lành muôn dân” (Kh 22,2). Trong khi chờ đợi sự viên mãn của thành ấy, thị kiến này được đặt ra trước mắt chúng ta như một sự khích lệ, một lời kêu gọi vượt qua các chia rẽ của chúng ta và cùng nhau làm việc, vì đây là con đường của Đức Chúa Giêsu Kitô, hôm qua, hôm nay và mãi mãi.

Bài ca hy vọng: Kinh Magnificat

243. Sau khi đã xem xét về đức tin, điều chiêm ngắm kế hoạch yêu thương của Chúa Cha; đức mến, điều liên kết chúng ta thành một thân thể Hội Thánh; và đức cậy, điều nâng đỡ các hành động của chúng ta trên thế giới, thì cột trụ thứ tư của chương trình cho đời sống Kitô hữu này chính là cầu nguyện. Bài ca của Đức Maria đồng hành với sự dân thân của chúng ta. Trước bà Êlisabét, người báo cho Mẹ biết rằng Mẹ đã trở thành Mẹ Thiên Chúa, Đức Maria đã thốt lên một bài ca ngợi khen và vui mừng. Linh hồn Mẹ ngợi khen Chúa, và thần trí Mẹ hơn hờ vui mừng trong Thiên Chúa, Đáng Cứu Độ Mẹ, vì Người đã chọn một người thiếu nữ trẻ trung, nghèo khó và khiêm nhường cho kế hoạch cứu độ của Người. Đức Maria bỗng chốc nhìn thấy toàn thể lịch sử qua lăng kính của mạc khải này. Không có gì thay đổi chung quanh Mẹ; hoàn cảnh chính trị-xã hội thời bấy giờ của Mẹ vẫn như cũ. Người Rôma vẫn tiếp tục kiểm soát vùng đất của Mẹ, và dân tộc Mẹ vẫn bị khuất phục và nhục mạ. Thế nhưng, mọi sự đã thay đổi bên trong Mẹ, và điều này cho phép Mẹ nhìn thấy những gì vô hình. Thiên Chúa đã biểu dương uy quyền của cánh tay Ngài; Ngài đã dẹp tan những phường lòng trí kiêu căng, lật đổ những kẻ quyền thế, nâng cao những người phận hèn mọn, ban cho người đói nghèo đầy dư những sự tốt lành, và đuổi người giàu có trở về tay trắng. Ngài đã nâng đỡ Ísrael tôi tớ Ngài. Thiên Chúa “đứng về phía những người thấp hèn. Chương trình của Ngài thường bị che khuất giữa những biến cố nhân loại đầy phức tạp trong đó ‘những kẻ

kiêu ngạo, những người quyền thế và những người giàu có' xem ra đang thắng thế. Nhưng quyền năng âm thầm của Ngài cuối cùng sẽ được biểu lộ trọn vẹn.”²²²

244. Đức Trinh Nữ Maria không những chỉ dạy cho chúng ta nhận ra công trình vô hình của Thiên Chúa, mà còn hướng cái nhìn của chúng ta đến “những điểm mà tội đó nhân loại bị tan vỡ và thế giới trở nên méo mó: sự tương phản giữa người khiêm nhường và kẻ quyền thế, người nghèo khó và kẻ giàu có, người no nê và kẻ đói khát,” dạy chúng ta “nhìn thế giới từ một vị thế thấp hơn: qua đôi mắt của những người đau khổ thay vì kẻ quyền thế; nhìn lịch sử qua đôi mắt của những người phận hèn, thay vì qua lăng kính của những người quyền lực; giải thích các biến cố lịch sử theo quan điểm của cô nhi, quả phụ, ngoại kiều, đứa trẻ bị tổn thương tích, người lưu vong và kẻ tị nạn.”²²³ Vì thế, Đức Trinh Nữ trở thành “thi sĩ và nữ ngôn sứ của Ôn Cứu Chuộc,” bởi vì trên môi miệng Mẹ vang lên “bài ca mạnh nhất và đổi mới nhất từng được cất lên, bài Magnificat; chính Mẹ là người bày tỏ viễn tượng biến đổi của nhiệm vụ Kitô giáo, kết quả lịch sử và xã hội vốn vẫn rút ra nguồn gốc và sức mạnh của nó từ Kitô giáo.”²²⁴
245. Với cùng một đức tin như Đức Mẹ Maria, chúng ta hãy trở thành “những người dệt nên niềm hy vọng” trong thế giới của mình, chia sẻ những gì chúng ta là và những gì chúng ta có, để sự hiện diện của Chúa Giêsu có thể lớn lên giữa chúng ta và Nước của Người được hình thành. Trong sự trung thành khiêm tốn của cuộc sống hàng ngày, ngay cả kỷ nguyên AI cũng có thể trở thành thời gian mà Chúa Thánh Thần mang lại nền văn minh tình thương trong đời sống chúng ta. Thật vậy, Chúa tiếp tục đổi mới mọi sự và ban cho mọi thời đại khả năng trở thành một phần của lịch sử cứu độ dưới ánh sáng của mầu nhiệm Nhập Thể. Tôi xin phó thác ước nguyện của chúng ta cho Mẹ Đức Kitô, cho Người Nữ của bài ca *Magnificat*, xin Mẹ hướng dẫn các bước đi của chúng ta qua thời kỳ thay đổi này và gìn giữ trong mỗi chúng ta đức tin chân thật vào Tin Mừng, để chúng ta có thể làm chứng cho vẻ huy hoàng của nhân tính, mà trong đó Thiên Chúa đã chọn làm nơi Người cư ngụ.

Ban hành tại Rôma, tại Đền thờ Thánh Phêrô, ngày 15 tháng 5, năm 2026, năm thứ hai Triều đại Giáo hoàng của tôi.

LÊ Ô PP. XIV

²²² Bênêdictô XVI, *Triều Yết Chung* (15 tháng 2, 2006): L'Osservatore Romano, 16 tháng 2, 2006, 4.

²²³ *Bài suy niệm nhân dịp Đêm canh thức cầu nguyện và giờ Kinh Mân Côi cầu cho Hòa bình* (11 tháng 10, 2025): L'Osservatore Romano, 13 tháng 10, 2025, 2.

²²⁴ Thánh Paul VI, *Bài giảng tại Đền thánh Thánh mẫu Đức Mẹ Bonaria*, (24 tháng 4, 1970): AAS 62 (1970), 301.